

I THÁNG 9 NĂM 1968

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười hai

LÝ CHÁNH TRUNG khi nhà giàu làm cách mạng *
TRẦN THÁI ĐÌNH đối tượng và phương-pháp khoa
Nhân-học cơ-cấu * VÕ QUANG YẾN chất thuốc của
thời đại LSD * VIỆT PHƯƠNG cơn sốt tự do ở Tiệp-
khắc * THẾ NHÂN góp ý về phương thức đánh thuế
trên mức sống xa hoa * LÊ PHƯƠNG CHI tâm
sự Năm Châu : cuộc đời tình ái và những kỷ-niệm
trong đời lưu diễn * TỪ TRÌ thời sự thể giới * VŨ
HOÀNG CHƯƠNG nhận diện TRẦN TUẤN KIẾT áo
trắng * BÙI ĐĂNG cúi mặt * BÙI KIM ĐÌNH ngược
chiều * BACH KHOA THỜI ĐẠI đọc sách giúp
bạn * LÊ VĂN SIÊU vài cảm nghĩ về hình ảnh quê
hương * **SINH HOẠT** thời
sự văn nghệ * thời sự khoa
học * thời sự kinh-tế *

280





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 280 ngày 1-9-1968

LÝ CHÁNH TRUNG <i>khi nhà giàu làm cách-mạng — tru yền thống cách mạng và chánh phủ của nhà giàu</i>	3
TRẦN THÁI ĐÌNH <i>đối-tượng và phương-pháp khoa Nhân-học cơ-cấu</i>	13
VIỆT PHƯƠNG <i>cơn sốt tự do ở Tiệp-khắc</i>	19
VÕ QUANG YẾN <i>chất thuốc của thời đại : L.S.D.</i>	29
THẾ NHÂN <i>góp ý về phương thức đánh thuế trên mức sống xa hoa</i>	38
LÊ PHƯƠNG CHI <i>tâm sự Năm Châu : cuộc đời tình ái và những kỷ-niệm buồn vui trong thời lưu diễn</i>	42
BÁCH KHOA THỜI ĐẠI <i>đọc sách giúp bạn : Chiến quốc-sách (Nguyễn Hiến Lê và Giản Chi) ; Bên kia đường (Võ Hồng) ; Máu đào nước lã (Minh Quân)</i>	51
LÊ VĂN SIÊU <i>vài cảm nghĩ về hình ảnh Quê-hương</i>	54
VŨ HOÀNG CHƯƠNG <i>nhận diện (thơ)</i>	56
TRẦN TUẤN KIẾT <i>áo trắng (thơ)</i>	58
BÙI ĐĂNG <i>cúi mặt (truyện dài)</i>	59
BÙI KIM ĐÌNH <i>ngược chiều (truyện)</i>	68
SINH HOẠT	
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	73
TỬ ĐIỆP <i>thời sự khoa-học</i>	75
DUY <i>thời sự kinh-tế</i>	77
TỪ TRÌ <i>thời sự quốc-tế</i>	79

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa soạn :

160, Phan-Đình-Phùng Saigon

Điện-thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133, Võ-Tánh Saigon

GIÁ : 30 \$ Công sở Giá gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

HỘP THƯ

— *Tạp chí Bách khoa* đã nhận được các bài sau đây:

Trên quê hương mùa thu ; Trong thành phố đó : Về ; nhìn thấy ; Love is boluc ; xuống thang thấp ; Mây ; Trong tình mùa Hạ. Tháng Bảy ; Đỉnh bình yên ; Nước mắt sự thật (Tình như), Bài hát sang mùa ; kỷ niệm với một người. Số phận... (Hải Bằng), Thân phận quê hương (Lê Trầm Anh), Đỉnh mộng (Lê Bá Lăng) Giữa rừng trắng ; Tình khúc tháng năm ; Phút phiêu du trên đời ; Về rừng (Trần Triệu Trân). Bài 31-7 về một khoảng đời ; Trước giờ đi ngủ (Tuy Viễn). Tuổi trẻ và nhận hướng (Nguyễn Minh Quang) Thân phận da màu (Mai Duyên Hải, Đồng bằng giới nghiêm, chút duyên (Người tóc dài.) Thư viết từ địa đầu ; Lời ru từ Trường sơn ; Bóng bay ; và bông hồng (Võ quê) Nhắc nhở ; Hương nồng ; Những giọt lệ hôm nay (Diêu tố Hà). Vườn cây (Mường Mán). Tương lai ; Huế, mùa Xuân 68 (Hoàng Giờ Quý). Bài thơ viết trong chùa (Đặng thanh Tùng), Trăng hoài vọng ; Ánh lửa tàn đông ; (Bùi-Uyên-Thanh) Công cuộc chấn hưng quốc gia (Nguyễn minh Quang) Ngõ tối ; Vọng phu ; 20 ; Vết thương (Quang) Nhật ký của người sắp bước chân vào đời ; Trong tuổi trẻ Việt Nam (Lê Hùng Sơn).

Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách-Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ trường hợp có thư riêng) thì quý bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— *Ô. Vu Doài*. Đã nhận được truyện ngắn và những bài thơ của anh và rất cảm ơn anh. Sẽ có thư riêng.

— *Chuẩn Ủy Trần Ngọc Hiền* (KBC 4540) Đã nhận được thư đề ngày 14-8 của ông ; Thư trước chắc thất lạc. Sẽ có thư riêng trình bày đề ông rõ.

— *Ô. Thủy Triều*. (Quảng Trị). Đã nhận được « Buổi chiều trên tháp chuông » và sẽ làm theo lời ông nói trong thư. Mục «BK. đọc sách » đã có trong số này. Chúc ông vui mạnh.

— *Anh Phan như Thức*. Mua và gửi về cho tôi chiếc mũ Quảng Ngãi số 56 (Hồ minh Dũng KBC 4895 - TLC)

GIÁ BÁO DÀI HẠN từ số 279 (15-8-68)

	☉	
Một năm	:	640 \$
Sáu tháng	:	330 \$

☉
Miền Trung và Cao-Nguyên : cước phí máy bay 30 \$ một năm.

Ngoại-Quốc : cước phí tàu thủy 50 \$ một năm.

GIA MỖI SỐ : 30 \$
CÔNG SỞ : GIA GẤP ĐÔI

Cuộc Cách-mạng của nhà giàu

4 — KHI NHÀ GIÀU LÀM CÁCH-MẠNG...

Trước những cơn bão táp triền-miên của chánh-trường nước Pháp kể từ Cách-mạng 1789 cho đến tận những ngày gần đây, thật là một sự an nghỉ cho tâm-hồn khi nhìn lại cảnh trời quang mây tạnh của nước Mỹ, ít nữa là trước những năm gần đây ! Gần hai thế-kỷ sau ngày lập-quốc, bản Hiến-Pháp nguyên-thủy vẫn còn đó, với chữ ký của Washington, mà chỉ được tu-chính có 23 lần. Ba mươi lăm ông Tổng-thống nối đuôi nhau điều-khiển một Quốc-gia đã lớn nhanh như Phù-dồng Thiên-vương, mà không có ông nào bị đảo-chánh cũng không có ông nào bị cầm đồ trở thành một nhà độc-tài ; vài ông bị ám sát, nhưng cái chết đột-ngột của họ không gây một xáo trộn đáng kể nào trong sanh-hoạt quốc-gia. Điều hiếm có hơn hết là các đảng « Quốc Phụ » (Pères fondateurs), sau khi đã thành-lập nền Cộng-hoà, đã hợp-tác với nhau để lãnh đạo xứ sở, và khi nhiệm-kỳ đã mãn, đều trở về vui thú điền viên giữa niềm kính mến của dân-tộc : họ đã sống lâu, sống đầy đủ và đều... chết trên giường hết thảy ; họ cũng có mâu-thuân, tranh chấp với nhau vì ý-kiến hoặc vì quyền-lợi, nhưng họ đã giải quyết những mâu

thuân tranh chấp ấy bằng đường lối dân-chủ mà không bỏ tù, lưu đày, ám-sát, thủ-tiêu nhau như người ta thường thấy trong những giai-đoạn « hậu Cách-mạng » tại các nước khác. Suốt hai trăm năm lịch-sử, chỉ có một lần khủng-hoảng lớn : Cuộc nội-chiến năm 1861, khi Tổng-thống Lincoln quyết-định chấm dứt chế-độ nô-lệ, nhưng chấp nhận một cuộc nội-chiến tàn khốc để giải-phóng người nô-lệ da đen, đó là cái vinh chớ không phải cái nhục của nước Mỹ.

Nếu Cách-mạng, theo định-nghĩa của bà Arendt, là đặt nền móng cho Tự-do, nghĩa là thành-lập Chế-độ Cộng-hoà, thì nước Mỹ quả là một thành-công lớn nhứt trong lịch-sử Cách-mạng.

Lý-do của sự thành công ấy, theo bà Arendt, là « nạn nghèo đói đã vắng mặt trên đất Mỹ, trong khi nó hiện diện ở khắp mọi nơi trên thế-giới » (tr, 96). Tất cả những nhận xét của các du-khách Âu-Châu thời đó đều giống nhau ở điểm này. « Trên suốt 1.200 dặm đường, tôi đã không gặp một kẻ ăn xin » (Andrew Burnaby, dẫn trg. 96). Và Benjamin Franklin, khi nói về quê hương của ông, cũng khoe rằng « mọi người đều được

tự-do, có quyền bỏ phiếu trong các vấn-đề công-cộng, sống trong một căn nhà được sưởi ấm, với thừa thãi thức ăn và củi để chụm» (dẫn trg. 94-95). Xứ Mỹ là « xứ tốt cho kẻ nghèo » (William Penn).

Vì không có lũ người nghèo lúc nhúc kéo vào chánh-trường với những nhu-cầu « nội trợ » của họ, các Đảng Quốc-Phụ, vốn đã khôn ngoan hơn các nhà Cách-mạng Pháp, lại có đủ thì giờ, đủ thoải mái trong tâm trí, để nghiên-cứu tường tận các vấn-đề, thấu thập tất cả những kinh-nghiệm dân-chủ từ thời Thượng-Cồ, hầu xây đắp những nền-móng vững chắc nhứt cho nền Cộng-hòa, điều mà các nhà Cách-mạng Pháp đã không làm nổi. Và phải nhận rằng cái Hiến-Pháp mà họ đã đề ra, mười hai năm sau bản Tuyên-ngôn độc-lập, là một tuyệt phẩm chánh trị : quân bình, khôn ngoan và nhứt là giản-dị.

Nói cách khác, người Mỹ đã thành công vì họ không bị « vấn-đề xã-hội » (cuộc giải-phóng dân nghèo) làm lạc mất mục-tiêu của Cách-mạng : họ chỉ cần giải-quyết « vấn-đề chánh-trị », nghĩa là thiết-lập Tự-do.

Nhưng có lẽ nào, trong một nước gồm 2 triệu dân và nửa triệu người nô-lệ (1), lại không có một « vấn-đề xã-hội » nào có thể làm bận tâm các Đảng Quốc Phụ ? Bà Arendt cũng thấy rõ vấn-nạn này nên sau khi đã khẳng định như trên, Bà đã vội vàng « bỏ túc » ở hai điểm.

Trước hết, Bà nhìn nhận rằng, mặc dầu không có sự khốn cùng (misère) trên nước Mỹ thời đó nhưng vẫn có sự nghèo nàn (pauvreté) : « Sự tương-phản giữa kẻ giàu và người nghèo... là một cảnh tượng hiện diện khắp nơi trên đất Mỹ và đã làm lo nghĩ các Quốc Phụ » (tr. 96).

Không những các Đảng đã « lo nghĩ » về sự chênh lệch giàu nghèo, mà ít ra cũng có một đảng đã ý thức sâu xa niềm tủi nhục của dân nghèo, như trong đoạn văn sau đây của John Adams :

« Lương tâm của kẻ nghèo rất trong sáng, thế mà họ vẫn hồ thẹn... Họ cảm thấy họ ở ngoài tầm mắt của tha nhân, họ sờ soạng tìm kiếm trong bóng tối... Không ai chê trách họ điều gì, nhưng không ai trông thấy họ, giản dị là như thế. Hoàn toàn không được ai đề ý tới và ý thức tình cảnh này, là một điều không thể chịu đựng nổi » (tr.97).

Tuy nhiên, sau khi đã xúc động trước cái thân phận «không thể chịu đựng nổi» của kẻ nghèo, J. Adams lại thần nhiên cho rằng sự phân biệt giàu nghèo là « lâu đời như vũ-trụ và rộng lớn như mặt đất », nghĩa là nó có tính cách vĩnh cửu và phổ-biến, như một định-luật thiên-nhiên. Do đó, không thể chấm dứt, dầu là trong một xứ « tốt cho kẻ nghèo » như xứ Mỹ. Đó cũng là quan điểm chung của các Đảng Quốc-Phụ mà hầu hết là những kẻ giàu, ngay cả Jefferson là người có những tư-tưởng cấp-tiến nhứt trong phạm-vi chánh-trị. Trong chương-trình phát-triển giáo-dục của ông, Jefferson đã đề-nghị giáo-dục các công dân « tùy theo giai-cấp và nghề-nghiệp của họ » (tr. 102), nghĩa là nhà giàu phải được giáo-dục theo nhà giàu, nhà nghèo theo nhà nghèo, lao-động, theo lao-động, trí-thức theo trí-thức. Không có vị nào đã nghĩ rằng giáo-dục là cái quyền của mỗi người được

(1) Theo bà Arendt, vào giữa thế-kỷ 18, đã có khoảng 1.850 000 dân da trắng và 400.000 dân da đen trên đất Mỹ.

André Maurois đã cho một con số thấp hơn : 1 250.000 dân da trắng và 230.000 da đen, năm 1765 (Sách đã dẫn, tr g. 70)

phát-triển toàn-diện những khả-năng của mình, bất-luận thuộc thành-phần nào trong xã-hội, điều mà các nhà Cách-mạng Pháp đã nghĩ khi họ muốn thực hiện giáo-dục cưỡng-bách.

Như vậy nước Mỹ vẫn có kẻ nghèo, dầu cho kẻ nghèo ở đây không đến nỗi đói rách như bên Âu-Châu, và dầu cho niềm tủi nhục của họ, như J. Adams đã nhận-định, nằm trong sự « tối tăm », sự « vắng mặt » của họ trước mắt người giàu hơn là trong sự thiếu thốn vật-chất. Có những kẻ nghèo sống trong cảnh tối tăm là có « vấn-đề xã-hội ». Nhưng bà Arendt cho rằng, vì sự nghèo nàn bên Mỹ không đi tới chỗ bần cùng, nên vấn-đề xã-hội đã không có tính cách khẩn-thiết như ở Âu-Châu và do đó, đã không làm « lạc hướng » cuộc Cách-mạng.

Nhưng còn nửa triệu dân da đen thì sao ? Chẳng lẽ họ cũng « được tự-do, được đầu phiếu và sống trong những căn nhà ấm cúng » — như Franklin đã khoe ? Bà Arendt nhìn nhận rằng hoàn - cảnh người da đen lúc ấy là « một sự khốn cùng tàn-nhẫn và làm sa-đọa con người » (tr. 99) và cảnh-tượng đau lòng ấy « hiện-diện khắp nơi » trên đất Mỹ. Một số Quốc Phụ, nhứt là Jefferson đã xem sự nô-lệ-hóa dân da đen là cái « tội ác nguyên-thủy » của xã-hội Mỹ, và họ đã « run sợ khi nghĩ đến sự công bằng của Thiên-Chúa » (Jefferson).

Tuy nhiên, họ chỉ nhìn vấn-đề nô-lệ trên *khía cạnh chánh-trị*, như là một sự kiện hoàn toàn mâu-thuẫn với chế-độ Cộng-hòa, chớ không nhìn nó trên *khía cạnh xã-hội*, nghĩa là không nhìn cái hoàn cảnh « khốn cùng tàn-nhẫn và làm sa-đọa con người » của dân da đen (1). Thật ra họ đã đứng dưng trước hoàn cảnh này và dầu có kính phục họ đến đâu, bà Arendt cũng phải cho là sự đứng dưng ấy « thật kỳ lạ » (tr. 99).

Nhưng Bà đã vội biện hộ : không phải trong thời-đại nào, người ta cũng biết thương xót kẻ khốn cùng. Mỗi thời đại có những « phạm trù » của nó, và không thể dựa vào những phạm-trù của chúng ta để phán đoán người xưa. Ngay trong những thế - kỷ mà Thiên Chúa-giáo — đạo của tình thương — đã có một ảnh-hưởng quyết định đối với những giá trị đạo-đức của nền văn-minh Tây-phương, lòng thương xót chỉ hiện-diện trong đời sống tư riêng, nghĩa là ở ngoài phạm-vi chánh-trị. Phải đợi đến thế-kỷ 18 mới thấy lòng thương xót — mà Rousseau đã ca ngợi như cái bản năng tốt lành tự nhiên của con người — chớm nở trong « một tầng lớp nào đó của xã-hội Âu-Châu » và « nơi những người sau này sẽ tham gia cuộc Cách-mạng Pháp » (tr. 100). Cuộc Cách-mạng Mỹ đã xảy ra sớm hơn, do đó không thể trách các Đấng Quốc-Phụ đã đứng dưng trước cảnh khốn cùng.

Thật ra, chính sự *đứng dưng* này là cái may mắn vô song của nước Mỹ, bởi vì lòng thương xót, khi nó tràn ngập chánh trường, sẽ đưa tới những tai họa khủng khiếp như chúng ta đã thấy trong cuộc Cách-mạng Pháp.

Té ra là như vậy : nước Mỹ không thiếu kẻ nghèo hèn, không thiếu kẻ khốn cùng, cũng không thiếu những người ý-thức sự tủi nhục hoặc bất công của

(1) Cho nên, gần một thế-kỷ sau, khi Lincoln giải phóng người da đen, ông cũng chỉ giải-phóng trên bình-diện chánh-trị : hủy bỏ chế-độ nô-lệ mà không trừ liệu một biện-pháp xã-hội nào để giúp người da đen thoát khỏi thật sự nanh vuốt của người da trắng.

Mấy ngàn năm trước, Moïse đã cấp-tiến hơn ông nhiều khi bắt buộc người chủ phải giải-phóng nô lệ của mình sau khi dùng họ 6 năm và khi giải phóng, *phải giúp họ một số vốn để làm ăn* (xem Deutéronome, XV, 12-18).

những hoàn cảnh ấy, nhưng Cách-mạng Mỹ đã thành công vì các nhà « Cách-mạng » chưa biết thương xót, vì đó là « cuộc Cách-mạng duy-nhứt trong đó lòng thương xót đã không đóng vai trò nào cả » ! (tr. 100)

Kẻ nghèo đã không tràn ngập chánh-trường Mỹ, hoặc vì họ không quá nghèo (trong trường hợp dân da trắng) hoặc vì họ còn quá ngu dốt (trong trường hợp dân da đen), lòng thương xót kẻ nghèo cũng không tràn ngập cuộc Cách-mạng, nhờ đó mà các nhà « Cách mạng » Mỹ đã « làm chủ hoàn toàn hành-động của họ » từ đầu đến cuối, « từ bản Tuyên ngôn độc-lập đến bản Hiến Pháp » (tr. 136). Đối với họ, Cách-mạng không phải là một « giòng thác lũ » lôi cuốn con người theo cái « hướng đi tất-yếu của lịch-sử » như người ta vẫn nói bên Âu-Châu, từ Robespierre tới Lénine (1). Cách-mạng là hành-động của con người nắm lấy vận-mạng của mình, bằng cách thiết-lập những định-chế trường-cửu khả dĩ bảo-đảm Tự-do cho mình và con cháu mình. Các đảng Quốc-Phụ Mỹ đã làm được điều ấy, vì « tất cả sự việc đã xảy ra như thể cuộc Cách-mạng Mỹ đã được hoàn thành trong một tháp ngà, nơi đó không bao giờ lọt vô được cái cảnh tượng dễ sợ của sự khốn cùng của con người » (tr. 136).

Không phải không có sự khốn cùng, nhưng cảnh khốn cùng đã không bao giờ được lọt vô cái « tháp ngà cách-mạng », vì hầu hết các nhà « Cách-mạng » là những kẻ giàu, và những kẻ giàu chưa biết xót thương, thấy dân nghèo sống cuộc đời « tối tăm » mà không muốn đem lại ánh sáng, biết « run sợ » trước cái « tội ác nguyên thủy » là chế-độ nô lệ mà vẫn đứng vững duy trì chế độ này trong gần một thế-

kỷ (2). « Vắng mặt » trước kẻ khác mà không biết đứng lên đòi được « có mặt » là khuyết điểm của dân nghèo Mỹ, làm trâu ngựa cho kẻ khác mà không biết nổi dậy đề đòi quyền làm người là khuyết điểm của dân da đen Mỹ ; giàu sang mà không biết xót thương kẻ nghèo hèn là khuyết điểm của các Quốc-Phụ Mỹ. Nhưng ba khuyết điểm ấy — khuyết điểm của kẻ giàu cũng như của kẻ nghèo — chính là ba yếu-tố thành-công. Đó là cái sự may mắn vô song của cuộc « Cách-mạng Mỹ ».

Bởi vì cứu cánh của Cách-mạng không phải là giải-phóng dân nghèo mà là « thiết lập Tự-do ».

xXx

Tôi sẽ nói vắn-tắt về những yếu-tố thành-công khác của cuộc « Cách-mạng Mỹ », mà bà Arendt đã trình-bày trong hai chương dài, vì đây là những yếu tố có tính cách chánh-trị chuyên-môn.

Nói chung là người Mỹ đã đi từ may

(1) Theo bà Arendt, các nhà Cách-mạng Nga chỉ học-tập làm Cách-mạng trong lịch-sử Cách-mạng Pháp — « tất cả sự chuẩn bị của họ chỉ gồm bao nhiêu đó » — và điều mà họ đã học được, « đó là lịch-sử chứ không phải hành-động » (tr. 80). Họ đã trở thành « những kẻ điên của lịch-sử » (tr. 81).

Phải chi Lénine chịu khó sang Mỹ trên bước đường lưu-vong của ông, thay vì sang Pháp, thì hay cho Cách-mạng biết mấy !

(2) Thật ra trong bản Tuyên-ngôn độc-lập do Jefferson thảo, ông có viết một đoạn lên án chế-độ nô lệ mà ông đổ lỗi cho chánh-quyền Anh — nhưng đoạn này đã bị Quốc-Hội bác bỏ. Điều này càng cho thấy rõ cuộc « Cách-mạng Mỹ » chỉ nhằm phục-vụ quyền-lợi của giai-cấp chủ-diện và doanh-thương. Qua thế-kỷ 19, khi kỹ-nghệ Mỹ phát-triển mạnh tại miền Bắc và đòi hỏi nhiều công-nhân « tự-do », thì giai-cấp kỹ-nghệ-sĩ sẽ ủng-hộ cuộc giải-phóng người da đen của Lincoln.

mắn này đến may mắn khác. Và mỗi cái « may mắn » của họ lại tương-phản với một cái « xui xẻo » của người Âu-Châu, đặc-biệt là người Pháp.

Sau cái may mắn có những nhà lãnh đạo không biết thương xót kẻ nghèo, điều may mắn thứ hai của cuộc « Cách-mạng Mỹ » là người Mỹ, vì là dân thuộc-địa của một chế-độ quân-chủ « ôn-hoà », đã có một *kinh-nghiệm Tự-do* rất thực-tiến và phong-phú, ngay khi còn là thuộc dân, trong lúc người Pháp chỉ biết « mơ-mộng *Tự-do* » dưới mấy trăm năm chuyên-chế của giòng họ Capet và sau hàng ngàn năm chuyên-chế của các Giáo-Hoàng La-Mã.

Những Cộng-đồng thuộc dân bên Mỹ được thành-lập do một Hiến-Chương (Charte) của nhà vua ban cho, nhưng cũng do những Hiến-Uớc (Pacte) mà chính các thuộc dân đã ký-kết với nhau, như cái Hiến-Uớc đầu tiên gọi là « Hiến-ước Mayflower » mà cuốn Sử-ký nào cũng nhắc tới:

Ngày 21 tháng Chạp năm 1620, chiếc tàu Mayflower chở một nhóm di cư thuộc phái Puritain, sau khi lạc đường trong một tháng trời vì các trận bão, đã cập bến nơi một vùng xa lạ của Mỹ-Châu thay vì đến xứ Virginie như đã dự định. Trước khi đồ bộ, tất cả những đàn ông trong nhóm (1) đã hội lại và ký một « Hiến ước » theo đó họ sẽ thành-lập một « thể-chế chánh trị dân-sự » (corps politique civil) nhằm tự cai-trị lấy họ và đạt tới những mục-tiêu chung ; chiếu theo Hiến-ước đó, họ sẽ ban hành những luật lệ cần thiết và bổ nhiệm những viên chức mà họ hứa sẽ tuân hành những mệnh lệnh.

Đó là cái «khế-ước xã-hội» của các lý-

thuyết-gia Âu-Châu thế-kỷ 17-18. Khác một điều là tại Âu-Châu, khế-ước xã-hội chỉ là một *giả-thuyết* để cắt nghĩa nguồn gốc của quyền-bính. Trái lại, tại Mỹ, đó là một *kinh nghiệm thực-tiến*. Người Mỹ đã không chịu một ảnh hưởng nào của lý thuyết « khế-ước xã-hội » Âu-Châu, nhưng họ đã khám phá, một cách gần như tình cờ và do sự thúc đẩy của hoàn cảnh, một vài sự thật căn bản đã làm nền tảng cho lý thuyết đó.

Hơn nữa, lý thuyết « khế-ước xã-hội » của Âu Châu theo đó mỗi phần tử xã-hội tự ý trao mọi quyền-hạn của mình cho chánh quyền (2) là nguồn gốc của *nguyên tắc chuyên chế* (pincipe absolutiste), trái lại cái hiến-ước thực-tế của các dân Mỹ là nguồn gốc của *nguyên tắc Cộng hòa*. Nguyên tắc này không dựa vào một niềm tin « gần như tôn giáo » nơi sự tốt lành hoặc xấu xa nguyên thủy của con người ; nó chỉ đòi hỏi một sự *tin cậy thực tiễn* giữa những người phải sống chung với nhau trong một xã-hội, dựa trên một sự *giao-kết* rõ ràng và hướng về *những hành động* cụ thể.

Ngoài ra, trong những công-xã thời thuộc địa dần dần đã hình thành những tập quán dân-chủ, đặc biệt là những « đại hội thành phố » (town meeting) trong đó các công dân có thể bầu cử những viên chức và tham gia vào việc giải quyết những vấn đề chung.

Tóm lại, « chính nhờ kinh-nghiệm hơn là nhờ một lý-thuyết hoặc sự học hỏi uyên-thâm mà các nhà Cách-mạng Mỹ đã học được cái ý-nghĩa thật của câu ngạn ngữ la-tinh : potestas in populo

(1) 41 người tất cả.

(2) Chắc Bà Arendt muốn nhắc tới Hobbes hơn là Rousseau.

(quyền bính ngự nơi nhân dân) » (tr. 262) Và kinh-nghịem này « không có một cái gì tương-đương trên khắp thế-giới » (tr. 260).

Nhờ kinh-nghịem dân-chủ, « nhân-dân » đối với người Mỹ không phải là « cái dân tộc đứng trên mọi quyền uy và không bị trói buộc bởi một luật-lệ nào, mà là một *thực-tại sống động*, là đám quần chúng có *tổ-chức* mà quyền năng được thi-hành đúng với luật-pháp và trong khuôn khổ luật-pháp » (tr. 244). Cũng nhờ đó mà họ không bao giờ quan-niệm dân-tộc như một khối duy nhứt và bất khả phân, luôn luôn đòi hỏi sự « nhất-trí » (unanimité), mà như một thực-tại *đa tạp* (1) với những quyền-lợi, khuynh hướng, ý kiến khác nhau, luôn luôn đòi hỏi sự trao đổi, đối thoại (tr. 133).

Sau cùng, cũng nhờ kinh-nghịem mà họ đã phân biệt được 2 phạm-vi rõ-rệt của *quyền bính và luật-pháp*. Quyền bính ngự nơi nhân-dân, nhưng luật-pháp bắt nguồn từ Hiến-Pháp. Và Hiến-Pháp là một văn-kiến rõ-ràng, đã được nhân-dân biểu-quyết chấp-thuận, giống như cái Hiến-ước đầu tiên được ký trên tàu Mayflower, do đó, nó *trói buộc* chính nhân-dân, nghĩa là trói buộc quyền bính. Một văn-kiến rõ ràng, «dầu người ta có thể nhìn nó trên những khía cạnh khác nhau và giải thích nó theo nhiều lối... nhưng nó không bao giờ là một trạng-thái tinh-thần chủ-quan như cái ý-chí » (tr. 230).

Cho nên, đến ngày hôm nay, ở cuối bản Hiến-Pháp của họ, vẫn còn chữ ký của Georges Washington, Chủ-tịch Quốc-ước Hội-nghị và đại-biểu Tiểu-bang Virginia, « ngày thứ mười bảy tháng Chín năm 1787 Cơ-đốc kỷ-nguyên và năm

thứ 12 của nền Độc-lập Hoa-Kỳ »...

oOo

Nhưng người Mỹ vẫn chưa hết may mắn ! Điều may mắn thứ ba là họ đã *chịu ảnh hưởng quyết-định của Montesquieu* như người Pháp đã chịu ảnh hưởng của Rousseau.

Ai cũng biết Montesquieu đã khám phá nguyên-tắc «phân-quyền» từ sự nghiên-cứu Hiến-Pháp nước Anh và học thuyết của Locke. Bất cứ kẻ nào có quyền đều có khuynh hướng lạm-quyền và sẽ lạm quyền «cho đến khi đụng phải một giới hạn».Mà cái gì có thể chặn đứng một quyền bính ? Chỉ có một quyền bính khác. Do đó phải tách rời và quân-bình-hóa các quyền lập-pháp, hành-pháp và tư-pháp.

Các Đảng Quốc phụ Mỹ đã áp dụng học thuyết của Montesquieu đến cái mức độ gần như hoàn-hảo, hơn nữa, họ đã hiểu rõ «tinh-thần» của Montesquieu : sự phân-quyền không nhằm tạo nên những chánh quyền bất lực, mà trái lại phải đưa đến những *chánh quyền mạnh*, bởi vì chỉ có sự phân quyền mới thực-hiện được một lượt hai mục tiêu có vẻ mâu-thuẫn với nhau : vừa *giới-hạn* một quyền bính, vừa *giữ nguyên vẹn* quyền bính đó. Bằng có là sự thành-lập Chánh-quyền trung-ương đã không hủy bỏ hoặc làm yếu đi mà chỉ giới hạn quyền bính của các Tiểu-bang.

Nhưng sự sáng tác độc đáo của các Đảng Quốc-Phụ, là đã giao cho ngành Tư-Pháp cái *quyền giải-thích Hiến-Pháp*, khiến cho Tối-cao Pháp-viện trở thành một «quyền lập-hiến liên-tục» hay là, như

(1) Sự đa tạp này không thể quan-niệm ở Âu-Châu, không những vì lý thuyết của Rousseau mà còn vì sự nghèo đói. «Tiếng kêu «bánh mì» bao giờ cũng được kêu lên bằng cùng một giọng !» (tr. 135).

Tổng Thống Wilson đã nói, «một thứ Quốc-hội Lập-hiến với một khóa hợp vĩnh-viễn» (tr. 296). Nhờ đó, Hiến-Pháp mới có thể thích ứng với những biến-chuyển của hoàn cảnh mà không phải thay đổi hoặc tu chính liên-miên như tại Âu-Châu.

« Bản Hiến pháp Hoa-kỳ đã làm vững mạnh thêm Chánh quyền cách-mạng và, vì cứu cánh của Cách-mạng là Tự do, bản Hiến pháp ấy đã thật sự... đặt nền tảng cho Tự do » (tr. 225)

Tóm lại, «Cách mạng Mỹ» đã thành công vì nước Mỹ đã may mắn có được những nhà lãnh đạo giàu có chưa biết xót thương kẻ nghèo, có được những kinh nghiệm dân chủ độc nhất vô nhị trên thế giới trong những tập-tục của những thuộc dân giàu có và sau cùng, có được một lý-thuyết dân-chủ thực-tế và quân bình. Mà Montesquieu, tác giả của lý thuyết này, là ai ? *Cũng là một kẻ giàu*, một nhà quý phái, dầu là một nhà quý phái rất mực thông minh, sáng suốt và có tinh thần dân chủ. Như vậy, từ đầu đến cuối, từ lý thuyết tới thực hành, phải nhận rằng đây là *cuộc Cách-mạng của nhà giàu*. Kẻ giàu là kẻ thành công trong mọi việc, kẻ luôn việc làm Cách mạng !

oOo

Nhưng theo Bà Arendt, cuộc Cách-mạng ấy cũng đã *thất bại*, ít nữa là một phần.

Trước hết, nó đã không gìn giữ được *tinh-thần Cách-mạng*. Ở đây, bà Arendt đã thấy rõ một vấn đề căn bản của bất cứ cuộc Cách-mạng nào, khi đã thành-công: bảo-tồn tinh-thần Cách-mạng hay bảo-tồn những thành-quả của Cách-mạng.

Cách-mạng là tạo dựng *cái mới* và khi đã tạo dựng rồi, người ta muốn nó *tồn tại mãi* với thời gian : đó là ý-định của các Đấng Quốc-Phụ khi thành lập chế-độ cộng-hòa. Tuy nhiên, cái gì «trường cửu» thì không còn là «mới» và không có lý do gì bắt buộc các thế-hệ đến sau phải mãi mãi chấp nhận cái «mới» của cha ông mình. Cho rằng chế-độ Cộng-hòa có tính-cách trường-cửu, tức là phủ nhận cái quyền làm cách mạng của các thế-hệ tương lai. Vấn-đề thật là nan giải : muốn gìn-giữ tinh thần cách-mạng thì phải chấp nhận một cuộc Cách-mạng thường xuyên sẽ hủy bỏ liên-tiếp tất cả những thành quả của Cách-mạng ; còn muốn gìn-giữ những thành-quả này, thì phải chấm dứt tinh-thần cách-mạng.

Trong các Quốc-Phụ, chỉ có Jefferson là đã thấy vấn đề và đã chủ trương phải gìn-giữ tinh thần Cách-mạng thay vì những thành quả của Cách-mạng. Phải nhận rằng, ở điểm này, tư tưởng của Jefferson rất hiện-đại và cấp tiến. Theo ông, không có cái gì là bất-di bất-dịch trên đời này, *ngoại trừ những quyền căn bản của con người, trong đó có quyền nổi loạn và làm cách-mạng*, và cây Tự-do lâu lâu phải được tưới một lần bằng máu của những người yêu nước và máu của những bạo chúa» (1) Tuy nhiên thay vì để cho máu đổ «lâu lâu một lần» để tưới cây Tự do, ông đề nghị một biện pháp ôn hòa hơn (2) là thay

(1) Thư gởi từ Paris c' o William Stephens Smith, ngày 13-11-1787, dẫn tr. 345.

(2) Mặc dầu trong thâm tâm, ông vẫn thích những cuộc nổi loạn... «lâu lâu một lần», như khi ở Paris và được tin có cuộc nổi loạn tại Shay, ông rất khoái chí và viết : «Xin Chúa giữ cho chúng tôi đừng bao giờ trải qua 20 năm mà không có một cuộc nổi loạn như vậy»

đổi bản Hiến-Pháp theo những định-kỳ nhứt - định, mỗi định - kỳ tương đương với sự trưởng thành của một thể hệ mới, vì « mỗi thể-hệ có quyền lựa chọn cho nó cái chánh-thể mà nó tin là thích nghi nhứt với sự phát triển hạnh phúc của nó » (tr. 346).

Tiếc rằng chỉ có Jefferson là đã nghĩ như vậy, đối với các Quốc-Phụ kia, khi đã thiết lập được chế-độ Cộng-hòa, thì chỉ còn vấn đề bảo tồn chế độ ấy mà thôi.

Tuy nhiên, cái quyền làm Cách mạng của Jefferson có tính cách lýthuyết hơn là thực tế. Trong thực tế, muốn cho chế độ cộng hòa giữ được tính chất cách mạng của nó, thì phải làm sao cho *tất cả các công dân* được thật sự « chia sẻ việc trị quốc » một cách tích cực, chứ không phải chỉ cho phép họ đi bỏ phiếu, bốn năm hoặc hai năm một lần, để bầu lên những người cai trị họ. Muốn được như vậy, không những phải tạo ra những *định-chế cụ thể*, gần gũi với nhân dân như những Công xã thời thuộc địa, mà còn phải gìn giữ và quảng bá cái « *tinh thần công cộng* » (esprit public) nghĩa là sự tha thiết của quảng đại quần chúng đối với việc nước. Chính Jefferson đã thấy rõ hai điều kiện này khi ông đòi hỏi thành lập những « cơ quan cụ thể » (organes concrets) nhờ đó nhân dân có thể tham gia thật sự vào chánh quyền, và khi ông nói : « Ngày nào mà nhân dân ta không còn tha thiết với việc nước, thì anh và tôi, Quốc-Hội, các Hội - nghị, các quan Tòa và các Thống-đốc, tất cả chúng ta sẽ biến thành chó sói » (1).

Nhưng chế-độ Cộng-hòa Mỹ đã không thực hiện được hai điều-kiện trên. Về mặt *định-chế*, nó đã không thấu nhận những cơ quan cụ-thể của thời tiền-cách-mạng

như các Công-xã, mà cũng không thành-lập được những cơ quan khác, do đó, nó chỉ có thể đề ra một chánh quyền có *tính-cách đại-diện* cho nhân-dân (gouvernement représentatif), chứ không phải một *chánh quyền của và do nhân dân* ; « dưới chế độ Cộng-hòa Hoa-kỳ, người dân ít có những cơ hội đề thi hành những quyền tự do công-cộng và hưởng được hạnh-phúc công-cộng (2) hơn là dưới chế-độ thuộc địa của người Anh » (tr. 348). Về mặt *tinh-thần*, nền Cộng-hòa Mỹ đã không ngăn chặn nổi sự tiêu hao tinh-thần công-cộng : Giống như tại Pháp, sau giai-đoạn sốt sắng của Cách-mạng trong đó mọi người đều là diễn-viên trên sân-khấu chánh-trường, thi hành cái quyền tự-do công-cộng và hưởng được hạnh phúc công-cộng, người ta có khuynh-hướng quay về với hạnh phúc tư riêng.

Bên Mỹ, mặc dầu nền tự-do công-cộng có một nền tảng vững chắc hơn, sự theo đuổi hạnh-phúc tư riêng đã dần dà chiếm được ưu thế. Khác một điều là tại Pháp, nhà cầm quyền Cách-mạng (dưới thời Robespierre) đã phải chấm dứt các quyền tự-do công-cộng và đề cao hạnh-phúc tư riêng (3), vì đã không chịu đựng nổi sức ép của lũ dân nghèo đói rách mỗi ngày một đòi hỏi nhiều hơn ; còn tại Mỹ, chính nhân-dân đã lần hồi trở nên lơ là với việc nước, không phải vì nghèo

(1) Thư gửi Edward Carrington ngày 16-1-1787, dẫn trang 352.

(2) Hạnh-phúc công-cộng không phải là « hạnh Phúc chung » mà là hạnh-phúc của mỗi công-dân khi được hoạt động thật sự trên chính-trường, tham-dự vào việc nước. Xem phần đầu, Bách-Khoa số 278 (1-8-1968).

(3) Saint-Just : « Tự do của nhân-dân nằm trong đời sống riêng tư, đừng làm xáo trộn đời sống đó » (Institutions républicaines).

đói, mà vì sự « *đam mê làm giàu* » và làm giàu cấp kỳ.

Cho nên vấn đề của nước Mỹ không phải là sự mâu thuẫn giữa tự-do và nghèo đói mà là giữa *tự-do và thịnh-vượng*. Sự say mê những tiện-nghĩ vật-chất và ý muốn phô trương những của cải riêng tư dưới mắt kẻ khác — như thể những tiện-nghĩ và của cải là những tiêu chuẩn đánh giá con người — không thể đi đôi với tự-do và hạnh-phúc công-cộng, vốn đòi hỏi sự say-mê việc nước và ý muốn phô trương tài-năng thật-sự của mình. Cho nên các Quốc-Phụ — đặc biệt là Jefferson — đã có lý khi nhấn mạnh tới sự cần-thiết của một nếp sống thanh-bạch và giản-dị (1).

Thật ra, những tệ-đoan trên chỉ bắt đầu lan rộng khi dân nghèo Âu-Châu ùng-ùng kéo nhau sang Mỹ trong thế-kỷ 19 và 20. Dưới ảnh-hưởng của họ, nước Mỹ không còn là « vùng đất của Tự-do » để trở thành « vùng đất hứa tràn-trề sữa và mật » (tr. 203). Mơ ước của người Mỹ hiện-đại thật ra là mơ ước của dân nghèo Âu-Châu : Không phải « mỗi người được hưởng tùy theo nhu cầu » mà « *mỗi người được hưởng tùy theo dục vọng* ».

« Và nếu quả thật Tự-do chỉ có thể đến với những người đã thỏa-mãn những nhu-cầu của mình, thì quả thật Tự-do cũng sẽ mãi-mãi vượt khỏi tầm tay của những kẻ chỉ biết sống vì dục-vọng » (tr. 202).

Sự tiêu-hao tinh-thần công-cộng bên Mỹ chỉ là một cách « trả thù » của dân nghèo Âu-Châu ! Dầu vậy, tinh-thần công-cộng vẫn chưa mất hẳn và những

lý do để lo âu cho tương lai cũng bằng những lý do để hy-vọng.

Như vậy, cuộc Cách-mạng của nhà giàu cũng đã thất bại. Dầu rằng chỉ có một phần, nhưng đó là *phần chánh yếu* : chế độ Cộng-hòa Mỹ đã không thực hiện được cứu cánh của Cách mạng là « tự do công cộng » (nghĩa là sự tham gia của mọi công dân vào việc nước) trên cả hai bình diện định chế và tinh thần : « bản Hiến-pháp là sự thành công lớn nhất của nhân dân Mỹ, nhưng sau đó, chính bản Hiến-pháp đã làm mất đi những của cải quý báu nhất của nhân dân Mỹ » (tr. 353). Tuy nhiên, nếu nhà giàu thất bại, đó không phải là lỗi của họ mà là *lỗi của nhà nghèo*. Bởi vì dầu sao đi nữa, bản Hiến-pháp đã tạo nên một khung cảnh thuận lợi nhất cho việc thi hành tự do công cộng. Sở dĩ dân chúng Mỹ lơ là với việc nước, đó là vì từ thế kỷ 19, dân nghèo Âu-Châu đã tràn ngập chánh-trường Mỹ — như họ đã tràn ngập chánh-trường Pháp hồi thế kỷ 18 — mang theo cái bụng ụt ịt chứa đầy « dục vọng », cái miệng oang oác thèm bơ khát sữa của họ.

Chúa ôi ! trái đất này sẽ đẹp biết bao, nước Mỹ sẽ đẹp biết bao và « Cách-mạng » sẽ đẹp biết bao, nếu không có lũ dân nghèo rắc rối !

(xin xem tiếp trang 33)

LÝ CHANH TRUNG

(1) Đây là một truyền thống của giáo phái Puritain : mặc dầu giàu có, vẫn nên sống thanh-bạch và che dấu của cải mình. André Maurois có thuật lại rằng, dưới thời thuộc-địa, khi một luật-sư nổi tiếng ở Boston, Daniel Leonard, bắt đầu mặc những cái áo có thêu chỉ vàng và bắt 2 con ngựa vào chiếc xe của ông, thì đã « tiêu tan sự nghiệp ». Vì « mọi người đều chướng mắt trước cảnh đó » (John Adams).

TIẾNG KÊU TRẦM THỔNG

trước sự tàn phá con người

của VÕ - VĂN - ÁI

Bởi vì Tôn giáo, Văn Hóa và « *Cách Mạng đã đánh mất yếu tính hiện sinh thành trò thăm sát, thanh toán nhau* ». Bởi vì « *Chính trị đã đánh mất nguyên thể hành động để biến ra thứ cờ bạc rủi may* ». Con người đang bị dồn vào nghĩa địa, y hệt như sáu triệu người Do Thái bị đưa vào lò sát sinh của Đức Quốc Xã.

Chiến tranh đang đánh giặc với chiến tranh !

Hòa bình đang đánh giặc với hòa bình !

Hành động hay vô vi ? Bạo động hay bất bạo động ? Im lặng hay gào thét ?

Tất cả đều là những cặp danh từ rỗng tuếch, điêu ngoa, lừa dối, biểu lộ sự suy tàn của văn minh và sự chết đứng của tâm hồn và xã hội.

Từ Asoka, Vạn Hạnh, Gandhi đến Henry Miller, từ Nguyên Ngôn đến Hiện Thê, từ Tính Ái đến Vô Dục, đến Quân Đội, từ những lời thư đơn sơ đến những suy tư trác việt .. tất cả đang quện lấy nhau thành *TIẾNG KÊU TRẦM THỔNG TRƯỚC SỰ TÀN PHÁ CON NGƯỜI*. Một tiếng kêu bi tráng hóa ra phượng hoàng và trở thành trát lệnh tự thành sự nghiệp Việt — sự nghiệp cho ba nghìn thế giới.

Tiếng Kêu Trầm Thống Trước Sự Tàn Phá Con Người đã được trình bày, thảo luận, học tập tại các khóa Hội thảo quốc tế ở tám quốc gia : Anh cát lợi, Đức, Ý đại lợi, Pháp, Bỉ, Hòa Lan và Thụy Sĩ trong thời gian vừa qua, và đang tiếp tục làm đề tài nghiên cứu chính yếu ở hải ngoại hiện nay. Tại Việt Nam, các bạn có thể tìm đọc ở nhà xuất bản LÁ BỒI.

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỒI

120, Nguyễn Lâm — CHỢ LỚN

(Xin xem B.K từ số 265 đến 271
và từ số 278 trở đi)

Khoa Nhân-học cơ-cấu của CLAUDE LÉVI - STRAUSS

PHẦN I : ĐỐI-TƯỢNG VÀ PHƯƠNG-PHÁP KHOA NHÂN-HỌC CƠ-CẤU

(Xin xem BK. TĐ. từ số 279)

Đối tượng của khoa Nhân học là những cơ-cấu sinh-hoạt xã-hội. Mà nói cơ-cấu là nói hệ-thống của nhiều tương-quan chặt chẽ và vô thức. Để giúp ta làm quen với những cơ-cấu này, Lévi-Strauss đã viết hẳn một cuốn nhan-đề « *Sống và chín* » (*Le cru et le cuit*) để tìm hiểu quan-niệm sống của các thổ-dân Nam-Mỹ, nhất là dân Bororo, qua những thần-thoại của họ. Cuốn sách này khổ lớn, 16 x 24 cm, dày 402 trang, phân-tích và so sánh hơn 190 truyện thần-thoại khác nhau, làm người đọc có cảm-tưởng bị lạc vào trong cõi âm-u huyền-ảo của những rừng già của thổ-dân. Nhưng khi đã nhận ra những đường nẻo và hướng đi, thì mỗi thần-thoại là một kinh-nghiệm mới giúp ta hiểu rõ thêm về nếp sinh-hoạt của thổ-dân Bororo. Khoa Nhân-học chống lại triết *Logos*, chống lại mọi thứ ý-thức-hệ, và luôn xây dựng những trình bày của mình bằng những nét cụ-thể (ở đây là những truyện thần-thoại). Không thể giải thích xuôi bằng lời lẽ, nên chúng tôi buộc lòng phải tóm tắt công việc

phân-tích cụ-thể của Lévi-Strauss vào ba bốn thần thoại giương mắt sau đây.

Người ta bảo : đọc những cuốn sách súc tích và khó đọc, thì nên đọc ngược từ những trang cuối cùng. Đọc nơi trang 346 cuốn « *Sống và chín* », một trong những trang cuối cùng, ta thấy tác giả viết : « Truyện thần-thoại được kết-cấu bởi nhiều tấm, nhiều tờ xếp thành từng cột từng hàng, trong đó có một truyện được coi là gốc gác (*matrice*), nhưng rồi hãy đọc bất cứ tờ nào, hàng nào trong số các kiểu đó, người ta cũng thấy nó khơi động ý nghĩa của các hàng khác : mỗi thần-thoại đều có âm vang nơi tất cả các thần-thoại khác » (*Le cru et le cuit* trg 346). Nơi cuốn « *Sống và chín* », tác giả lấy thần thoại về nguồn gốc của nước mưa làm thần-thoại căn-cứ (*mythe de référence*) : ông tạm gọi đó là M₁, các thần-thoại khác sẽ lần lượt được ghi là M₂, M₃ v.v... Tất cả các truyện thần-thoại đều có những nét giống nhau : đó là tính chất đồng-hình (*isomorphe*) của chúng ; mỗi truyện là một tấm, một tờ, một cách nói lên cái thực-tại mà thổ-dân đang sống. Dưới

đây, lần lượt chúng ta sẽ đọc qua thần-thoại số 1 (tức M₁) về nguồn gốc nước mưa, thần-thoại số 7 (M₇) về nguồn gốc lửa bếp, và thần-thoại số 165 (M₁₆₅) về nguồn gốc mặt Trăng và mặt Trời.

Thần-thoại số 1 : Ngày xưa ngày xưa' đàn bà đi vào rừng hái lá cọ để làm bao dương-vật cho những con trai đến tuổi khôn lớn. Một thiếu niên lên theo mẹ và cưỡng hiếp mẹ. Khi bà này trở về, ông chồng thấy nơi thắt lưng của vợ có những lông chim, thứ lông chim mà bọn thanh thiếu niên quen dùng để trang sức. Ông nghi ngờ, liền tổ chức khiêu-vũ để dò xem thì thấy thủ-phạm chính là cậu con trai của mình. Thấy mình bất-hạnh và quyết tâm báo thù, ông sai cậu con đi đến những nơi có nhiều thứ ác quỷ, tà quái, để làm những công việc mà nhất định cậu con sẽ bị hại, nhưng trước khi đi cậu thanh niên xin bà ngoại (chắc là một bà đồng cao tay) giúp, nên hai lần cậu thoát chết nhờ những chỉ-dẫn của bà. Sau cùng, người cha vô cùng tức giận, lôi cậu con đi săn chim vẹt với mình. Bà ngoại chỉ kịp đưa cho cậu chiếc gậy thần của bà. Đến nơi có tổ vẹt, người cha dựng cây sào dài và bảo con trèo lên. Cậu vừa lên tới ngang tổ thì người cha chặt đứt cây sào : cậu con chỉ vừa kịp chống chiếc gậy vào một lỗ sâu của sườn núi. Người cha bỏ đi, và cậu bị tòng teng trên đó. Sau cậu bám vào một cây leo để bò lên đỉnh núi : đói không có gì ăn, cậu săn những con thần lằn để ăn và còn mang theo mấy xâu ở thắt lưng : mùi xác chết của thần lằn làm cho cậu siu đi, và một bầy kên-kên đánh hơi bay tới. Chúng ăn những con thần lằn chết và mờ rĩa mất cả móng vuốt cậu. Nhưng rồi bầy kên-kên

lấy mỏ cắn vào dây lưng cậu và bay đi : chúng để cậu xuống chân núi. Tỉnh lại cậu đi kiếm trái cây ăn cho đỡ đói, nhưng ăn đến đâu thì nó ra đến đấy, vì bị thủng đứt. Cậu liền lấy các thứ củ đắp kín chỗ hở kia. Khi đã lại sức, cậu lên về nhà bà ngoại. Đêm ấy có trận *mưa bão* làm cho lửa bếp trong làng tắt hết, trừ bếp của ngoại cậu : sáng hôm sau cả làng đến xin lửa, cả người vợ hai của cha cậu cũng tới và mẹ này nhận ra cậu, rồi về kể cho chồng biết. Cha cậu ca hát đón chào cậu. Nhưng cậu quyết trả thù. Một hôm đi săn, cậu biến hình thành một con chuột chũi : cậu rình xem chỗ cha cậu nấp, rồi biến hình thành con hươu xông lại đâm chết cha bằng cặp gạc của mình (Xem *Le cru et le cuit*, trg 43-45).

Theo Lévi-Strauss thì thần thoại này không những được dân bản thổ kể, mà còn là đề tài cho một bài ca trong đó người anh hùng câu truyện (tức cậu thanh-niên) nói : " Ta không muốn sống với những người Orarimugu nữa vì họ đã hành hạ ta. Để báo thù họ và báo thù cha ta, ta sẽ làm *gió, mưa* và *giá lạnh* trên họ. " (Sđ trg 45). Đó là nguồn-gốc của bão và mưa.

Thần thoại số 7 : Ngày xưa, một người Thượng nhìn thấy một tổ vẹt trên đỉnh một ngọn núi hiểm trở, anh về gọi em rề, tên Botoque, đến giúp mình. Anh bảo cậu em trèo lên chiếc thang mà anh vừa tạo ra. Lên tới tổ, cậu em bảo chỉ có hai trứng. (Không biết thực hư), anh bảo cậu em ném xuống : trong khi bị ném xuống, trứng biến thành đá và làm anh ta bị thương ở tay. Tức quá, anh rút thang và đi về. Botoque bị tòng teng trên mỏm đá nhiều ngày. Cậu đói, ốm, cùng quá cậu phải ăn phân của cậu. Sau cùng,

cậu thấy ông ba mươi (con hùm) mang cung tên đi qua đó và xách nặng những thứ đã săn được. Cậu muốn gọi, nhưng sợ quá. Ông ba mươi nhìn thấy bóng cậu in trên đất, bèn ngàng lên gọi cậu. Ông còn làm cái thang cho cậu xuống. Cậu do dự hồi lâu vì sợ lắm, nhưng rồi nghe lời ôn tồn của ông ba mươi, cậu xuống và được ông cõng lên lưng đưa về nhà. Cậu được ăn thịt «nướng» ngon lắm, nhưng cậu không hiểu nướng là gì, bởi vì hồi đó người Thượng chưa biết có lửa và vẫn ăn thịt sống. Vợ của ông ba mươi là một đàn bà Thượng: mẹ không ưa cậu thiếu-niên. Mẹ gọi cậu là « con người ngoại-bang ». Nhưng ông ba-mươi không có con nên đã nhất định nhận cậu làm nghĩa-tử. Những ngày ông ba-mươi đi săn, cậu ở nhà với mẹ và mẹ chỉ cho cậu ăn thịt ôi và lá cây. Càng ngày mẹ càng tỏ mặt ghét bỏ cậu. Ông ba-mươi biết cả, và đã nhiều lần trách mắng vợ. Một hôm ông ba-mươi cho Botoque một chiếc cung mới nguyên và nhiều tên bắn và dạy cậu cách sử dụng đề, nếu cần, cậu có thể bắn chết mẹ ghẻ. Và cậu đã bắn mẹ một tên trúng ngực chết ngay : sợ quá, cậu bỏ trốn về làng cũ, mang theo cung tên và một miếng thịt nướng. Cả làng mừng rỡ và quyết đi tới nhà ông ba-mươi để *chiếm đoạt lửa*. Khi tới, họ thấy vắng teo, mẹ đàn bà còn nằm chết đó, những thịt săn được hôm trước còn tươi đó. Bọn người Thượng liền mang thịt đó nướng trên lửa, và lần đầu tiên trong đời, họ được ăn thịt chín và được sưởi lửa. Còn ông ba-mươi thì rất buồn rầu vì cậu nghĩa-tử đã ăn cắp lửa của ông và còn mang theo cả cung tên. Ông thù lắm. Ánh lửa vì thế mà vẫn ngời sáng trong đôi mắt của ông : từ nay ông không còn

được ăn thịt chín nữa, đành ăn sống (Sđ trg. 74-75).

Thần thoại trên đây nói về nguồn-gốc của lửa bếp.

Khi tổng-kết các thần-thoại mà ông đã lần lượt phân tích, Lévi-Strauss viết : « Bây giờ chúng ta hãy ngoảnh nhìn lại thần-thoại được coi là căn-cứ (M1), và chúng ta hãy tính sổ xem đã đi tới đâu. Chúng ta nhận thấy thần-thoại M1 và thần-thoại M7 thuộc về cùng một bộ và người ta có thể biến đổi chút ít là có thể thay thần thoại này cho thần-thoại kia. » (Sđ trg 291). Thực vậy, khung cảnh rất giống nhau (cũng là đi săn chim vẹt), rồi cũng bị tông teng trên hốc đá, cũng nhờ loài vật cứu thoát v.v... Và kết quả là loài người được thêm một tiện-nghì : nước mưa, lửa bếp. Thực ra thì vẫn có sự tương-phản giữa hai nguyên-tố này, vì nước mưa của thần thoại M1 đã làm tắt hết lửa bếp trong làng : nước và lửa nghịch nhau.

Đến đây chúng ta vẫn chưa thấy những thần-thoại kia có gì ăn nhằm với phong-tục xã-hội của thổ dân. Mà như ta biết, phong-tục của thổ-dân Nam Mỹ cũng như của đồng bào Thượng ở Việt-Nam đầy rẫy những cấm-ky. Cấm-ky (tabou) ghê sợ nhất là tương quan âm dương, đực cái, trời đất v.v. Cho nên, sau khi nhắc đến hai thần thoại M1 và M7, Lévi-Strauss viết tiếp : Sự đối-nghịch giữa nước và lửa (giữa thần thoại M1 và thần thoại M7) được cắt ngang bởi một sự đối-nghịch giữa tiếng động và im lặng (Sđ trg 291). Như vậy chúng ta có một hệ thống gồm 4 hạn-từ và 2 tương quan đối nghịch :

nước / lửa // động / im.

Im lặng tượng-trưng cho sự êm thắm

của thành công. Lévi-Strauss nói: theo truyền thống ngày xưa bên Tây phương, thì nhà bếp rất kỳ tiếng động, cho nên ngôn-ngữ có câu «Giữa thịt với nhau, nhất thiết phải im hơi» (Sđ trg 299). Ngày nay dân bản-thổ Zuni mỗi khi nướng bánh bắp là thức ăn căn-bản của họ, họ cũng giữ im lặng cho đến khi bánh đã chín trên những chiếc thớt đá, vì họ tin rằng hễ nói lớn tiếng một lời thôi, các thớt đá liền vỡ tan và bánh sẽ hỏng (Sđ trg 300). Trái lại, các thổ dân khu vực động rất dữ, bằng đủ mọi phương tiện, mỗi khi có nhật-thực hay nguyệt-thực. Tại sao? Đó là điều ta phải xem đến dưới đây.

Lévi-Strauss thấy có sự đồng-hình giữa hiện tượng nguyệt-thực và hiện-tượng «rồ xề cặp lại» (ông già lấy gái mười tám). Hiện tượng này được gọi là «*charivari*» một danh từ mô phỏng những tiếng gõ gạc của soong, chảo, thùng, lon v.v. mà những người lân cận gõ lên trong đêm tân hôn của những cặp vợ chồng cặp lại một cách không xứng đối (Sđ trg 292-293). Người ta khu vực động âm ỹ để «con gấu khỏi ăn mặt trăng» trong những khi có nguyệt thực, và ở đây người ta khu vực nổi niêu soong chảo để trong gia táo nhà bên cạnh «con dê cụ» đừng ăn người thiếu nữ vừa tròn trăng. Tóm lại, tiếng khu vực động có một nghĩa nghịch với ý nghĩa sự êm thắm của im lặng. Tiếng khu vực động ngụ ý xua đuổi tà ma, can ngăn một hiện tượng quái ác. Mà nguyệt-thực, đối với óc thần thoại của thổ dân, lại hàm ý một câu chuyện đáng trách hơn là những vụ cặp lại

giữa một ông già và một thiếu nữ:

Thần thoại số 165 về nguồn gốc mặt trăng và mặt trời: Ngày xưa có một đôi vợ chồng sống trong một làng gần bãi biển. Vợ chồng này có hai con, một trai và một gái. Khi hai trẻ lớn lên, thì thằng con trai phải lờn g em gái mình. Nó luôn tìm cách gần gũi cô em gái: không chịu nổi nữa, cô em trốn lên trời và biến thành mặt trăng. Cậu con trai cũng theo lên trời và biến thành mặt trời để đuổi theo. Thỉnh thoảng cậu ta đuổi kịp và ôm được cô em, đó là nguyệt-thực (Sđ trg 302).

Như vậy, trong đầu óc người thổ-dân, nguyệt-thực là hình ảnh một cảnh loạn-luân, sự phối-hợp giữa những phần-tử không được gần nhau. Vả đây là trung-tâm của các thần-thoại thổ-dân: họ quan-niệm Trời và Đất, đực và cái, v.v. như những yếu-tố đối-ngịch. Tuy nhiên cần phải có một trung-gian để hòa giải những yếu-tố đối-ngịch này, nếu không sẽ nguy hiểm và sinh ra tai biến. Chúng ta sẽ dựa vào các thần-thoại của họ để hiểu rõ tương-quan giữa Trời và Đất, rồi sau sẽ dễ hiểu phong-tục của họ về tương-quan nam nữ cùng với những cấm kỵ.

Người cổ-sơ sống trong lo sợ: họ chưa có lửa để nấu ăn và sưởi ấm. Họ nướng thịt săn của họ trên những phiến đá dưới ánh mặt trời (Sđ. trg 79 và 295). Họ sợ Mặt trời xuống gần quá thì sẽ đốt chết họ như đã được kể lại trong những trận hỏa-tai toàn thế-giới (conflagration générale). Ngược lại, họ cũng đã kinh nghiệm những «đêm dài vô tận» (giống như những

đêm dài sáu tháng của Nam cực) vô cùng giá lạnh vì họ chưa biết dùng lửa để sưởi và cũng chưa có quần áo gì. «Lửa của trời không nên gần gũi với trái đất, vì như thế sẽ sinh ra một cuộc hỏa-tai toàn diện mà hiện-tượng đại-hạn chỉ là một điềm chỉ... Trong khi dân Sherenté sợ mặt Trời tới gần trái Đất quá sẽ sinh ra tai nạn khủng khiếp, thì dân Kraho lại lo sợ một tai biến ngược lại, mà thực ra tai biến này cũng có nơi

tâm trí người Sherenté : họ sợ nhật-thực báo hiệu những «đêm dài» như đã xảy ra xưa kia. Khi mặt trời xa vắng lâu thì đêm dài vô tận, giá lạnh, con người chỉ còn biết ăn lá cây và vỏ cây, và bị các súc vật quấy phá chết người, đến nỗi nhiều người đã chọn cái chết hơn là sống những ngày đó. » (Sđ trg 298-299),

(còn tiếp)

TRẦN THÁI ĐÌNH

THƯ-LÂM ẤN THƯ-QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nối : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào :

Trương-mục Bưu-điện số 2.701 Thư-Lâm ấn thư-quán.

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

פנינ

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

Cơn sốt tự do ở Tiệp-khắc

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 279)

Trong Bách-Khoa số trước chúng tôi đã nói tới những cải-cách tự-do ở Tiệp-khắc và phong-trào nhân-dân ủng-hộ nó.

Trong số này chúng tôi sẽ đề-cập tới những khó khăn mà các lãnh-tụ Tiệp-khắc gặp phải trong việc tranh-đấu cho đường lối tự do của mình.

Những khó khăn đó một phần là ở bên trong nhưng phần lớn là ở bên ngoài, do những nước cộng-sản muốn giữ vững đường lối cứng rắn, đứng đầu là Liên-xô.

Ở bên trong, Dubcek phải đối phó với Novotny và những người thuộc phe thủ cựu của ông. Tuy Novotny đã bị hạ bệ nhưng phe đảng của ông vẫn còn mạnh. Họ còn chiếm nhiều ghế trong Trung-ương Đảng và cả trong Chủ-tịch-đoàn. Từ khi lên nắm chính quyền, Dubcek đã tìm cách đề dần dần thay thế họ trong các cấp-bộ đảng và trong guồng máy hành chánh. Nhưng muốn đánh bại hoàn toàn phe bảo-thủ thì phải đợi đến kỳ Đại-hội đảng sẽ được triệu tập vào tháng 9 sắp tới. Tuy nhiên đề hạ uy thế của phe này, Dubcek đã vận động đề truất-phế Novotny ra khỏi Trung-ương-Đảng.

Vì phe cải-cách được sự hậu thuẫn của toàn dân, nhất là của thanh-niên, nên phe bảo-thủ không dám ra mặt chống đối. Họ cũng không dám lợi dụng sự

hiện-diện của quân-đội Sô-viết để làm một cuộc đảo-chánh vì làm như vậy họ sẽ mất sự ủng hộ của nhân-dân Tiệp. Ngay cả trong cuộc hội-ng nghị Sô-Tiệp ở Cierna nad Tisou, tuy có chân trong chủ-tịch-đoàn Tiệp tham dự hội-ng nghị, họ cũng không dám tách rời khỏi lập-trường của Dubcek vì e ngại nhân dân Tiệp lên án là phản-bội. Vậy, ít nhất là trong giai đoạn hiện tại, sự chống đối chương trình cải-cách tự-do ở trong nội-bộ Tiệp-khắc tạm thời bị tê liệt, bởi nhiệt tình của nhân dân Tiệp ủng-hộ những thực hiện của Dubcek. Sự khó khăn cho cuộc vận-động Dubcek là ở bên ngoài.

Thực vậy, Liên-xô và nhiều nước Cộng-sản Đông Âu khác theo đường lối cứng rắn như Đông-Đức, Ba-Lan, Hung, Bảo đều tỏ vẻ rất lo ngại về phong-trào tự-do tiến-triển ở Tiệp-khắc. Họ cho đó là một phong-trào phản động, phản xã-hội chủ-nghĩa, dần dần đưa Tiệp-khắc ra khỏi phe cộng-sản. Một nhân-vật Đông-Đức đã ví Tiệp-khắc với Cuba. Nói chung, họ e sợ Tiệp-khắc tuột ra khỏi tay Liên-xô và nghiêng hẳn về Tây-phương.

Các báo chí Nga và Đông-Âu thì nhau chỉ trích phê-bình đường lối cải cách của Dubcek, chụp mũ cho những danh-từ : tay sai đế-quốc, phản cách mạng... Tờ Izvestia kịch-liệt chỉ trích tờ báo Tiệp « Lidova Democracie » đã phân biệt hai thứ xã-hội chủ-nghĩa : một thứ

dân-chủ và một thứ độc-tài, điều mà chủ-nghĩa cộng-sản chính-thống không thể chấp nhận được.

Các báo Nga cũng chỉ trích kịch liệt lời nói của ông Cisar, lý-thuyết-gia của phong-trào cải-cách tự-do Tiệp, cho rằng chủ-nghĩa Lénine chỉ là một lối giải-thích chủ-nghĩa Marx đặc-biệt cho Liên-xô mà thôi. Theo báo Nga, nói vậy là không công nhận tính-cách quốc-tế của chủ-nghĩa Lénine. Các báo Nga cho đó là một khuynh-hướng xét lại rất nguy-hiêm cần phải chống đối đến cùng...

Đầu tháng 7, ông Brejnev, Tổng bí-thư đảng Cộng-sản Liên-xô trong một bài diễn-văn đọc trước mặt lãnh-tụ Cộng đảng Hung, Kadar, đã nhắc lại vụ Hung-gia-Lợi với dụng ý cảnh-cáo những ai muốn đi xa những nguyên-tắc chung cho tất cả các nước xã-hội chủ-nghĩa. Ông nhấn mạnh : Liên-xô không thể làm ngơ trước tiền-đồ xây-dựng xã-hội chủ-nghĩa ở một nước anh em.

Trước sự chỉ-trích đó, các báo Tiệp cũng lên tiếng bào chữa cho đường lối Dubcek và bác bỏ những lập-luận của đối-phương. Cuộc bút chiến gay gắt không làm cho các lãnh-tụ và nhân-dân Tiệp chùn bước. Họ vẫn vững tin ở đường lối cải-cách của mình và cương quyết thực hiện. Vì thế cho nên phe Liên-xô phải tạo nên nhiều áp lực khác song song với áp lực dư luận.

Áp-lực quân-sự.— Đó là áp lực mà trước đây Liên-xô đã đem ra dùng với Đông-Đức (1953), Hung (1956) với kết quả là các nước này phải sắp hàng sau Liên-xô. Ngày nay Liên-xô cũng muốn đem nó ra đe dọa Tiệp-khắc. Lợi dụng danh nghĩa tập trận giả của khối Varsovie, quân đội Sô-viết rầm rộ kéo vào Tiệp-

khắc từ đầu tháng 6, bố trí ở khắp mọi nơi và cố ý ở lì không muốn rút. Để tránh những đụng chạm tai hại, mượn cớ cho Liên-xô can thiệp, Dubcek đã khôn khéo trấn tĩnh dư luận quần chúng và khuyên nhân dân Tiệp tiếp đón quân đội Sô-viết như anh em trong nhà. Dân chúng Tiệp đã tuân theo lãnh tụ của họ và không có gì xảy ra trong suốt thời gian Sô-viết đóng quân. Có thể nói là việc Liên-xô đem quân vào Tiệp-khắc đã đưa đến một kết quả trái với ý muốn của các lãnh tụ điện Cẩm-linh : đó là hiện tượng nhân dân Tiệp đoàn kết chặt chẽ sau lưng chính-phủ của họ. Không lúc nào Dubcek lại được dân chúng tin yêu như lúc này. Liên-xô tưởng là có thể tiếp tay cho phe bảo thủ ở Tiệp, ai ngờ phe này cũng không dám nhúc nhích.

Trước việc quân-đội Sô-viết không chịu rút, tướng Prehlik, tổng quân-ủy trong quân-đội Tiệp đã lên tiếng chỉ trích Minh-ước Varsovie dành quyền chỉ-huy tối thượng cho một tướng-soái Nga và yêu cầu sửa đổi Minh-ước đó. Lời tuyên-bố của tướng này đã làm cho các lãnh-tụ Nga nổi giận và ông Dubcek đã phải hy-sinh cất chức tướng Prehlik để tỏ ra hòa dịu với Liên-xô. Để biện minh cho việc đóng quân của mình, các cơ-quan mật-vụ Liên-xô đã tung ra nhiều tin giật gân như khám-phá một nơi dấu vũ-khí Mỹ ở vùng biên-thùy Áo, hoặc xe thiết-giáp Mỹ túc trực ở bên kia biên-giới Đông-Đức, hoặc khám phá nhiều tổ-chức C.I.A. hoạt-động ở Tiệp v. v...

Đến khi trước sự đòi hỏi cương quyết nhưng nhã nhặn của các nhà cầm-quyền Tiệp, quân-đội Sô-viết không bầu víu vào đầu đề ở nán thêm, đành phải rút lui, nhưng họ rút rất chậm để kéo dài thì giờ và duy-trì áp-lực.

Tại hội-nghị Cierna, các lãnh-tụ Nga công khai đòi được đóng quân ở vùng biên-thùy Tiệp-Tây Đức, nhưng trước sự từ chối quyết liệt của các lãnh-tụ Tiệp, Liên-xô đành phải nhượng bộ và hoàn tất việc rút quân ra khỏi đất Tiệp. Nhưng muốn để duy-trì áp-lực, Liên-xô Đông-Đức lại mở một cuộc tập trận ở vùng sát biên - thùy Tiệp-khắc trong vòng tháng 8 này.

Nói tóm lại áp-lực quân-sự của phe Liên-xô đã bị Tiệp-khắc giải trừ được một cách khôn khéo.

Thực ra Liên-xô hiện đang ở trong một cái thế cực kỳ khó khăn và tế-nhị. Dem vũ-lực ra dọa mà chưa dám dùng vũ-lực để thanh toán vì Liên-xô hiểu rõ là lúc này mà dùng vũ-lực can-thiệp một cách thô bạo nữa như trong vụ Hung-gia-lợi cách đây 12 năm thì Liên-xô sẽ mất hẳn quyền lãnh-đạo tinh thần đối với các nước cộng-sản và các đảng cộng-sản trên thế-giới. Hiện nay chỉ có 14 đảng cộng-sản là ủng-hộ đường lối cứng rắn của Liên-xô. Các nước Lô và Nam-tư đều ra mặt ủng-hộ Tiệp... Đảng cộng-sản Ý cũng nghiêng hẳn về phe Tiệp. Đảng cộng-sản Pháp đi hàng đôi nhưng cũng phải khuyên Nga đừng làm mạnh. Trước tình trạng đó. Nga ngần ngại không dám dùng ngay vũ-lực. Nhưng làm thế nào để kiểm-soát được Tiệp-khắc? Bismarck đã từng nói: «Ai kiểm-soát được vùng Bohême sẽ kiểm-soát được cả Âu-Châu». Để Tiệp-khắc vượt ra khỏi tay mình không những nguy hại cho Nga mà còn nguy hại cho cả Đông-Đức. Các nhà lãnh-tụ Tiệp cũng biết rõ như vậy và cũng hiểu rõ với cái vị trí trung-tâm đó Tiệp không thể nào tách rời để chống đối với khối Liên-xô được. Vì vậy họ nên để làm dịu bớt nỗi lo âu của

phe Nga, Dubcek đã hứa chắc là Tiệp-khắc sẽ không bao giờ tách rời ra khỏi phe xã-hội chủ-nghĩa, lúc nào cũng thừa nhận sự lãnh-đạo của Liên-xô, chỉ yêu-cầu Liên-xô có một điểm là để mặc cho mình giải-quyết lấy những vấn-đề nội-bộ của mình. Chính do thái-độ khôn khéo và thức thời đó mà Dubcek đã giải tỏa được áp-lực quân-sự của phe Nga trong những tháng vừa qua.

Nhưng nếu Liên-xô cứ để mặt cho Tiệp-khắc thực hiện những cải cách tự do của mình thì hậu quả sẽ ra sao? Đó là sự lãnh-đạo của Liên-xô sẽ không còn nữa. Sự thuần nhất của phong-trào cộng-sản quốc-tế đã bị sứt mẻ nghiêm-trọng cũng sẽ cáo-chung vì nhiều nước sẽ noi gương Tiệp mà cải-cách tự-do. Như vậy còn gì là cái mộng thế-giới đại-đồng dưới sự lãnh-đạo của Liên-xô. Bởi thế cho nên dù chưa thể dùng áp-lực quân-sự được, Liên-xô vẫn muốn duy-trì một áp-lực chính-trị thường-xuyên để buộc Tiệp-khắc đi vào đường cũ.

Áp-lực chính-trị. — Từ ngày lãnh-tụ Dubcek lên cầm quyền vào tháng 1-1968, nhiều hội-nghị thượng-đỉnh đã liên-tiếp diễn ra để nghiên-cứu tình-hình Tiệp-khắc, để tìm ra một đường lối đối phó.

Hội-nghị thượng-đỉnh đầu tiên họp ở Dresde (Đông-Đức), vào tháng 3-1968, ngoài các lãnh-tụ Nga-sô, Ba-lan, Đông-Đức, Hung và Bào, ông Dubcek cũng thân chinh đến dự để giải-thích về đường-lối cải cách tự-do của mình nhấn mạnh là nó không ảnh-hưởng gì tới đường lối đối-ngoại của Tiệp-khắc. Cuộc hội-nghị đó thất bại vì bên nào cũng muốn giữ vững lập-trường của mình.

Hội-nghị thượng-đỉnh thứ hai họp ở

Moscou vào tháng 5 và hội-nghị thượng-đỉnh thứ ba họp ở Varsovie vào đầu tháng 7, không có sự tham-dự của Tiệp-khắc, 5 nước họp với nhau để tìm cách đối-phó với Tiệp, nghiên-cứu những biện-pháp đưa ra để tạo áp-lực tối đa buộc Tiệp phải trở lại con đường cũ. Chính những hội-nghị này đã phát-động một chiến-dịch tuyên-truyền đả kích đường lối của Dubcek, mà họ cho là phản-động, và tạo ra những áp-lực quân-sự liên tiếp.

Nhưng Dubcek cũng không chịu ngồi yên. Một mặt ở trong nước ông tranh-thủ sự ủng-hộ tích-cực của toàn dân bằng cách đẩy mạnh phong-trào cải-cách tự-do và sinh-hoạt dân-chủ. Chính Dubcek, ngoài những giờ làm việc, cũng sinh-hoạt bình dị như mọi người, hoà mình với dân chúng để tranh-thủ nhân-tâm. Người ta thấy ông đi bơi lội, dạo mát, mua bán như bất cứ một người dân thường nào. Ông thường nói chuyện với bất cứ ai mà ông có dịp gặp ở ngoài đường. Vì thế mà dân chúng Tiệp rất mến ông và sống chết hậu thuẫn ông trong cuộc tranh chấp với nước cộng-sản đàn anh vĩ-đại.

Ngoài ra Dubcek cũng tranh - thủ sự đồng tình của 2 nước cộng-sản khác có đường lối độc-lập đối với Sô-viét là Lỗ và Nam-tư. Không những các lãnh-tụ của 2 nước này mà cả đảng cộng-sản của các nước đó cũng theo rồi cuộc tranh chấp trên đây bằng một con mắt thiện cảm với Tiệp. Dubcek biết rằng chưa chắc Lỗ và Nam tư đã hoan nghênh những cải cách tự-do của Tiệp, nhưng điều mà họ hoan nghênh là Tiệp đã dám có một đường lối độc-lập đối với Sô-viét. Vì thế mà họ ủng-hộ. Dubcek lại còn vận động cả với Hung là nước ủng-hộ đường lối

cứng rắn của Liên-xô. Dubcek và Kadar đã gặp nhau ở một địa-điểm gần biên-thùy 2 nước và Kadar đã tỏ thiện cảm đối với công cuộc của Dubcek. Dubcek cũng đã vận-động ngay cả với Kossygine trong thời kỳ ông này sang « dưỡng bệnh » ở Tiệp.

Chính vì hội-nghị Moscou đã không đạt được mục đích là ngăn chặn phong trào cải cách Tiệp mà trái lại còn đẩy cho phong-trào đó tiến mạnh thêm lên mà các nước phe Nga phải gấp rút triệu-tập một hội-nghị thượng-đỉnh khác cũng gồm năm nước (Liên-xô, Đông-Đức, Ba-Lan, Hung, Bào) lần này họp ở Varsovie. Hội-nghị Varsovie tỏ vẻ quyết liệt hơn vào giữa lúc mà áp-lực quân-sự đang đè-nặng ở Tiệp-khắc. Hội-nghị đó đã viết một bức thư gửi cho các lãnh-tụ Tiệp, gần như là một tối-hậu-thư, buộc Tiệp phải bỏ những cải cách « phản xã-hội » và « phản-động » đó. Bức thư có đoạn viết : « Việc đó bây giờ không còn phải là việc riêng của các đồng-chí nữa. Chúng tôi tin rằng tình-trạng này sẽ rất nguy hại cho việc kiến-thiết xã-hội chủ-nghĩa ở Tiệp-khắc và đe dọa đến quyền-lợi sống còn chung cho các nước xã-hội chủ-nghĩa khác. Nhân-dân các nước xã-hội chủ-nghĩa khác sẽ không bao giờ tha thứ nếu chúng tôi làm ngơ trước một hiểm họa lớn lao như vậy ». Với lời lẽ đó, tưởng là phe Liên-xô can-thiệp đến nơi, nhất là quân-đội đã sẵn sàng ở ngay đất Tiệp.

Nhưng Dubcek là một người khôn khéo. Một mặt ông viết thư trả lời hội-nghị Varsovie, trong thư có đoạn viết : « Sức mạnh của đảng cộng-sản là ở sự cải cách, canh tân của nó và ở sự ủng hộ triệt để của nhân dân. Bất cứ một hành động nào để trở lại con đường bảo thủ cũ sẽ tạo nên một làn sóng chống đối của đại đa số nông-dân, công-nhân

và trí-thức ». Ông không thể nghe theo phe Varsovie để đi ngược lại ý chí của toàn dân.

Nhưng để ngăn chặn mọi ý-đồ can-thiệp, ông đã áp dụng một chiến-thuật diên-trì, đề nghị cuộc gặp gỡ tay đôi với các lãnh tụ Sô-viét. Liên-xô đồng ý ngay nhưng đòi phải họp ở đất Nga. Nhưng Dubcek đâu có chịu. Chắc hẳn ông cũng nghĩ tới năm 1945 khi các lãnh tụ trong chánh-phủ lưu-vong Tiệp, nghe lời mời đến họp ở Moscou, đã vội vã ra đi rồi để bị cầm tù. Ông nhất định đòi họp ở đất Tiệp. Rút cuộc Liên-xô phải nhượng bộ và một cuộc họp tay đôi giữa chánh-trị-bộ đảng Cộng-sản Liên-xô và chủ-tịch-đoàn đảng Cộng-sản Tiệp-khắc sẽ họp ở Cierna nad Tisou, một làng nhỏ ở sát biên-thủy Nga-Tiệp, thuộc xứ Slovaquie vào ngày 29-7. Làng Cierna bỗng nhiên trở nên một địa-điểm lịch-sử.

Đề sửa soạn cho hội-nghị quan-trọng quyết định vận-mạng của xứ Tiệp-khắc và sự thành bại của công cuộc cải-cách tự-do này, Ông Dubcek, với lối làm việc cố hữu của mình, đã triệu tập một hội-nghị Ban Chấp-hành Trung-ương Đảng gồm 107 ủy-viên, kể cả 20 người thuộc khuynh hướng bảo-thủ, trước sự chứng kiến của 55 đoàn thể nhân-dân và đông đảo quần chúng tụ tập ở bên ngoài. Ông kêu gọi lòng ái quốc của tất cả mọi người và yêu cầu mọi người siết chặt hàng ngũ sau lưng ông. Rút cuộc ông đã được toàn thể Ban-chấp-hành Trung-ương bỏ phiếu tín nhiệm và dân chúng nhiệt-liệt hoan-nghe.

Trước ngày hội nghị, hàng trăm ngàn người đã đi lễ các nhà thờ để cầu nguyện cho Dubcek thành công. Dân chúng đã góp nhặt được hơn một triệu chữ ký hậu-thuần cho ông. Cả các vị giám-mục

cũng thành tâm cầu-nguyện cho ông. Chưa bao giờ lại có một sự ủng-hộ lớn lao và rộng khắp như vậy. Dubcek và phái-đoàn của ông có thể vững tâm đi dự hội nghị và trước khi đi, ông đã hứa chắc với dân chúng là Tiệp-khắc sẽ thắng, không cái gì có thể ngăn cản nhân-dân Tiệp thực hiện những cải-cách tự-do.

Cả hai phái đoàn gặp nhau ở tòa nhà câu-lạc-bộ của công nhân hỏa-xa. Phái đoàn Nga gồm 9 người, toàn-thể chính-trị-bộ đảng Cộng-sản Liên-xô (trừ hai người ở lại «giữ nhà»). Phái đoàn Tiệp gồm toàn-thể chủ-tịch-đoàn (11 người). Ta nên nhớ là chưa bao giờ toàn bộ chính-trị đảng Cộng-sản Liên-xô xuất-ngoại tập thể như lần này. Điều đó chứng tỏ Liên-xô quan-tâm đến vấn-đề Tiệp-khắc như thế nào. Lúc hai phái-đoàn gặp nhau, Brejnev ôm hôn Svoboda và Dubcek ra vẻ thân thiện lắm, trong khi cách đó không xa, các xe thiết giáp Liên-xô đang «tập trận». Ngoài số vệ sĩ của hai bên, chỉ có chừng 200 cảnh-sát canh gác. Các nhà báo và nhiếp ảnh ngoại quốc bị cấm ngặt không được lai vãng đến nơi đó. Chỉ có hai lá cờ Nga và Tiệp treo ngang hàng nhau ở nơi cửa vào.

Cả hai phái đoàn làm việc trong ba ngày rưỡi liền, với nhịp độ 14 giờ một ngày khiến Brejnev đã một lần suýt ngất xỉu vì kiệt lực.

Lúc mới vào bàn hội-nghị, Liên-xô tấn công liền. Brejnev kịch liệt chỉ-trích cá nhân Dubcek, cho ông là thủ phạm những cải cách phản cách mạng, làm nguy hại cho sự an toàn của toàn khối cộng-sản. Brejnev đòi Tiệp-khắc phải thay đổi chính-sách, đòi phải gạt bỏ những phần tử tiến-bộ ở trong đảng Cộng-sản Tiệp, đặt lại chế-độ kiểm-duyet.

cầm các tổ chức chính trị không cộng sản, cho phép quân đội Sô-viết đóng ở vùng biên thùy Tiệp-Tây Đức.

Dubcek đã bình tĩnh bác bỏ mọi luận điệu của Brejnev. Ông nhấn mạnh là toàn thể nhân dân Tiệp đã đoàn kết sau lưng ông và cảnh cáo là nếu bỏ chương trình cải cách của ông tức là giết chủ nghĩa xã hội ở Tiệp-khắc. Ông mời các lãnh-tụ Sô-viết đi một vòng quanh Tiệp-khắc để nhận thấy rằng những e ngại của họ đều là ảo tưởng.

Bài diễn văn của Dubcek đã làm cho các lãnh-tụ Sô-viết tức giận thêm và ngày đầu tiên không đem lại kết quả nào, hai phái đoàn chia tay lạnh nhạt. Phái đoàn Nga lên tàu vượt qua bên kia biên giới để nghỉ. Ngày hôm sau, các chuyên viên làm việc với nhau về các vấn đề văn hóa báo-chí, kinh-tế, quân-sự. Đến ngày thứ 3, hai bên quyết định ra một bản thông cáo chung nêu lên tất cả những điểm đã thỏa thuận và không thỏa thuận được. Cả hai phái đoàn lại phải họp một lần cuối cùng để duyệt lại. Tuy nhiên mấy ngày sau, bầu không khí đã lắng dịu để trở nên gần như thân thiện. Đó là nhờ ở bài diễn văn thành khẩn của lão tướng Svoboda vừa là chủ tịch Tiệp-khắc vừa là một vị anh hùng của quân đội Sô-viết. Người Nga rất kính nể ông. Bài diễn văn của ông đã phá tan bầu không khí giá lạnh. Người Nga đã phải nhận rằng có một sự nhất trí hoàn toàn trong phái đoàn Tiệp. Cả những người được coi là bảo thủ như Kolder cũng ủng-hộ triệt để Dubcek.

Vì thế nên phái đoàn cộng-sản Nga đã phải thay đổi thái độ, từ lạnh nhạt đến thân-thiện, từ thù địch đến bằng hữu, ít nhất cũng là ở bề ngoài.

Cả hai phái đoàn đã dùng cơm chung với nhau và đã có lần cùng khoác tay nhau

đi dạo phố ở Cierna trước con mắt tò mò của dân chúng địa phương và của chừng 200 đại-diện công-nhân từ các tỉnh đến để cổ vũ phái-đoàn Tiệp.

Kết quả cuộc hội đàm ở Cierna là phái đoàn Nga đã phải nhượng bộ ở tất cả những điểm mà Brejnev đã đòi hỏi (kiểm-duyet báo chí, thanh lọc hàng ngũ, bỏ đường lối cải cách và đề cho Nga đóng quân) để đổi lấy những lời cam kết của Dubcek : Trung thành với phe xã-hội chủ-nghĩa, không lìa bỏ khối kinh-tế cộng-sản (Comecon), cố gắng hướng dẫn báo chí và truyền thanh, truyền hình theo con đường thân thiện với Liên-xô và chỉ cho phép những đảng phái chính-trị hoạt động trong phạm-vi Mặt-trận dân-tộc Tiệp.

Tuy nhiên tất cả những điều này đều không được ghi trong bản Thông-cáo chung của hai phái đoàn sau 4 ngày làm việc. Bản Thông-cáo chung chỉ nói tới sự trao đổi quan điểm giữa hai bên trong một bầu không khí thành-khẩn và hiểu biết để tìm ra những đường lối phát triển và tăng-cường những quan-hệ thân-thiện lâu đời giữa hai đảng và hai dân tộc dựa trên những nguyên-tắc của chủ-nghĩa Mác-Lê và của quốc tế vô-sản. Thông-cáo chung cũng nói tới việc triệu tập một hội-nghị 6 nước (Liên-xô, Tiệp, Đông Đức, Ba Lan, Hung, Bào) ở Bratislava vào ngày 3-8

Việc triệu tập hội-nghị Bratislava đã làm cho nhân dân Tiệp hồi-hộp vì lần này Tiệp-khắc sẽ phải đứng trước 5 ông quan tòa buộc tội mình. Liệu Dubcek có giữ vững được lập trường không ? Vì thế nên đã có dư luận đòi phải mời cả Lỗ và Nam-tư, là hai nước ủng-hộ Tiệp, tham dự. Nhưng Dubcek, qua cuộc tranh luận, đã thấy rõ thế thắng của mình



Dân chúng Tiệp-khắc vui mừng chào đón
Dubcek sau hội-nghị Cierna.

nên không cần phải có sự tham-dự đó mà chỉ cần đến sự ủng hộ tinh thần mà thôi. Ông cam kết với nhân dân Tiệp là sẽ giữ vững lập-trường và sẽ thắng. Nhưng điều cần nhất là nhân dân phải đoàn kết chặt chẽ sau lưng ông.

Hội-nghị Bratislava họp vào ngày 3-8 với thành phần tham dự nói trên. Nó chỉ lâu chừng vài tiếng đồng hồ, thời gian đủ để cho hội nghị biết rõ về những thỏa thuận, mà hai bên Nga - Tiệp đã thực hiện được ở hội-nghị Cierna.

Thực vậy, chỉ trong mười tiến đồng hồ, 6 nước đã hoàn toàn đi đến một sự thỏa thuận, trừ một vài phản kháng lấy lệ của Đông-Đức. Một bản Thông - cáo chung được công bố nhấn mạnh là chủ-nghĩa Cộng-sản chỉ có thể thành công được khi thi-hành những nguyên-tắc đại-cương của chủ-nghĩa Mác-Lê, người

ta biết chú-trọng đến những điều-kiện đặcbiệt của từng quốc-gia. 6 đảng Cộng-sản hứa sẽ hợp-tác chặt chẽ với nhau trên căn-bản bình-dẳng, tôn-trọng chủ-quyền và tương trợ trong mọi lãnh vực, nhất là trong cuộc tranh-đấu chống đế - quốc chủ - nghĩa. Bản Thông-cáo chung đã nhấn mạnh vào điểm không can thiệp vào công việc nội bộ của các đảng Cộng-sản anh em.

Đó là thắng lợi đáng kể mà Dubcek đã giành giật được. Sau hội-nghị Bratislava, quân-đội Nga đã rút hết ra khỏi Tiệp-khắc và cuộc bút chiến giữa các đảng Cộng-sản chấm dứt, trừ ở Đông-Đức các báo vẫn còn đả-kích lai rai vì lãnh-tụ Đông-Đức, Walter Ulbricht, là người chống đối Dubcek kịch liệt nhất. Cho đến phút cuối cùng Đông-Đức mới phải chịu miễn cưỡng theo giải pháp của Nga. Lúc các lãnh-tụ sáu nước ra ban-công

của tòa đô-chính Bratislava đề cho dân chúng hoan hô, riêng Ulbricht là người bị dân chúng huýt sáo nhiều nhất. Hôm 11-8, Dubcek đã phải hội nghị riêng với lãnh tụ Đông Đức, sau cuộc tiếp đón Thống chế Tito, mục đích đề trấn an ông già râu dê này khỏi lo Tiệp xích gần lại Tây Đức.

Kết-quả của hội-nghị Cierna và Bratislava cho ta thấy rõ kẻ thắng lợi chính là Tiệp-khắc. Những điều mà Dubcek phải nhân nhượng không đáng kể so với điều mà phe Nga phải nhượng-bộ: chịu để cho Tiệp tiếp tục thi-hành đường lối cải-cách tự-do của mình.

Thắng lợi của Tiệp cho ta một bài học là nếu những nhà lãnh đạo quốc-gia được sự ủng-hộ của toàn-dân và thi-hành những điều mà nhân-dân ước muốn thì họ sẽ có đủ sức mạnh để thắng tất cả mọi trở lực, dù khó khăn và nguy hiểm đến đâu chăng nữa.

Nhưng sự thắng lợi của Tiệp-khắc mới chỉ là bước đầu. Phe Nga tuy phải nhượng bộ nhưng chưa phải đã chịu thua. Họ chỉ chờ một dịp sơ hở nào của các lãnh-tụ Tiệp-khắc là sẽ phản công lại. Bởi vậy những áp-lực về quân-sự và chính-trị của Liên-xô sẽ vẫn còn đè nặng lên những ngày sắp tới của Tiệp-khắc.

Một vấn-đề được đặt ra ở đây là: Nga có thể dùng áp lực kinh-tế để buộc Tiệp-khắc phải nhượng bộ không? Áp lực thì có, nhưng nhượng bộ thì chắc không. Liên-xô chắc cũng không dám quyết liệt vì làm như vậy là đẩy Tiệp-khắc vào tay các nước tư-bản Tây-phương. Hiện nay Tiệp đang yêu cầu Liên-xô viện trợ 400 triệu. Nếu Liên-xô khước từ thì chắc hẳn các nước phương Tây sẽ sốt sắng bỏ tiền ra cho Tiệp-khắc vay. Do đó Liên-xô tất phải ưng thuận, chậm nhất là

vào kỳ Đại-hội đảng Cộng-sản Tiệp sắp tới vào tháng 9. Thành ra, như chúng ta đã thấy, bất cứ một áp-lực nào của Nga cũng đều sẽ có những hậu quả bất lợi cho Nga trong giai đoạn hiện tại.

Cuộc đón tiếp nồng nhiệt của các lãnh tụ và nhân dân Tiệp ở Prague đối với Tổng-thống Nam-tư vào hôm 9-8 và dư-luận Tiệp gần đây đòi thành-lập một khối liên-minh Nam-tư Lỗ-Tiệp chứng tỏ là Tiệp-khắc đang chuẩn bị một bước đi mới để đối phó với những mưu đồ của phe Nga. Cuộc tranh đấu của nhân-dân Tiệp để đi theo đường lối riêng biệt của mình còn hứa hẹn nhiều khó khăn gian khổ nhưng không thể thất bại vì toàn thể nhân-dân Tiệp đều một lòng muốn vậy. Không một sức mạnh nào có thể ngăn cản được họ tận đường tiến-hóa đó. Họ có chính-nghĩa, họ được nhân-loại tiến-bộ yêu chuộng tự do ủng hộ, sau cùng họ sẽ thắng.

Cảm tình nồng nhiệt mà dân chúng ở Prague dành cho Tổng-thống Tito như gián tiếp bảo cho phe Nga rằng: Nếu các ông cứ làm tới không để cho chúng tôi yêu, chúng tôi sẽ lập một liên-minh mới chống lại các ông.

Điều mà phe Nga e ngại nhất là Phong trào cải-cách tự-do ở Tiệp lan tràn qua các nước Cộng sản khác. Ta nên nhớ phong trào ở Tiệp là một điều hoàn toàn mới lạ trong phe Cộng sản. Trước đây chưa có nước Cộng sản nào dám thi hành những cải cách tự do như ở Tiệp kể cả những nước như Nam-tư và Lỗ là những nước không chịu sự lãnh đạo của Sô-viét và có nhiều quan hệ với Tây phương. Tại những nước đó nhà nước vẫn nắm quyền chuyên chính và nhân dân vẫn không được hưởng những quyền tự do như ở Tây phương.

Những cải cách ở Tiệp-khắc nhằm

tiến tới thay đổi hẳn bản-chất của chế-độ Cộng-sản. Tuy các nhà lãnh-đạo Tiệp-khắc đi nhắc lại là không hề có ý tách rời ra khỏi sự lãnh-đạo của Liên-xô, nhưng Liên-xô còn sợ chiều-hướng tự-do-hóa ở Tiệp hơn là chiều-hướng quốc-gia của các đảng Cộng-sản Nam-Tur và Lỗ. Nó đánh dấu một giai đoạn mới trong tiến trình phát triển xã-hội chủ-nghĩa tại các nước Cộng-sản. Nó chứng tỏ xu hướng hiện nay là mỗi nước Cộng-sản, mỗi đảng Cộng-sản đều có thể giải thích chủ-thuyết Mác-Lênin sao cho phù hợp với hoàn cảnh kinh-tế, xã-hội nước mình và do đó có một đường lối riêng biệt của mình để kiến-thiết xã-hội chủ nghĩa tiến lên cộng-sản chủ nghĩa.

Nếu đường lối cải cách của Tiệp-khắc lan tràn qua các nước Đông-Âu thì nó sẽ không khác gì một cuộc cách-mạng mới biến cải chế-độ cộng-sản ở nhiều

nước và sẽ ảnh-hưởng trở lại đến Liên-xô buộc nước này phải mở rộng tự do hơn nữa cho nhân-dân Liên-xô, buộc đảng cộng-sản Liên-xô, nếu muốn giữ vững quyền lãnh-đạo, phải đẩy xa hơn nữa chủ-nghĩa xét lại mà hiện nay Trung-Cộng đang cực lực lên án.

Phong trào cải cách tự-do ở Tiệp-khắc ngày nay là một bước đầu của phe Cộng-sản mạnh dạn tiến tới giải-phóng con người. Nó sẽ tiến gần lại phong trào xã-hội hóa ở các nước tư-bản Tây-phương nhằm san bằng những bất công xã-hội và nâng cao phẩm giá con người. Và do đó người ta hy-vọng một ngày kia một nhịp cầu sẽ được bắc giữa hai khối Đông Tây, những khác biệt sẽ giảm thiểu vì quyền lợi của con người. Và một thời đại sống chung hòa-bình sẽ có thể thực hiện được lâu dài trên mặt Địa-cầu.

VIỆT-PHƯƠNG
(15-8-68)

TIN SAU CÙNG

Như đã trình bày trên đây, sau các hội-nghị Cierna và Bratislava các lãnh tụ Liên-xô tuy ngoài mặt tỏ vẻ nhượng bộ và hòa hoãn với các nhà lãnh đạo Tiệp-khắc, nhưng trong lòng họ vẫn căm giận và mưu đồ lật lại thế cờ. Bởi vậy nên đêm 20 rạng ngày 21-8, quân đội Liên-Xô cùng các đồng minh của họ Đông-Đức, Ba-lan, Hung, Bạo đã lại ồ ạt tiến vào Tiệp-khắc, Phi cơ Liên-xô ào ào hạ cánh xuống phi trường Prague. Nhiều thành phố Tiệp-khắc kể cả Prague và Bratislava đã bị chiếm đóng. Đài phát thanh Prague đã bị chiếm giữ cùng với bộ Nội-vụ. Trụ sở Trung-ương đảng Cộng-sản Tiệp, Bộ Ngoại-giao bị bao vây. Lãnh-tụ Dubcek và Thủ tướng Cernik cùng nhiều nhân vật khác đã bị bắt đưa đi một nơi không ai biết. Chủ tịch Svoboda bị giam lỏng tại tư dinh.

Đài phát thanh Mạc tư Khoa loan tin quân đội Liên-xô và Đồng-minh đã tiến vào Tiệp-khắc theo lời yêu-cầu của các lãnh tụ Tiệp mà không nói rõ là ai.

Chủ-tịch đoàn Quốc-hội Tiệp-khắc đã ra tuyên-cáo phản đối sự xâm lăng trên đây và yêu cầu quân đội ngoại quốc rút quân ngay khỏi đất Tiệp đồng thời hô hào dân chúng Tiệp nên giữ gìn kỷ luật, trật tự. Ở nhiều nơi đã có xung đột giữa dân chúng và quân đội chiếm đóng, có nhiều loạt súng nổ gây tử thương cho nhiều người. Nam-tur, Lỗ và các đảng Cộng-sản Ý Pháp đã lên án sự xâm lăng của Nga-sô.

Bạn đọc sẽ theo dõi sự tiến triển của vụ đàn áp Tiệp-khắc bằng võ lực này tại mục Thời sự quốc-tế cũng trong số báo này.

Sách báo mới

Tạp-chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác-giả, dịch-giả, nhà xuất-bản và tòa soạn đã gửi tặng những sách báo sau đây :

— **Vùng dậy kịch** của Đinh-Quốc-Hùng. Kịch thời đại 3 màn trình diễn lần đầu tại rạp Đại-Nam ngày 22-05-1964 dưới tựa đề «Lê Sông». Sách in ronéo 2 mặt, rất đẹp, khổ 12x16, dày 66 trang.

— **Chiều mệnh mong** tập truyện của Ng.-Thị Thụy-Vũ, do Kim-Anh xuất bản và tác-giả gửi tặng. Tập truyện thứ 3 của Thụy-Vũ dày 176 trang gồm 6 truyện. Giá 100đ.

— **Tuổi trẻ và cô đơn**, nguyên-tác Đức-ngữ Peter Camenzind của Hermann Hesse, Vũ-dình-Lưu dịch theo bản Pháp-ngữ, Ca-Dao xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 204 trang. Bản đặc biệt. Giá bản thường : 100đ,

— **Dòng sông rực rỡ** tập truyện của Mai-Thảo do Nguyệt San Văn Uyên xuất bản và gửi tặng. Sách dày 116 trang, gồm 7 truyện, bìa Nguyễn-Trung. Giá 30đ.

— **Vòng tay học trò** truyện dài của Nguyễn-Thị-Hoàng do Hoàng-đông-Phương xuất bản và tác giả gửi tặng. Truyện dài đầu tay và nổi tiếng của tác-giả in lần thứ ba, bìa Trịnh-Cung. Bản đặc biệt. Bản thường giá 180đ.

— **Cùng khổ** số 2 tháng 7-68 nguyệt san của lớp người trẻ miền Trung Việt-Nam. Chủ-nhiệm Đoàn - Minh - Hải, Chủ-bút : Phương-Tấn, Tòa-soạn : 31 Nguyễn-Trãi, Đà-Nẵng. Mỗi số dày 66 trang, gồm những bài nghị-luận, biên-khảo, và những sáng-tác văn-ngệ của các cây bút trẻ Miền Trung. Giá 50đ.

— **Cầu sông Kwai** Nguyên - tác «Le pont de la Rivière Kwai» của Pierre Boulle, bản dịch của Võ-Lang và Nguyễn-Hữu-Trọng, do Bừng Sống xuất-bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 272 trang. Giá 140đ.

— **Điều ru người tình cũ** của Hoàng-Thị Thủy-Tiên do Nhị-Hồng xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 30 trang gồm 16 bài thơ, bìa và phụ bản của Lâm-Triết. Giá 50đ.

— **Tiếng kêu trầm thống trước sự tàn phá con người** của Võ-văn-Ái do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 500 trang, gồm một số bài của tác giả hợp lại thành 4 phần : Nói chuyện với mặt trời và Đặt lại nguyên thề của chánh trị I, II, III. Mẫu bìa của Thi-Vũ - Bản đặc biệt.

— **Cát bụi mội** tập truyện của Nguyễn-Đức-Sơn do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 182 trang gồm 9 truyện ngắn và ý kiến tác giả về truyện ngắn. Giá 85đ.

— **Thao thức** tập thơ của Lương Trọng-Minh do Nhân-Chứng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 60 trang gồm 36 bài thơ. Bìa của Duy-Thanh, Phồ-Đức trình bày.

Bản đặc biệt giá 60đ.

— **I am american militiaman**, Nguyên tác : «Tôi đi dân vệ Mỹ» của Thế-Phong dưới bút hiệu Đinh - Bạch - Đan, bản dịch Anh ngữ của X.H. do Đại-Nam Văn-Hiến xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in ronéo, khổ 20x26, dày 50 trang. Giá 200đ.

— **Đất đứng** tập san số 3 chủ đề : «Việt-Nam với vấn-đề thương-thuyết» do, nhóm sinh-viên hành-chánh chủ - trương-Ô. Phạm-Trần-Anh chủ-nhiệm. Mỗi số khổ 20x26, in ronéo dày 72 trang, gồm những bài nghị-luận, biên-khảo, phỏng-vấn thuộc chủ-đề nói trên và sáng-tác văn-ngệ (thơ).

— **Ý thức** tập san do một một nhóm sinh - viên luật-khoa chủ-trương, Ô. Hà-Ngọc-Phúc-Lưu chủ-nhiệm, số 2 với chủ-đề : Thương-thuyết Hòa-Bình. Mỗi số khổ 20x26, in ronéo dày 90 trang, gồm những bài nghị-luận, biên-khảo và sáng-tác văn, nghệ (thơ, truyện ngắn).

Chât thuốc của thời - đại : L. S. D.

● VÕ QUANG-YẾN

Bắt nguồn từ Hoa-kỳ rồi chuyển qua Anh, một phong-trào đang dần tràn khắp Châu-Âu đã mấy năm nay : phong-trào uống LSD đề « tìm kiếm ảo-tưởng, du hành », đề « giải-tiêu lương-tâm, nhân-vị ». Báo chí thế-giới những dạo gần đây đã từng cho đăng nhiều thiên phóng-sự có kèm theo tranh ảnh, mô tả những cuộc ngây ngất tợa vong, xuất thần nhập hóa của những nhóm thanh-niên không tìm ra được thú vị trong cuộc đời trần-tục. Phong-trào lại bành-trướng vì chât thuốc LSD dễ chế, rẻ tiền, phương cách hấp-thâu lại không có gì khó : một giọt giở lên viên đường, miếng giấy là có thể cho vào miệng nhai, nuốt !

Làm sao một chât thuốc hay ho, dễ có như vậy mà đến nay người ta mới biết ?

Người Mec-xit biết « du hành » đã từ lâu ?

Thật ra không phải người Hoa-kỳ đã tìm ra được chât LSD trước tiên. Nhiều nhà truyền-giáo sống ở Mec-xit cách đây ba thế-kỷ đã từng nói đến những tác-dụng mê cuồng của nhiều thứ nấm (như loại Psilocybe, xương rồng (như loại Peyotl) hay cây xanh (như loại Ipomée). Ăn những thảo-mộc này hay uống nước trích ép ra thì ta rơi vào cõi toàn phúc, khi nhiệt cuồng, bông-bột, khi cảm-hứng, hôn-mê với những cảm-giác xúc-động và huyền-bí sâu cạn ít nhiều tùy theo nhân-cách và phục lượng đã nuốt vào. Người Mác-xit còn bảo hấp thâu những cây cỏ này thì sức mạnh tăng lên, cơn sợ biến mất. Sau này, với sự tiến-triển trong các phương-

pháp phân-tích hóa học, người ta đã biết được tính-chất của những thảo mộc nói trên là do những chât alcaloïde chứa đựng bên trong như psilocybine hay mescaline mà ra.

Tuy nhiên, mặc dầu những tính chất hay ho và nhất là lạ lùng, những chât alcaloïde này cũng không được mấy dùng cho đến cuối đệ nhị thế chiến. Năm 1943, ngành tâm-lý dược-vật-học thật sự phát triển, xuất phát từ một nước không hùng mạnh về mặt quân sự nhưng rất có tiếng về cơ-học và hóa-học : nước Thụy-sĩ. Có hai hóa sư khảo cứu những hóa-chất trích từ cựa lúa mạch (một loại nấm) để dùng trong phụ-khoa và sản-khoa. Một hôm, một trong hai nhà khảo cứu kia uống lầm một phục-lượng rất nhỏ một dẫn-xuất của nguyên-chất tác-dụng cựa lúa mạch : chât acide Lysergique diéthylamide, gọi tắt là LSD 25. Một nửa giờ sau, ông mất cả mọi khái niệm thời gian và không gian ; ông cũng không còn cảm thấy cơ-thể mình nữa mà đầu óc lại đầy ảo-ảnh, giác-tưởng lạ thường. Theo danh-từ thông dụng hiện nay, ông đã là kẻ « du hành » thời mới đầu tiên.

Lẽ tất nhiên các hóa sư kia rất lấy làm ngạc nhiên và không bỏ qua dịp tốt hiếm có. Tiếp tục học hỏi những tính chất kỳ dị kia, các ông thí nghiệm lại trên hóa sư đã uống lầm rồi sau đó trên các cộng-sự-viên khác. Mặc dầu những phục-lượng vô cùng nhỏ, các ông đã ghi nhận những tác-dụng hôn-mê thật rõ ràng. Nhằm mục đích đem dùng trong

môn tinh-thần-bệnh-học, các hóa sư chuyên hướng khảo cứu thêm về mặt này. Hi vọng có thể dùng LSD để xác định nguyên-thủy hóa-học của những chứng bệnh thần trí vì nó đã gây được ở người lành mạnh một trạng-thái thuận nghịch tương tự như ở những con bệnh tinh-thần, các ông tin tưởng từ đây có thể chữa được những bệnh này. Cũng cùng vào lúc ấy, nhiều công-tác khảo-cứu khác về những thảo mộc ở Mec-xit thiết lập liên quan giữa những alcaloïde như psilocybine, mescaline với chất LSD. Người ta sớm thấy rõ nếu cần phải nhiều miligam những alcaloïde kia mới gây được tác-dụng lên con người, thì một vài phần triệu gam LSD đã đủ để đi đến cùng kết quả.

Một cuộc khám phá quan-trọng cỡ này khó lòng phát ra mà chẳng ai thấy. Quân đội các nước là những cơ-quan trước tiên thấy ngay ở đây một khí-giới hóa-học vô cùng hiệu-nghiệm. Lẽ tất nhiên, cuộc khảo cứu đổi hướng, xa hẳn mục-đích trị-liệu nói trên ; những phục-lượng được dùng sẽ rất lớn, chất thuốc trở thành nguy hiểm cho cơ-thể. Nhưng nếu các phòng thí-nghiệm quân-đội làm việc thầm kín, thì một giáo-sư tinh thần bệnh-học ở viện Đại-học Harvard bên Hoa-kỳ, ông Timothy Leary, công khai dùng LSD vào một mục-đích khác. Từ lâu ông giáo-sư này thích làm thí-nghiệm tâm-lý hóa-học dùng được-phẩm khảo-sát những khả-năng phát triển của ý-thức con người. Hóa chất ông thường dùng đến nay là chất psilocybine đã nói ở trên. Khi tính chất của LSD được công bố, ông không ngần ngại thay thế. Hằng trăm sinh-viên được ông cho uống để đi « du hành » ở cõi vô lương-tâm, vô nhân-vị,

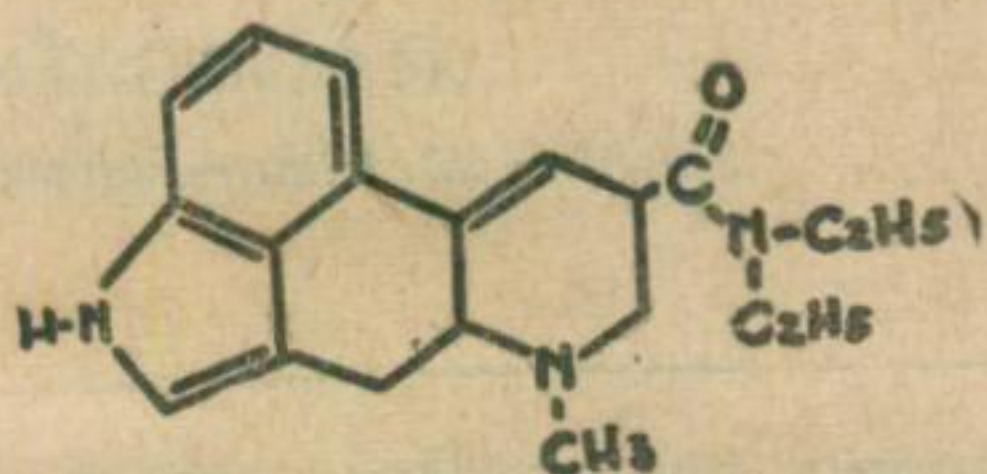
Bị mời ra khỏi viện đại-học, ông Leary vẫn tiếp tục cải-hoán hằng ngàn sinh-viên thanh niên Mỹ vào cuộc « huấn-luyện huyền-bí » của ông.

Từ Châu-Mỹ qua châu-Âu, phong-trào như nước vỡ đê mặc sức lan tràn, nảy nở. Trước sự quá lạm một chất thuốc trước tiên khảo-cứu để dùng trong môn trị-liệu, hãng hóa-học Thụy-sĩ không chế tạo thuốc nữa và ngay nhiều chính-phủ cũng cho ban hành những đạo luật điều chỉnh cuộc buôn bán LSD, từ nay được kê vào bản các thuốc mê, thuốc độc.

Người ta trách LSD tổn hại thế nào ?

Nói thật ra, người ta cũng chưa biết rõ được tất cả những tính chất của LSD, nhất là những tác dụng lâu dài lên con người mà kết quả thật vô lường, khó đoán, có thể đưa đến bất tỉnh, điên cuồng hay tự tử, ám sát. Những bác sĩ chuyên môn về tinh-thần bệnh-học là những người thường hay dùng LSD trong công-cuộc trị-liệu, bảo chất thuốc này chẳng có gì là đặc sắc, nên thơ. « Không những không đem lại chút bồi-trợ linh-hồn nào, thuốc chỉ gây ra cuộc hoảng hốt của một lương trí chống chọi với sự tan rã, tê liệt đang tiến vào mình. » Những người quan sát nhận thấy hề hấp thụ nhiều lần chất thuốc thì con người chóng đạt đến một trạng thái già yếu về cơ thể cũng như về mặt xã hội như tưởng khó lòng gỡ ra được. Mất nghị lực, người nghiện LSD trở thành vô cùng dễ nhủ, dễ khiến, tương tự như người bị thôi miên, rồi bị đem dùng làm thí-nghiệm, lắm khi thuộc về tính giao, hay « được » đưa vào một cơn mê huyền bí mà kết quả như tưởng đem lại nhiều tổn hại hơn các chất thuốc khác. Sau cuộc « du hành » đầu tiên, mặc dầu

những báo hiệu khó ở vật chất (như buồn nôn, run rẩy, khó thở có thể làm ngất đi) hay tâm-lý (như hôn mê, sợ hãi, ước muốn tự hủy) người ta vẫn kiếm cách trở lại. Như những người nghiện "cô điển" khác, càng ngày người ta càng muốn hấp thụ nhiều lần hơn với những phức lượng lớn hơn. Lẽ tất nhiên khó lòng kiểm tra, thống kê được những người nghiện LSD (lâm thời hay lâu năm), tuy người ta bắt đầu thấy số người nghiện lại xin chữa ở bệnh-viện đang tăng dần. Ở đây vấn-đề cũng nan giải vì người ta không biết rõ tác-dụng của chất LSD lên thần-kinh-hệ. Hơn nữa, sau khi uống vào 20 phút thì chất thuốc tiêu tan mặc dầu tác-dụng còn kéo dài nhiều ngày, nhiều tháng. Đáng khác, hiện nay người ta chẳng biết được một chất giải-độc nào!



L.S.D. 25

Sau cùng cũng nên nhắc lại chất LSD rất rẻ vì dễ chế. Năm cựa lúa-mạch chứa đựng sẵn acide lysergique, chỉ vài ba phản ứng là đạt được dẫn-xuất LSD. Cho vào rượu từng phức-lượng từ 250 đến 400 phần triệu gam là đem dùng được. Không màu, không hôi, LSD có thể uống bất cứ ở đâu. Vì rẻ dễ mua, vì nhỏ dễ giấu, LSD trở thành chất độc đầu tiên có thể bán rộng rãi trong quần chúng.

LSD có thể là một vị thuốc hay?

Trước sự phá hại của thuốc LSD, rất nhiều người đã muốn cấm hẳn nó đi. Tuy

vậy, nhiều nhà chuyên môn còn muốn bệnh vực, bảo LSD là một chất thuốc có ích. Giáo-sư Donal Louria dùng LSD để chữa bệnh nghiện rượu kinh niên, cho bệnh nhân uống ba lần chất thuốc, đã chữa được từ 20 đến 60 0/0 : bệnh nhân hoặc bỏ hẳn được rượu, hoặc uống ít đi. Tuy nhiên, nhiều phương pháp chữa bệnh khác cũng được vận-dụng cùng lúc nên người ta chưa biết rõ được thuốc LSD đã hiệu-nghiệm đến mức nào.

Ở một bệnh viện, người ta có thử LSD để chữa những chứng bất thường về tính-giao như sự đồng tình-ái hay tính liệt-dương nhưng kết quả chưa được rõ ràng.

Riêng về mặt những chứng thần-kinh, tâm-bệnh, LSD thật đã góp công làm thuyên giảm được ít nhiều. Trong những trường hợp bất trị, LSD đã là một chất chỉ thống mãnh liệt, một chất có thể làm yên tâm bệnh nhân, giúp bệnh nhân chấp nhận chờ đợi Tử-thần.

Vì hồ sơ bệnh vực đang còn quá ít ỏi, những bác sĩ thường dùng thuốc này chỉ còn biết hỏi LSD đã hại gì? Thật vậy đến nay chưa có ai trực tiếp chết vì thuốc này. Nếu có người tự tử sau khi uống LSD thì, theo bác sĩ này, không uống LSD cuộc tự tử cũng vẫn xảy ra như thường. Tuy nhiên, những cuộc khảo cứu mới mẻ nhất đang hiện vào hồ sơ kết án những bằng chứng vô cùng thiết thực.

Giáo sư Cohen, ở viện Đại học Buffalo, vừa mới cho đăng những kết quả khảo cứu về tác dụng của LSD lên những tế-bào con người : những bạch-huyết-bào nuôi trong ống. Những hỗn loạn trong các nhiễm-sắc-thể là một lời cảnh cáo nặng nề,

Tiếp sau là công tác khảo cứu của giáo sư Georges Alexander ở New-York. Điều khiển một đơn vị khảo cứu về tinh thần độc-vật-học, ông cho tác dụng lên chuột có thai trong số 5 con, chỉ có một con lành mạnh với đàn con vô sự đẻ ra, còn thì hoặc sồ thai hoặc đẻ con đã chết, hoặc con đẻ ra gầy còm, yếu đuối. Thúc đẩy xa hơn những thí nghiệm, ông xác định được LSD tác dụng vào thai chuột lúc đang thành hình bốn chân và những giác quan.

Bên phía ông William F. Geber, Giám đốc sở Dược-vật-học ở Viện Y-khoa Georgie thì lại chứng minh tổn hại của LSD lên thai một loại chuột khác ở não, tủy và gan với phức lượng vô cùng nhỏ.

Sau cùng, ở bên Anh, quan trọng nhất là những trường hợp bé con sinh ra với chân cẳng dài ngắn bất thường, hoặc dính vào mình ở một chỗ khác. Khi biết

được những bà mẹ đã từng hấp thụ LSD trong thời kỳ thai nghén, các bác sĩ đã vội la ó và đây có lẽ là lời kết án thiết thực nhất. Hiện nay Hội-đồng Liên-hiệp-quốc, và Hội-đồng quốc-tế về Sức-khỏe đã kiểm cách giảm hạ tổn-hại, nhưng một đằng những quân đội với cuộc khảo cứu thăm-kín, một đằng những hệ-thống buôn bán giấu giếm, đã làm trở ngại khó khăn không ít.

Và vừa rồi đây, khi người ta đang còn run rẩy với LSD, như đề thách thử những người có thiện-chí, một tin từ Mỹ qua đã làm cho các nhà có trách-nhiệm càng sợ hãi hơn : một chất thuốc khác vừa mới tìm ra được, còn mãnh liệt hơn cả LSD ! Ngày mai, ba chữ cái STP, biểu trưng một hóa-chất khác, có lẽ sẽ lên ngôi nổi nghiệp đầu độc nhân-loại.

VÕ-QUANG-YẾN

Tài liệu : M. Allain—Regnault

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S.O.A.E.O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél : 93.741 — 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE

— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétilénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ETUDES ET INSTALLATIONS

Cuộc Cách-mạng của nhà giàu

5) TRUYỀN-THỐNG CÁCH-MẠNG VÀ CHÁNH-PHỦ CỦA NHÀ GIÀU

Trong chương cuối cùng của cuốn «Cách-mạng luận», bà Arendt đã đốt cây đèn Thần đi tìm những «kho tàng đã mất đi» của truyền thống cách mạng.

Những kho tàng ấy là ba nguyên lý cấu tạo nên «tinh thần cách mạng»: tự do công cộng, hạnh phúc công cộng và tinh-thần công cộng. Ba nguyên lý này đã hiện diện trong cả hai cuộc Cách-mạng Mỹ và Pháp, nhưng dưới ảnh hưởng của «vấn đề xã-hội», nghĩa là dưới sức ép của dân nghèo, chúng đã mất đi hoặc sa đọa: bảo vệ tự do dân sự hơn là thực hiện tự do công cộng, theo đuổi hạnh phúc tư riêng dựa trên những tiện nghi vật chất thay vì hạnh phúc công cộng, nuông chiều dư luận quần chúng hơn là có tinh thần công cộng. Trước lịch trình sa đọa ấy, bà Arendt chỉ còn nuôi hy vọng về phía Mỹ và tuyệt vọng hẳn về phía Âu-Châu.

Nhìn lại sự «thảm bại» của các cuộc Cách-mạng Âu-Châu trong hai năm qua kể từ Cách-mạng Pháp, Bà cho rằng «tinh thần cách mạng», như đã định nghĩa ở trên, chỉ được thể hiện trong những tổ chức mà chính nhân dân đã tự động tạo nên, ngay trong những ngày đầu tiên của Cách-mạng: các Hiệp-hội nhân dân và Công xã Paris tại Pháp những năm

1789 và 1871, các Hội-đồng sô-viét tại Nga năm 1905 và 1917, các Hội-đồng công nhân và quân nhân tại Đức năm 1918 v.v... (1).

Đây là một «hình thức cai trị hoàn toàn mới» (tr.378) và thật sự Cách-mạng, trong đó mỗi người đều tha thiết với việc chung và hưởng được hạnh phúc công cộng trong sự tham gia ấy. Bà Arendt gọi hình thức cai trị ấy là «hệ thống liên hiệp» (système fédératif).

Mặt khác, cũng từ cuộc Cách-mạng Pháp đã xuất hiện những đảng phái chính trị bắt đầu là những phe nhóm trong Quốc-hội. Các chánh đảng này chỉ muốn đoàn-ngũ-hóa nhân dân, tạo nên những lực lượng quần-chúng để làm hậu-thuần cho chúng, do đó, nhân dân không còn sứ mạng «chia sẻ việc trị quốc» như trong hệ thống liên-hiệp, mà chỉ có thể ủng hộ hoặc chống đối theo đường lối của đảng.

(1) Ở đây, Mỹ cũng khác biệt hẳn Âu-Châu vì tại Mỹ, những tổ-chức nhân dân đã có trước Cách-mạng, ngay trong thời thuộc-địa. Tuy nhiên, số phận của chúng cũng giống như bên Âu-Châu là các nhà «Cách-mạng» Mỹ đã không thấu nhận chúng khi thiết-lập chế-độ Cộng-hòa, mà cũng không sáng-tạo được những-tổ chức mới, như Jefferson đã đề nghị.

Hai hệ-thống « liên-hiệp » và « đảng-phái » (système partisan) đã nảy sanh một lượt, nhưng từ những nguồn gốc khác nhau và với những mục tiêu mâu thuẫn : một bên xuất phát từ nhân dân và nhằm tạo điều kiện cho nhân dân tham gia trực tiếp chánh quyền, một bên xuất phát từ Quốc-hội (cơ quan đại diện cho nhân dân) và chỉ nhằm xử dụng nhân dân như công cụ của đảng cầm quyền. Hai hệ-thống mâu thuẫn như vậy chỉ có thể chống đối nhau, như trường hợp phe Jacobin của Robespierre đối với các Hiệp-hội nhân dân Pháp. Và đảng Bolchevik của Lénine đối với các Hội-đồng xô-viết Nga. Sự chống đối này, trên căn bản, là sự chống đối giữa nhân dân, luôn luôn đứng ngoài các đảng phái, với các đảng phái luôn luôn dành đại diện cho nhân dân. Với sự phát triển của các Quốc-gia đặt nền tảng trên dân-tộc (Etat-nation), với cái quan niệm bắt nguồn từ Rousseau cho rằng dân tộc là một khối đồng nhứt, hệ - thống đảng-phái đã đè bẹp hệ-thống liên-hiệp bên Âu-Châu và bất cứ hệ-thống đảng-phái nào cũng hướng về chế độ độc đảng. (1)

Các đảng phái, và đặc biệt là các đảng cách-mạng, đã có tội rất lớn trong việc làm tiêu tan cái kho tàng vô giá của Cách-mạng là hệ-thống liên-hiệp và bà Arendt đã không tiếc lời nhạo báng những người mà bà gọi là « nhà cách-mạng chuyên môn » (2) Tuy nhiên, sự tiêu diệt hệ - thống liên - hiệp không hẳn là do nơi sự tham quyền của các đảng phái mà do nơi sự lăm lăm hai phạm vi : kinh-tế và chánh trị.

Kinh-tế, tức quản-trị tài vật, thuộc phạm vi hành chánh (administration). Chánh-trị, tức cai trị con người thuộc phạm vi hành động (action.) Hành chánh

là tất yếu, hành động là tự do. Các đảng phái, tả như hữu, đều xem cứu cánh của chánh quyền là sự « no ấm của dân chúng » và như vậy biến hành động thành hành chánh. Trái lại, những yêu sách của các tổ-chức liên-hiệp là những *yêu-sách hành-động* : họ không đòi « một thiên đàng trên mặt đất hoặc một xã-hội vô giai-cấp » mà chỉ đòi « thành lập một, chế-độ Cộng-hòa chơn chánh » (tr. 391), nghĩa là tham dự vào hành động chánh quyền. Vì các đảng phái cho rằng chánh quyền phải làm việc hành chánh, họ đã đập tan những tổ-chức liên-hiệp để gạt bỏ những yêu-sách hành-động (nghĩa là chánh-trị) của nhân-dân, như Lénine đã đè bẹp các Hội-đồng xô-viết để chỉ lo điện-khí-hóa Liên-xô.

oOo

(1) Tuy nhiên, phải trừ ra nước Anh, vì hệ thống lưỡng đảng ở Anh cũng như ở Mỹ, là những « trường hợp ngoại lệ », vì tại 2 nước này người ta không quan-niệm quốc-gia phải đặt nền-tảng trên một dân-tộc đồng nhứt mà là một sự « liên-hiệp » : Liên-Bang Hoa-Kỳ, Liên - Hiệp Anh. Nguyên tắc liên - hiệp còn tồn tại, do đó chế độ lưỡng đảng chỉ thành công thật sự tại những nước « anglo saxons » mà thôi. Nhưng không nghe Bà giải thích tại sao Liên-bang xô-viết có chế độ độc đảng và Liên-bang Thụy-sĩ có chế độ đa đảng.

(2) Theo Bà, đó là những kẻ khỏi phải làm một việc gì ngoài cái việc nằm khểnh đề « nghiên cứu và suy nghĩ về Cách-mạng » trong những khám đường « tương đối có tiện-nghỉ » hoặc ở ngoại quốc. Họ đã không làm bùng nổ được một cuộc Cách-mạng nào mà chỉ biết đứng xó rợ gần đó khi Cách-mạng bùng nổ hoặc, nếu lưu-vong, thì « vất giò lên cổ » chạy về nhà đúng lúc để nằm chánh-quyền !

Một bà cụ thông thái mà viết ra những giòng thiếu hẳn lương-thiện trí-thức như vậy, thật đáng buồn cho Bà... và cho các Đại-học Mỹ !

Vậy kho tàng truyền thống cách-mạng là hệ-thống liên-hiệp trong đó ba nguyên-lý cấu tạo nên tinh-thần cách-mạng được thể-hiện đầy đủ : tự-do công-cộng, hạnh-phúc Công-cộng, tinh-thần công-cộng. Kho tàng ấy đã mất hẳn bên Âu-Châu do hệ thống đảng phái mà chỉ được giữ lại, phần nào, tại Mỹ và trong các nước "anglo-saxons". Tuy nhiên, ngay tại những xứ này chế-độ cộng-hòa vẫn không thực hiện được trọn vẹn nền tự do công-cộng và cái hạnh-phúc công-cộng vẫn dành riêng cho một *thiểu số ưu tú* (élite). Trên sân-khấu chánh-trị, các diễn-viên không còn là những "con ông cháu cha" của thời trước, nhưng nhân dân vẫn ngồi trong bóng tối nhìn họ diễn tuồng. Ngay trong những trường-hợp tốt nhất, chúng ta chỉ có một *chánh phủ của nhân dân, do những thành phần ưu tú xuất phát từ nhân-dân* (1) chứ không phải là một *chánh-phủ của nhân-dân và do nhân dân* (2).

Tuy nhiên tác giả nhìn nhận rằng việc tuyển chọn một *thiểu số ưu tú* đại-diện, cho nhân dân, vẫn là điều cần thiết, không những vì cái lý do giản-dị là không có một sân-khấu chính-trị nào đủ rộng để chứa đựng hàng chục triệu diễn-viên mà còn vì không phải tất cả mọi người đều có tài năng và sở thích làm chánh trị. Muốn làm chánh trị thì phải "vượt khỏi mức bình thường". Cho nên, trên thực tế, vấn đề là làm sao có được một "sân khấu chánh trị tự do" (un champ politique libre) để cho bất cứ ai, nếu cảm thấy mình có tài năng và sở thích làm chánh trị, đều có thể lên thi tài trên đó. Điều này đã được thực hiện trong những hệ thống liên-hiệp của nhân dân (công xã, xô-viết v.v.) nơi đó những người đại diện cho nhân dân được tuyển chọn

ngay khi họ đang hành động và có thể nói họ đã "tự tuyển chọn lấy họ" (tr. 412). Chỉ một cuộc tuyển chọn như vậy mới làm bộc lộ những tài năng.

Trái lại, với hệ thống đảng phái, sân khấu chánh trị chỉ dành cho các đảng viên, "chánh trị trở thành một nghề chuyên môn, một chức nghiệp (carrière) và thành phần ưu tú, chính vì lý do này, đã được tuyển chọn theo những tiêu-chuẩn và phương-thức có tính cách phản chánh-trị sâu-xa" (tr. 411) Những tài năng thật sự rất hiếm hoi trong các chánh-đảng.

Cho nên, trong phần kết luận, Bà Arendt đã đề nghị một biện pháp tuyển chọn khá lý thú. Bà muốn thiết lập một môi trường chánh-trị độc lập với mọi ngành sanh hoạt khác; sẽ tự ý vào đó tất cả những ai có tinh thần công cộng, không thỏa mãn bởi cái hạnh phúc tư riêng mà còn muốn hưởng thêm "hạnh phúc công cộng".

Như vậy, môi trường chánh trị sẽ chỉ gồm những người "ưu tú" và những người này sẽ tuyển chọn, giữa họ với nhau, những kẻ cầm quyền.

Cách tuyển chọn này sẽ chấm dứt phương thức phổ thông đầu phiếu và sẽ đưa đến một *chánh phủ quý phái* hiểu theo nguyên nghĩa của nó là một chánh phủ gồm những *người ưu tú nhất* (gouvernement des meilleurs). Mà chắc chắn đây là những kẻ ưu tú nhất vì họ được

(1) un gouvernement du peuple par une élite issue du peuple.

(2) theo định-nghĩa cổ điển, thì còn phải thêm chữ "vì dân" (pour le peuple) nhưng Bà Arendt không bao giờ nhắc tới chữ này vì nếu chánh-phủ là "vì dân" thì lại sa vào cái vòng "hành-chánh", phải lo đến những vấn-đề "nội-trợ" của nhân dân.

tuyển chọn bởi chính những người ưu tú.

Còn những người khác vì sao ? Thì họ sẽ làm kinh-tế, là văn-hóa, làm mọi việc khác trừ việc chánh trị vì chính họ đã tự loại ra khỏi chánh trường. Họ sẽ được hạnh phúc tự riêng, được bảo đảm bởi những quyền tự do dân sự trong đó phải kể thêm cái quyền tự - do... « không làm chánh-trị ».

Một chế-độ « quý-phái » như trên sẽ vừa phục sinh được « truyền thống Cách mạng », vừa ngăn chặn được sự sa đọa của chế-độ Cộng-hòa thành chế-độ dân-chủ, nghĩa là một chế-độ đặt dưới quyền thống-trị, không phải của « nhân-dân », (peuple) mà là của đám quần chúng lúc n - úc (masse) với những dư-luận nông-cạn, những dục vọng thấp hèn, mà các chánh đảng phải cố gắng nuông chiều hiện nay.

Nhưng có thể hỏi bà Arendt : ai có thể bỏ công ăn việc làm để « tự ý » gia nhập cái « môi trường chính-trị » hầu thi thố tài-năng trên sân-khấu chánh-trị ? Chỉ có những người dư tiền của và dư thì giờ mới làm được việc ấy (1). Cho nên cái môi trường chánh-trị độc lập của Bà, thật ra cũng chỉ là một đảng và một đảng chuyên-chế như đảng Cộng-sản, vì nó giữ độc-quyền làm chánh-trị. Chỉ khác một điều là muốn vào đảng của Bà, không cần phải chấp nhận một ý-thức-hệ mà chỉ cần một điều kiện thực tế duy nhất mà không ai đặt ra cả : có tiền. Có tiền mới có dư thì giờ để « ăn cơm nhà, lo việc nước » theo cái truyền thống tốt đẹp của các Đảng Quốc-Phụ Mỹ. Các chánh đảng hiện nay — ít nữa là những đảng lớn — đều cung cấp phương tiện cho cán bộ của họ để những người này có thể dành tất cả thì giờ cho đảng, le di

nhien với những điều kiện khắt khe : phải chấp nhận ý-thức-hệ, đường lối chủ trương, phải tuân hành mọi mệnh lệnh của đảng ; nhưng dầu sao đó cũng là mở một cánh cửa hẹp để cho những kẻ không tiền có thể « làm chánh trị ». Trái lại cái « môi trường chánh trị » của bà Arendt mở rộng, ai muốn vào thì vào, nhưng với điều kiện là phải xuất tiền túi để làm chánh - trị, vì đây chỉ là một « môi trường », một sân khấu tự do, không phải là một đảng nên không ai có thể cấp phương - tiện cho ai : chỉ như vậy mới có tự-do công-cộng thật sự. Điều đáng buồn là cái tự do công cộng ấy vượt khỏi tầm tay — nghĩa là túi tiền — của đám dân nghèo.

Vừa là một chánh đảng vì nó có nhiệm vụ tuyển chọn kẻ cầm quyền, vừa không phải là một chánh đảng vì nó chỉ là một « môi trường » mở rộng, cái môi trường chánh trị của bà cụ Arendt thật ra là *đảng của nhà giàu*. Và cái « chánh-quyền quý phái » mà nó đẻ ra *chỉ có thể là chánh-quyền của nhà giàu*. Thật vậy, chánh quyền phải là của nhà giàu, vì chỉ có nhà giàu mới không « sống vì dục vọng », mới thiết tha với việc nước, mới cảm thấy cái nhu cầu thi thố tài năng « trước mắt kẻ khác, giữa những người ngang hàng với mình » trên sân khấu chánh-trị. Và nếu chỉ có nhà giàu là đã làm được một cuộc cách mạng thành công, thì muốn bảo tồn cái tinh túy của « truyền

(1) Làm chánh-trị vừa tốn tiền vừa tốn thì giờ (nếu không phải là chánh-trị xôi thịt) cho nên trong chế-độ dân-chủ trực tiếp ở Athènes, cuối cùng người ta phải ban-bố một phụ cấp đặc-biệt cho mọi công-dân nào không có nhiệm-vụ trong chánh-quyền, để họ có thể thi-hành « bổn phận công-dân » : hội-hợp, bầu-cử v.v... Thật ra đây chỉ là một cách mua chuộc sự ủng-hộ và lá phiếu của đám công dân nghèo.

thống cách mạng » chỉ có một cách là loại đám dân nghèo ra khỏi chánh trường, dành độc quyền làm chánh trị cho nhà giàu :

Ai bảo giàu sang là xấu

Giàu sang tốt lắm chứ !

[Nếu cái «chế-độ quý phái» của bà Arendt được thực hiện trên đất Mỹ, chúng ta sẽ thấy hai nước lớn nhứt của thế-giới hiện nay được cai trị bởi hai đảng lớn : một đảng của nhà nghèo bên Nga (vì dầu

sao đa số các đảng viên đảng Cộng-sản Liên-xô hiện nay còn là dân lao-động) và một đảng của nhà giàu bên Mỹ.

Nhưng cần gì phải thay đổi Hiến-pháp chấm dứt phổ-thông đầu-phiếu v.v. mới có được một chánh-phủ của nhà giàu trên đất Mỹ. Vì hồi nào tới giờ, các chánh-phủ Mỹ đều là chánh-phủ của nhà giàu...

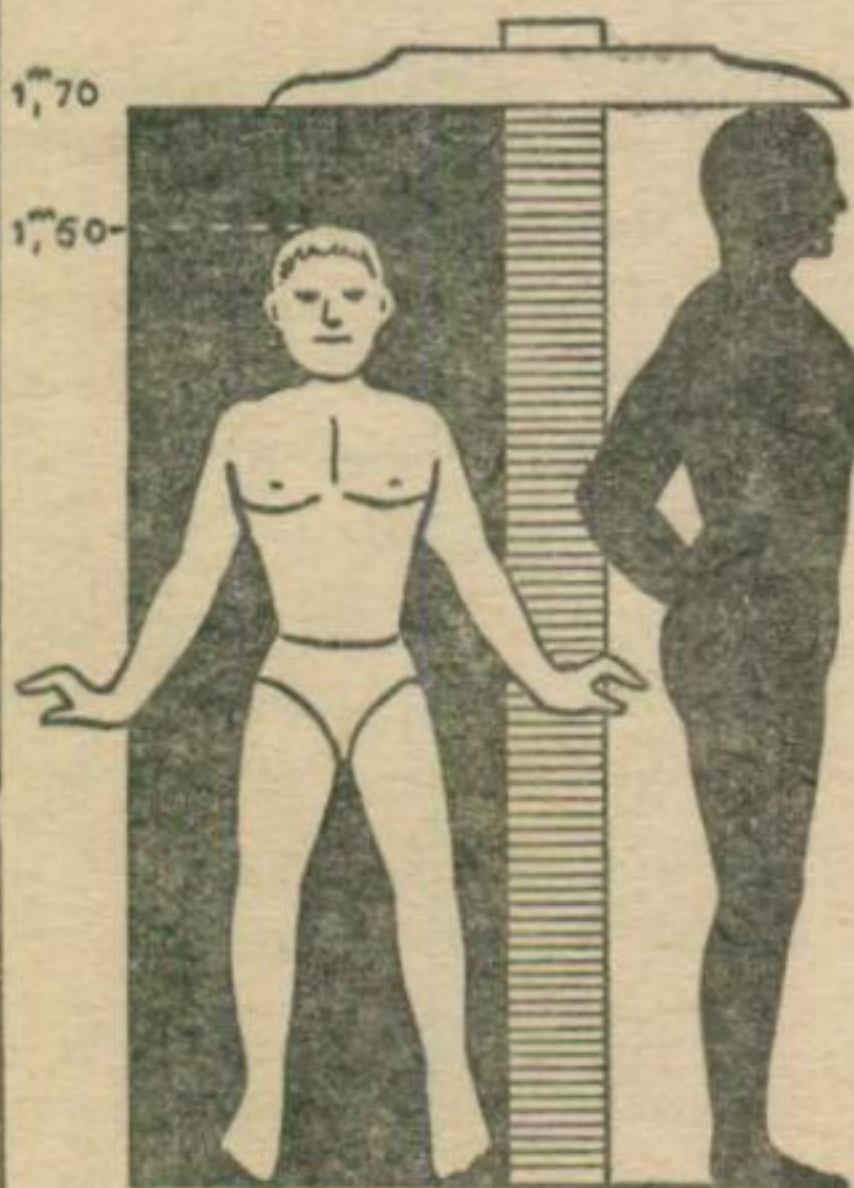
LÝ-CHÁNH-TRUNG

Kỳ tới : **Cảm nghĩ về cuộc Cách-mạng của nhà giàu**

S6 KN 78 MEYT/QCDP

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



- CON NÍT MAU
BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN
CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ.

góp ý về phương thức đánh thuế trên mức sống xa hoa

Theo những lời tuyên bố của ông Tổng-trưởng Tài-chánh và ông Tổng Giám-đốc Thuế-vụ thì phương thức nói trên chỉ nhằm vào những thường dân có một số lợi tức cao theo như mức sống xa hoa của họ chứng minh, mà họ lại không tình nguyện khai báo cho xác thực, nghĩa là số khai báo không đến 800 ngàn đồng một năm ;những người đã khai báo số lợi tức của mình trên 800 ngàn hay 1.000 000 đ cũng như những công tư chức sẽ khỏi phải chịu cách tính thuế mới này.(Theo tin các báo).

Trước hết chúng tôi phải thừa ngay rằng quả thật một số lớn tư nhân, thường dân, cũng như công chức (kể cả những sĩ quan có chức vụ hành chánh hay quân sự) thường hay trốn tránh thuế vụ và gian lận thuế vụ bằng cách này hay cách nọ, nhưng có một điều khác nhau là một đảng thì rụt rè sợ sệt, còn một đảng lại ngang nhiên trắng trợn. Đó là nhận xét thứ nhất mà chúng tôi xin lưu ý ông Tổng-trưởng Tài-chánh, vì nếu chánh phủ này là chánh phủ dám làm thì ông Tổng trưởng Tài chánh nên xét tới cái thành phần « ngang nhiên, trắng trợn » này trước, để có biện pháp trừng trị làm gương, chớ không lẽ gì mà phải

bận tâm đến thành phần thường dân trước.

Nhận xét thứ hai của chúng tôi là : không có gì đảm bảo rằng những người đã khai báo trên 800 ngàn hay 1.000.000đ lại là người ít gian lận hơn những người khai báo dưới số đó. Có lẽ dựa trên thống kê tài chánh hay thuế vụ thì cái số khai báo trên 800 ngàn hay 1.000.000đ là một số quá ít ỏi, không đáng quan tâm, khi mà trọng tâm là thu cho kỳ được kết quả tài chánh cho ngân sách quốc gia. Nhưng dù sao cũng cần phải xét về khía cạnh công bằng chung cho mọi người và nếu quả thật những người khai báo số lợi tức trên 800 ngàn hay 1.000.000đ quá ít ỏi, thì lại càng không phải biệt lệ cho họ khi đề ra một phương-thức gọi là dựa trên mức sống xa hoa của người phải chịu thuế, vì biết đâu trong những người đã khai báo lợi tức của mình trên 800 ngàn hay 1.000.000 đ hằng năm lại không có những tỷ phú và đại gian.

Nhận xét thứ ba là : phương thức mới này của ông Tổng-trưởng Tài-chánh thật ra không phải là mới, vì trong sách vở và thực tế ở một vài nước, người ta cũng đã nói đến hay đem ra áp dụng

rồi, chúng ta chỉ bắt chước là được. Song có lẽ người quan-niệm phương thức đánh thuế này quên đi hay không biết những kết quả phiền phức và tai hại đã xảy ra cho những nơi ấy. Người ta áp dụng phương thức đánh thuế này thường vì lý do muốn có công bằng xã hội, muốn bớt chênh lệch giữa giàu nghèo và gây phong trào tiết kiệm khắc khổ, và nhất là tìm kết-quả tài-chánh thêm cho ngân-sách quốc-gia, đặc biệt là khi mà có sự hao hụt kinh niên như Ngân-sách quốc-gia Việt-nam hiện nay. Nhưng phương-thức đánh thuế mới này, theo kinh-nghiệm của một vài nước, thì vừa phức tạp, phiền toái cho người chịu thuế lại vừa tổn hao cho người thu thuế để kiểm-tra khai báo, để giải-quyết khiếu nại, thưa gửi. Thành thử, nếu quả thật Bộ Tài-chánh có mục đích thu lượm kết-quả Tài-chánh cho ngân-sách một cách tích cực thì chúng tôi e ngại rằng quý Bộ có khi sẽ thất vọng.

Hơn nữa, vì tính cách phiền-toái và phức tạp của nó mà phương-thức đánh thuế này được quan-niệm khởi đầu vì công-bằng xã-hội mà sau lại gây thêm bất công và theo đó là bất mãn. Sự bất công này có thể gia tăng giữa thường dân và thường dân và nhất là giữa thường dân và công tư chức. Nói đến công chức, chúng tôi nghĩ đến cả các sĩ-quan có chức-vụ hành-chánh hay quân-sự.

Trên đây là nhận xét về phương-diện ngắn hạn của một phương-thức thuế-vụ. Nếu xét về mặt dài hạn thì phương-thức mới này chẳng những là gia-tăng bất công mà còn gây tai hại cho ngân-sách quốc-gia vì tính cách nặng nề của nó và nhất là vì sự chuyển-dịch những tài-sản bị khai báo để tính

thuế. Vì nếu được áp dụng, thì những công chức xưa nay trong sạch, không quen thói lạm dụng nhà cửa xe cộ của quốc gia, từ nay họ sẽ cố bỏ những thói quen quân tử của họ mà cũng sanh ra lợi dụng tài sản quốc gia được chừng nào hay chừng ấy, vì xử dụng những tài sản này chẳng những là khai báo mà cũng phải luôn gánh nặng thuế-vụ được đến đâu hay đến đó. Ví dụ một ông Tổng trưởng chưa lấy nhà lấy xe, của chánh-phủ, thì hãy lo lấy nhà lấy xe để nếu mình không xài thì ít ra cho bà con mình xài. Nếu có một chiếc xe tư để đưa con em đi học thì nên bán đi mà xử dụng xe V.A. vừa khỏi tốn kém, khai báo mà nhất là còn được nhiều tiện lợi khác trong khi di chuyển.

Những nhận xét trên đây có thể là vội vàng, thiếu sót, nhưng người viết chỉ hy vọng cơ-quan có trách nhiệm, quý vị có trách nhiệm nghiên cứu lại kỹ càng hơn nữa các biện-pháp, phương-thức, trước khi đem ra áp dụng. Nếu thật ngân-sách quốc-gia cần thêm nguồn tài-chánh, thì chúng tôi tự hỏi : Tại sao không gia tăng phân-xuất thuế-vụ đánh trên những dấu hiệu của xa hoa, dư thừa hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp ? Vì như thế, kết quả vừa chắc chắn, vừa tránh được phiền phức cho người chịu thuế, vừa tránh được tổn kém phiền toái cho người thu. Ví dụ : nếu xe hơi là một dấu hiệu của xa hoa và thuế lưu thông chưa đủ cao thì cứ việc gia tăng gấp 2, 3 lần ; nếu máy điều-hòa không khí, máy truyền hình là dấu hiệu của sự dư thừa, mà thuế gián-thâu cho là chưa đủ cao, thì có thể thêm một sắc thuế trực thâu nữa nếu không muốn gia tăng phân xuất thuế gián-thâu ; nếu nhà cửa, vườn tược đồ sộ là dấu hiệu giàu sang, thì

xin đề nghị đánh thuế thổ-trạch thật cao sau khi khấu trừ không-gian tối-thiểu (espace vitale) cho mỗi đầu người. Chúng tôi cũng nghĩ rằng: Bộ Tài-chánh có lẽ dư hiểu những vấn-đề nêu trên, nhưng những biện pháp thu thuế đã trình bày đều phải qua Quốc-hội, mà Bộ Tài-chánh và Chánh-phủ lại muốn tránh việc đó được chừng nào hay chừng nấy. Trong khi ấy thì phương-thức đánh thuế mới mà Bộ Tài-chánh đã đề ra dường như thu được thuế thêm cho ngân-sách mà lại khỏi phải qua Quốc-hội. Ấu là Hành-pháp cũng muốn tránh được phần nào sự phiền toái và lâu lắt khi phải đợi Quốc-hội chấp thuận một sắc thuế mới hay một phương thức đánh thuế mới.

Sau hết, nhưng lại quan trọng hơn hết, là nhận xét chua cay trên một sự kiện phũ phàng nhứt xảy ra ở các nước kém mở mang, trong đó có miền Nam Việt-Nam này, là chính chánh-quyền hay là những người trong chánh quyền (chớ không phải những thường dân) mới lại là những yếu-tố tiêu pha làm hao tổn tài sản quốc-gia một cách thối quá nếu so sánh với trình-độ phát-triển của quốc-gia.

Gần đây Chánh-phủ Trần-văn-Hương đã khởi sự giải quyết việc lạm dụng công xá, nhưng nhiều khi nhà cầm quyền tuyên bố rất "gân" mà lúc thi hành thì lại rất chậm chạp, rụt rè. Điều này cũng dễ hiểu, nhưng nếu chính quyền làm được 1/2 lời tuyên bố hay ý định của mình thì đã là một «phép lạ» rồi. Thật ra, mỗi một vấn đề công xá thôi đã có biết bao nhiêu lạm dụng và tất nhiên là biết bao nhiêu tổn phí cho quốc-gia. Một người có khi chiếm đến hai ba căn nhà của chánh-phủ, thôi chức vụ mà vẫn còn giữ nhà, có khi chết rồi hay nhậm chức vụ ở ngoại quốc

mà vẫn còn giữ nhà, và còn bao nhiêu hình-thức lạm dụng công xá nữa mà chẳng hiểu bộ Tài-chánh có đủ cương quyết đề thanh toán những lạm dụng này không. Còn nói chi đến chuyện công xa...

Chúng tôi đề-nghị một giải pháp có thể tiết kiệm cho ngân sách quốc-gia một số tiền rất lớn, có thể xử-dụng vào chuyện khác có ích lợi hơn. Ở trên, chúng tôi đã nói là chánh-quyền tại các nước kém mở mang thường tương đối quá tốn hao cho quốc-gia, bây giờ chỉ làm thế nào để cho bớt hao tổn tức là có thể tiết kiệm cho ngân sách quốc-gia hằng trăm triệu, có khi hằng tỷ bạc. Để có một ý niệm về sự hao tổn này, chúng tôi xin đơn cử một thí dụ cụ thể sau đây: một ông Tổng-Trưởng hiện ở một cái biệt-thự to lớn đáng giá trên 20 triệu, trên một miếng đất rộng trên 4000 thước vuông đáng giá trên 40 triệu. Như thế, chánh phủ phải cung cấp cho ông, nhà cửa đáng giá trên 500.000đ một tháng, vì nếu chỉ lấy 1% tiền lời hàng tháng, thì phải tốn 600.000đ rồi, đó là sự thật chớ không phải lý-thuyết, vì nếu đã phải giữ lại một số tài-sản đáng giá bao nhiêu đó cho ông Tổng-trưởng hưởng thì tức nhiên phải tính sự tiêu hao theo thị-trường tiền-tệ hiện-tại. Đó là chưa nói đến, sự tổn hao về nhân viên như người làm vườn, bồi bếp... và nhứt là tiền phải sửa chữa, tu bổ hằng năm. Nếu phải nói đến công xa nữa thì lại phải kể nào là xăng nhớt, tải xế, tiền bảo-hiêm, sửa chữa hằng tháng, vân vân và vân vân... Có ai tính được một ông Tổng-trưởng, kể đó là các ông Đồng-lý, Tổng-thư-ký, Tổng-giám-đốc, Giám đốc.. và bao nhiêu người khác đang xử-dụng công xá, công xa và các của công khác của chánh phủ hiện làm tổn kém bao nhiêu cho quốc-

gia hằng tháng không? Nếu cần nói thêm thì phải nói đến một số sĩ quan có chức vụ ít nhiều quan trọng là chẳng những công xa công xá mà có khi cả nửa tiểu-đội phải phục dịch cho bà lớn bà nhỏ, cô cậu nữa...

Đề tránh sự tổn hao thối quá và những sự lạm dụng... càng tổn hao hơn nữa, chúng tôi đề-nghị nên áp dụng một chánh-sách phụ-cấp, ít ra là cho những người có chức-vụ chánh-trị hay thay đổi, ngay từ bây giờ. Với một phụ cấp, ví dụ nhà cửa, cho thật cao cách mấy đi nữa thì cũng không bao giờ tổn hao bằng một phần năm sự tổn hao hiện giờ. Tất cả các dịch-vụ hiện giờ các ông ấy được hưởng sẽ được trả bằng phụ-cấp: nhà cửa thì sẽ có phụ cấp nhà cửa; xe cộ, bồi bếp, tiếp tân v v... mỗi mỗi đều có phụ-cấp tương-xứng với chức-vụ của họ. Chánh-sách phụ-cấp này, ngoài việc bớt được sự tổn hao cho ngân sách quốc-gia, còn tránh được sự bất công giữa ông này ông kia, cùng tránh được cái nạn trả chức-vụ rồi mà nhà cửa, xe cộ chưa trả. Hơn nữa, những tài-sản hiện có, nếu đem ra bán cho quần chúng thì sẽ thu được một số tiền thật to để đầu tư vào việc khác có ích-lợi hơn. ẽ dĩ nhiên là nên để lại một số ít nhà cửa dùng trong việc tiếp tân chung của chính quyền.

Biện-pháp phụ cấp tổng-quát này sẽ bắt buộc những người được hưởng phụ-cấp tự-động tiết-kiệm và nhứt là họ sẽ làm gương tiết kiệm trước quốc dân. Chớ như thấy người trong chánh quyền vẫn sống đài các (đúng thế), người hầu kẻ hạ đập diu như hiện nay, thì làm sao người dân tin được là chánh-phủ đã đề ra chánh sách tiết kiệm.

Mặt khác chánh quyền quốc-gia từ khi

dành được độc-lập cho quê-hương đến nay đã thừa-kế một di sản tinh thần và vật chất lớn lao của thực-dân, từ luật lệ, tập quán đến nhà cửa, xe cộ v.v... Chánh quyền quốc-gia không phải thực-dân, nhưng vì tiếp tục một cách vô-ý-thức cuộc sống của thực-dân để lại mà, dần dà với thời gian đã bị một số quần chúng đồng hóa (identifier) chánh quyền quốc-gia với chánh quyền thực dân cũ. Tất nhiên sự đồng-hóa này chỉ là một sai lầm của một số người mà thôi. Nhưng thử hỏi sau bao năm qua, giữa sự tuyên-truyền đầu độc của Cộng-sản, chánh-quyền đã làm được gì quyết liệt để đánh chánh lại nhận định sai lệch này. Phải chăng vì thế mà ở Việt-Nam cũng như ở một số lớn các nước kém mở mang mới dành lại được độc lập, người ta thường nhận thấy sự-khiến xa cách dần dần giữa giai cấp lãnh đạo và quần chúng, làm cho những quốc-gia này dần dần biến thành những con mồi thật ngon và thật rẻ cho chủ nghĩa Cộng-sản.

Kẻ viết bài này mạnh dạn nêu lên những nhận xét và đề nghị trên đây, tất nhiên vì nghĩ rằng biện pháp mình trình bày, nếu được xét đến và áp dụng sẽ đem lại lợi ích không nhỏ cho chính phủ và quốc-dân. Nhưng ngoài ra, người viết còn hy vọng rằng nếu chánh-phủ thành tâm đón nhận mọi đề nghị phải lẽ, hợp thời, cương quyết làm những việc nên làm, trong lúc phải làm, thì ngoài lợi ích thiết thực thu lượm được, chánh-phủ còn khích lệ sự hợp tác của dân chúng nhích lại gần dân chúng, lấp dần hố ngăn cách giữa nhà cầm quyền với người dân mà kẻ địch không ngớt đào ngày một thêm sâu trong giai đoạn tranh đấu quyết liệt với Cộng-sản cả về quân sự lẫn chánh-trị này.

THỂ-NHÂN

Tâm-sự NĂM CHÂU

Những chuyện buồn vui trong đời lưu diễn, những kỷ niệm trong khi diễn xuất với các nữ nghệ sĩ Năm Phi, Phùng Há... những nhận xét về các nữ diễn viên đương thời : Bạch Tuyết, Ngọc Giàu, Thanh Thanh Hoa...

— Đừng sợ đóng vai này sẽ mất đẹp, đóng vai kia sẽ già đi. Một khi mình diễn xuất nhập thần, nghĩa là sống trọn vẹn với vai trò, thì tự nhiên nét đẹp sẽ từ đó tỏa ra như một ánh hào quang. NĂM CHÂU

Tôi xoay sang vấn đề tình ái của anh trong khoảng thời gian anh còn trẻ

Sau một hồi khước từ, thấy không thể được vì sự lẩn tránh của tôi, anh cười :

— Tôi ít có lãng nhăng lắm, hề yêu ai là tôi tình chuyện sống chung. Bởi vậy cho nên tôi có nhiều đời vợ và có nhiều dòng con. Xin anh ghi kỹ giùm là nhiều đời vợ chứ không phải nhiều vợ trong một lúc à nhen ! Để nhớ lại coi. . . Hồi năm 1926, lúc tôi hai mươi tuổi, tôi lấy người vợ đầu tiên ở Mỹ-tho, được 3 đứa con thì xa nhau. Năm tôi 32 tuổi, gặp Tư Sạng, được 5 đứa con lại xa nhau. Đứa con trai đầu lòng, tôi cho ông bầu Trần-Đắc làm con nuôi, nó tên Nguyễn-Thành-Văn, năm nay nó đã 38 tuổi. Vì vợ chồng ông bầu này rất tốt với tôi, thấy ông không con, tôi cho nó để ông nuôi làm đầu con, mãi về sau bà không có con tôi cho luôn. Hôm nay ông Đắc đã trên 80 tuổi, già yếu lắm rồi, thằng con tôi đang trông nom rạp hát bóng Tây-Đô và một nhà máy in (ở Cần-Tho) để hôm sớm với vợ chồng ông trong lúc tuổi già. Đứa thứ hai là con Thanh-Hương đó (tên thật nó cũng là Nguyễn-thị Thanh-Hương), Thanh-Hương và mấy đứa em nó cũng theo mẹ (tức là cô Tư Sạng). Tôi lấy Kim-Cúc hồi năm 1946, lúc chạy tản cư. Chúng tôi biết nhau là vì lúc đó ông ngoại sắp nhỏ (nghệ-sĩ Bảy Nhiêu) là giám-đốc đoàn hát Nam Phương đang diễn ở Gò-Công. Tôi và ông ngoại sắp nhỏ chơi thân với nhau lắm. Tôi xuống rủ ông về Sài-gòn hợp tác. Tôi và Kim-Cúc có với nhau 7 đứa con. Đứa con đầu, chết trên đường chạy tản cư năm 1946, đứa kế, sanh năm 1947, đang dạy đàn dương cầm đó. Em nó là Nguyệt-Thu sanh năm 1948, đứa em của Nguyệt-Thu là Thanh-Thanh sanh năm 1950, hai chị em nó cũng là diễn viên trong đoàn Ánh-Chiêu-Dương...

— Nghe nói có lúc nào đó, anh sống chung với cô Bảy Phùng-Há một thời gian ?

— Thôi, chuyện qua rồi nhắc lại làm gì. Xin anh ghi đại khái là dạo đó, tôi và Bảy Phùng Há sống chung trong tình chồng vợ với nhau gần một năm, sau đó vì cả hai đều cảm thấy không đem lại hạnh phúc cho nhau — bấy giờ tôi đã có vợ lớn — nên cùng đồng ý xa nhau; cho đến bây giờ chúng tôi đối với nhau rất đúng nghĩa kim băng. À, anh nhắc tôi mới nhớ, hồi năm 1940, lúc tôi lập đoàn ca kịch Năm Châu, tôi có gặp người vợ nữa trước khi tôi gặp Kim Cúc..

— Tôi nghe nói lại rằng hồi trẻ, lúc đi lưu diễn, anh được nhiều người đẹp miệt vườn đeo theo lắm. Và có nhiều lần bị mấy tay anh chị địa phương chặn đánh?

Anh Năm Châu cười thoải mái: cũng có, nhưng chỉ thoáng qua rồi thôi, nhớ làm sao hết. Nhưng tôi chưa bị chặn đánh vì tình, mà chỉ bị một vài lần lãng nhách. Thí dụ như trận lôi thôi ở Hốc-Môn. Năm đó đoàn Tái Đồng Ban về diễn tại chợ này, có cả cô. Bảy Phùng Há. Một buổi sáng tập tuồng cửa rạp mở lớn, tụi con nít bu lại coi. Có một con nhỏ chừng 11, 12 tuổi, bông em đề ỉa trên ghế. Bà chủ gánh rầy nó, nó chửi lại, bả đánh nó một tát tai. Nó nằm lăn xuống đất la lối om sòm, đứa khác chạy về mét với cha mẹ nó. Cả khu phố ấy bu trước cửa rạp chửi như tát nước vào mặt đoàn hát. Tôi thấy vậy vậy bước ra với ý định phân giải này nọ cho êm. Nào ngờ tôi mới lộ đầu ra, có tiếng vài người la đó, nó nhào ra đánh tụi mình đó. Tôi vừa khoát tay định nói không

phải như vậy đâu, thì mẹ của đứa nhỏ nằm vạ lúc nãy, đã lấy ve keo ót đang cầm trong tay liệng vô mặt tôi. Chẳng may keo ót trúng nhằm người chõu của chị ta đang nhảy đến trước mặt tôi. Keo ót trúng ngay mang tai, sút nút đồ xuống nhuộm đỏ cả quần áo anh ta. Tức thì có nhiều tiếng la nó đánh tét da đầu chồng tôi, nó đánh bẻ đầu người ta rồi. Lúc đó tôi dòm thấy ớt đỏ lôm cũng chóa lòa mắt mũi, hồn vía lên mây, đứng chết sững. Tiếng la làm náo động cả chợ. Mấy ông hương chức làng sở tại chạy đến bắt tôi và một người lao



Năm-Châu và người vợ lấy lần thứ nhì, Tư - Sặng (Đặng-thị - Sặng) hồi đi gánh thầy Năm-Tú (1928).



Năm-Châu và người vợ lấy lần thứ ba khi lập gánh Ca-kịch Năm-Châu 1943.

công trong rạp đang ủa đồ, nghe la cũng chạy ra coi, tay nó đang cầm bàn ủa, liền bị mấy người đứng đó chỉ cho mấy ông hương chức nói nó xách bàn ủa xúm lại đánh người đồ máu. Nó với tôi bị bắt. Họ không đưa về nhà việc sở tại, mà họ dẫn đến một nhà việc lân cận cách chợ hơn hai cây số, rồi đóng trướng chúng tôi tại đó. Trong lúc tôi bị đóng trướng, những tay anh chị Hốc-Môn hờm sẵn trên đường về đề ăn thua đủ khi tôi được thả. Những anh em lên thăm tôi đều bị đánh ngã dọc đường, trong số ấy có anh Ba Nở (người trang trí trong đoàn, bị đánh té nhào xuống mương, mình mẩy bầm như trái mồng tơi). Ông bầu thấy vậy, sợ quá, phải chạy lên Tân-Khánh mời hai ông thầy võ danh tiếng trong vùng, nhờ đến hộ tống cho tôi. Tôi bị đóng trướng từ 7, 8 giờ sáng cho đến chiều tối mới được thả về. Nhờ có hai ông thầy võ cặp hai bên tôi về bình yên. Thiệt là tai bay vạ gió. Một lần nữa ở quận Trà-ôn, đoàn hát tụi này có tổ chức một đội banh tròn, đá thắng đội banh Trà-ôn, bị chặn đánh như tử, may nhờ ông quận Lê-Tấn-Nằm che chở trận đó, nếu không có ông quận Nằm, chắc chúng tôi đã tan tành xì quách.

Còn nhiều vụ chúng tôi bị ấn hiếp như vậy, lâu ngày quên mất. Do những vụ bị hiếp đáp đó, tôi tức mình, mới rủ nhau đi học võ. Khi anh em biết võ rồi mới bày chuyện hát tuồng Tàu, đấu võ bằng dao kiếm thiệt trên sân khấu để dẫn dắt mấy tay anh chị địa phương. Từ đó phong trào đánh võ thật trên sân khấu lan rộng đến các đoàn khác. Nhờ đó anh em tôi cũng bớt bị hiếp đáp trên đường lưu diễn. Nhưng chỉ đỡ về phương diện bị các tay du-côn đánh đập, chớ trường hợp bị mấy ông kẹ ấn hiếp này nọ thì nhiều lắm anh ơi, kề sao cho xiết! Tôi đã từng là nạn nhân của những sự ức hiếp đó trong mấy chục năm lận đận với nghề, tôi rút kinh nghiệm: chỉ vì anh chị em nghệ sĩ sống rời rạc, vô tổ chức, thiếu tinh thần tương thân tương trợ, cho nên tôi đã cố hết sức vận động thành lập Hội Nghệ-Sĩ Ái-Hữu như anh đã biết đó.

Anh Năm Châu lại thở dài chán nản nói tiếp: lúc đầu tôi qui tụ gần 400 anh chị em nghệ-sĩ, Hội hoạt động rầm rộ, nhưng rồi bản tánh chềnh mảng thờ ơ, thiếu tinh thần tập thể của người Việt Nam nói chung, mà của anh chị em nghệ-sĩ thì lại càng nặng hơn. Vì vậy hiện nay Hội vẫn hoạt động cầm chừng. Tôi rất buồn khi thấy anh chị em nghệ sĩ bị hiếp đáp dưới nhiều hình thức, mà Hội Nghệ-Sĩ Ái-Hữu thiếu sự hoạt động tích cực và thiếu sự hăng hái tham gia đông đảo của đa số nghệ sĩ, làm sao mà đoàn kết để đủ sức mạnh bênh vực nhau được. Nghĩ tôi càng thương cho các nghệ-sĩ trẻ hôm nay...

— *Tại vậy mà anh không cho hai cô Nguyệt-Thu và Thanh-Thanh tiếp tục đi hát với các đoàn khác sau khi Ánh Chiêu Dương của anh tan rã, có phải không anh? Anh Năm Châu cười thật hiền nhìn đứa con trai nhỏ của anh vừa đi ngang qua, anh tăng hăng rồi nói:* đâu phải vì sợ con bị ấn hiếp mà không cho con đi hát. Tôi không muốn cho con tôi đi vào con đường mà tôi chịu sự bạc bẽo đã quá nhiều. Thêm vào đó, nếp sống hậu trường lại xô bồ, tình độ diễn xuất ngày càng xuống thấp nhường chỗ cho sự lợi dụng

nghệ thuật đề trực lợi ngày càng leo thang. Tính chất phụng sự nghệ thuật thuần túy đã mất. Tôi sợ mấy đứa nhỏ tôi sẽ bị cuốn vào dòng thác lũ mua đào chuộc kếp hiện nay, cho nên tôi rất muốn các con tôi đi hát, mà đành phải buộc nó đi làm nghề khác ngoài sở thích và năng khiếu của chúng nó. Sở dĩ tôi chịu khổ cực đứng ra lập gánh là tôi muốn có chỗ cho các em cháu, trong số đó có các con tôi, phụng sự nghệ thuật. Mà rồi những bàn tay phá hoại, những tay đầu cơ nghệ thuật vẫn không tha cho... (Anh lại lắc đầu thở dài) thật là khác xa với thời tôi và Bảy Phùng Há, Năm Phỉ, Ba Vân còn đi hát chung...

— Xin anh cho nghe những kỷ niệm lúc bấy giờ giữa anh và những nghệ sĩ lão thành vào thời kỳ vàng son đó ?

— Trời ơi, nhiều quá làm sao kể cho hết ! Tôi có nói tới sáng anh ghi cũng chưa rồi...

Thấy anh Năm Châu đang vui, sẵn trớn tôi gọi lại chuyện xưa : tôi nghe nói Cô Năm Phỉ không biết chữ, như vậy làm sao học tuồng và làm sao nghiên cứu được lời lẽ, lột tả được vai trò của các nhân vật trong tuồng ?

— Trời cho cô Năm Phỉ có một sức thông minh đặt biệt, không tao cắt nghĩa nổi. Cờ không đọc được chữ, vậy mà cờ có thể mò mò cờ viết thư cho người khác được, mà chữ viết cũng tốt nữa. Còn học tuồng thì có người đọc cho cờ học theo. Có điều hễ đọc một lần là cờ nhớ như in, rùi mà đọc trật chữ nào cờ học thuộc rồi thì khó lòng mà sửa lại lắm.

Cô Năm Phỉ ca thì dở ẹt, mà lại còn trật nhịp nữa chớ, đờn phải nương theo cờ. Ấy vậy mà khi cờ lên sân khấu, cờ cũng ca dở, ca trật nhịp vậy đó, thế mà cờ diễn xuất xuất-thần cuốn hút khán giả một cách lạ lùng; chẳng những làm cho khán giả say mê mà còn làm cho tụi này đóng cặp với cờ cũng bị một sức hút — sức hút đó, tôi gọi là ái lực trời cho, và nhà tôi bây giờ (cô Kim-Cúc) cũng có một ái lực như thế — làm cho say sưa. Cô Năm Phỉ có một ông chồng có tánh ghen, vậy mà cờ diễn xuất, dầu cho chồng cờ đứng sát cánh gà, cờ cũng diễn hết mức ở những pha cụp lặc. Lúc còn sanh tiền cô Năm Phỉ thường nói : “Hễ bước ra sân khấu là phải hát hết mình, sống trọn vẹn với vai tuồng của nhân vật đó, phải hát cho thiệt hay. Chớ không phải làm điệu bộ huê dạng để lấy đẹp, để mua tiếng vỗ tay của khán giả ».

Nói đến đây anh Năm Châu nhìn ra ngoài trời trầm giọng nói, làm tôi phải chồm tới sát mới nghe rõ :

— Tôi còn nhớ hồi đó cô Năm Phỉ đóng vai một con mồi trên hoang đảo, có một người Việt đi lạc tới đó. Con mồi không biết nói tiếng Việt, chỉ ra dấu. Họ yêu nhau, đến lúc người kia bỏ đi, Năm Phỉ (trong vai con mồi đó) chỉ nói lên có hai tiếng mà khán giả chảy nước mắt vì xúc động...

Nói đến đây anh Năm Châu lặng thinh nhìn những sợi mưa lất phất ngoài khung cửa, anh cũng rơm rớm nước mắt. Tôi hỏi nhỏ : Cô Năm Phỉ nói tiếng gì vậy anh ? Anh giật mình quay lại nói : bây giờ nhắc lại tôi còn thấy hình ảnh con mồi

đó ngồi trên chiếc nhà nhỏ (petite hutte) tay mân mê vách lá đếm những vạch làm dấu mỗi ngày khi người yêu ra đi, rồi nàng buộc miệng : go ngày ! Chỉ có hai tiếng mà chẳng những lan xuống làm cho khán giả nghẹn ngào theo cô, mà còn len vào hậu trường làm cho chúng tôi đứng sau cánh gà cũng bùi ngùi rơi nước mắt...

Cô Năm Phi còn có nhiều cái tật tức cười, cô ham bông hường lắm, có tiền là mua cắm đầy nhà. Một hôm tôi đến thăm cô lúc nhà cô ở đường Calmette. Cô đang nằm buồn xo, vì mấy ngày không đi hát, hết tiền. Cô hỏi tôi còn tiền không, tôi móc túi chia cho cô được hai trăm mấy. Cô vui vẻ biếu tôi ngồi chơi đợi cô một chút. Cô lật đật thay quần áo đi ra đường Nguyễn-Huệ. (Anh cười nói với tôi) anh đừng tưởng cô mua đồ ăn về đãi tôi mà lắm. Trời ơi, cô mua một ôm toàn là bông hường, mua hết ráo số tiền tôi vừa chia. Còn một lần nữa, cô nằm chờ mồi trong nhà thương Đồn Đất. Cô kêu thợ lại đánh móng tay, làm tóc và giới phấn thoa son, đồng thời biếu cô Bảy Nam (em ruột của cô) mua một bình bông hường thật đẹp chưng sẵn bên bàn mồi. Cô Bảy Nam cắn nhần. Anh biết cô Năm Phi trả lời sao không ? Cô nói mà tôi còn nhớ rõ là : « Thấy kệ tao, dầu khi mồi tao có chết, ít nữa ông Bác-sĩ cũng còn thấy tao đẹp. »

— *Xin anh cho biết về cô Tư Sạng ?*

— Tư Sạng thì ca cũng hơi yếu nhịp, nhưng đặc biệt tiếng ca ngọt như thề rót mật vào tai thính giả, làm cho người ta muốn nghe hoài. Chớ thật sự Tư Sạng diễn không hay lắm. Mà ca thì là giọng ca trời cho.

— *Còn cô Bảy Phùng Há, xin anh cho biết cô có đặc điểm gì làm cho khán giả say mê ?*

— Đừng nói khán giả. Tụi tôi còn mê mết khi diễn chung với cô trên sân khấu. Nghĩ cũng lạ. Như anh đã thấy đó, Bảy Phùng-Há đâu có đẹp. Mặt tròn, rồ hoa mè, thân hình lại hơi mập. Vậy mà lúc diễn xuất, từ vai thôn nữ cho đến vai những nàng nữ lưu khuê các, hoặc bà hoàng. Vai nào cô cũng đẹp một cách lạ lùng, làm chết mết khán giả. Tôi thấy Bảy Phùng Há đóng tuồng, rồi bây giờ tôi coi mấy đứa em cháu sau này diễn xuất, tôi buồn lắm. Tụi nó cứ sợ đóng vai này sẽ mất đẹp, vai kia sẽ già đi. Rút kinh nghiệm ở Bảy Phùng-Há, tôi thấy rằng một khi mình diễn xuất nhập thần, nghĩa là đã sống trọn vẹn với vai trò, đã làm cho khán giả say mê rồi thì tự nhiên nét đẹp từ đó sẽ tỏa ra như một ánh hào quang. Hiện nay có Bạch-Tuyết và Ngọc-Giàu, nhìn kỹ thì không đẹp lắm, vậy mà lúc tụi nó diễn, anh cũng phải công nhận là đẹp đó chớ...

Tôi hỏi : Anh thấy Bạch-Tuyết và Ngọc-Giàu ca thế nào ?

— Ngọc-Giàu phát âm rõ ràng, ca chắc nhịp. Phân câu và sắp chữ rất khéo, làm cho thính giả hiểu rõ lời lẽ bài ca. Hơi ca của Ngọc-Giàu cũng rất phong phú. Còn Bạch-Tuyết thì yếu hơi, nhưng ca rất khôn, biết cách phát âm, và ca rất truyền cảm. Còn diễn xuất thì tôi có xem Bạch-Tuyết diễn một lần. Nó diễn xuất có chất liệu — nghĩa tôi muốn nói nó chịu khó nghiên cứu, học hỏi — sẽ còn tiến rất xa,

nếu đừng sớm tự mãn và nhất là đừng tự ái không nhằm chỗ.

Anh đốt một điếu thuốc rồi nói tiếp : Một nghệ sĩ muốn được khán giả ái mộ, trước hết phải diễn cho hết mình, đừng sợ không đẹp, mà phải sợ mình diễn không hay, phải nghiên cứu, phải học hỏi, diễn hay thì cái đẹp sẽ đến, sẽ được khán giả ái mộ. Nói như vậy không phải tôi quơ đũa cả nắm đâu nghen anh ! Sắp nhỏ bây giờ cũng có vài đứa ham tập dượt — chẳng hạn như Thanh Thanh Hoa, trong dịp tập tuồng Thiên Thần Áo Trắng, tôi bắt nó ca đi ca lại và tập hoài một cử động trong vai tuồng theo ý tôi, nó vẫn vui vẻ tập và chăm chú nghe, làm mình dạy không biết mệt... Còn phần đông các nghệ sĩ trẻ bây giờ, tội nó tự ái không nhằm chỗ. Anh nghĩ coi, lúc tập tuồng mà chỉ cho nó thấy những chỗ sai, lập tức tội nó xịu mặt, vùng vằng, tôi thấy vậy hết ham. Tội này hồi trước, cũng tự ái dữ lắm, nhưng tự ái khi ai đụng đến nhân phẩm của mình, còn học hỏi về nghề nghiệp thì phải dẹp tự ái qua một bên. Tôi còn nhớ về sự tự ái kỳ khôi rất đáng kính của một danh cầm hồi trước. Đó là ông Bảy Triều, cha của Trần văn Khê, Trần văn Trạch. Ngoài cây kim thần sầu quý khóc, ông còn có biệt tài là bất cứ đàn gì, ai đờn dây gì, hễ họ buông xuống là ông nắm lên ông đờn nghe ngọt xót. Một hôm, có ông Năm Xuyên, là chủ tiệm vàng Kim Tín ở Mỹ Tho, tổ chức một buổi đờn ca chơi. Cho người chèo đò lên tận Vinh Kim rước ông xuống đề đờn. Khi ông Bảy Triều xuống tới nơi, mấy ông tai mắt trong tỉnh Mỹ Tho có mặt ở bàn tiệc đều đứng lên trịnh trọng chào hỏi mời ngồi. Chỉ vì họ nóng nghe đờn nên hấp tấp mời ông đờn liền, không kịp đề ông chuyện văn một lát chờ khi có hứng. Cho nên dù cả bàn tiệc nài nỉ, ông nhất định không thêm đờn. Ngồi một hồi, ông kiêu từ. Khi về trên đò, ông hỏi người lái đò có muốn nghe đờn không. Rồi ông lấy đờn ra ngồi đờn cho anh đò dọc đó nghe suốt đường về.

Tôi chen vào một câu bình phẩm : hồi xưa có lắm người tài, mà cũng nhiều tật kỳ khôi ? Còn ông nào nữa không anh ?

-- Nhiều lắm mà tôi không nhớ hết. À, còn ông Sáu Đạm nghen anh. Ông chuyên đờn cò cũng rất là xuất sắc, ông có biệt tài về Bài Hạ Ngón Gay, đờn cho mấy vai nịnh ca, nghe : tiếng đờn cũng rung rung như hàm râu của tên nịnh, thật hay lạ kỳ. Còn một ông nữa cũng đờn cò xuất sắc là ông Tư Lâu, ông ta đờn nghe như tiếng người nói. Ông thường ra trước cửa phòng ngủ ở đường Amiral Courbet (Nguyễn An Ninh bây giờ) lấy đờn kéo lên đề kêu mì. Thăng Chệt bán mì nghe biết ông kêu mì lớn hoặc mì nhỏ, nước hay khô. Nó nấu mì bùng lại cho ông.

Tôi trầm ngâm một chặp nhìn mấy gói thuốc lá Pall Mall màu bạc để trên bàn viết, hỏi anh thích hút thuốc này ? Anh Năm Châu cười : Tôi thích nhất từ trước là Lucky, bây giờ hơi khó mua nên tôi hút thứ này. Anh thấy tôi đưa mắt nhìn mấy hộp thuốc xi-gà, anh lại cười : Tôi vẫn thích hút cigare Muriel hoặc King Edurard, nhưng lúc này toàn là anh em gởi cho,..bết quá mua hết rồi,

— Anh có uống được rượu không ?



Năm-Châu và con gái (Nguyệt-Thu)
chụp tháng 7 năm 1966.

Anh cười rất thành thật : Uống được dữ lắm chứ ! Tôi ưa Pernod, Martell và Whisky, lúc này thì anh em cho, thỉnh thoảng được một chai. Tôi thích uống lai rai, nghĩa là lâu lâu nhậu một bữa thật say đã đời rồi ngừng cả tháng không uống cũng không ghiền. Mà lạ lắm anh, nếu tôi uống liền 5, 3 bữa là bị bệnh. Trời cho tôi cái cơ-thể như vậy cho nên không nghiện một thứ gì ngoài nghề hát...

— *Thuốc phiện anh có hút được không ?*

Anh lắc đầu cười : hồi còn lưu diễn miệt Lục-tĩnh, có người bà con ở Cao-lãnh, nài ép tôi hút mấy điếu. Tôi có hút, hút một hơi mười mấy điếu trong bữa

tiệc đó. Hút thì biết ngon nhưng sao đó không thấy thèm. Đánh bài cũng vậy, tôi đánh được bài cát-tê, tứ-sắc, xi-phé v.v. nhưng đánh chơi khi bị bạn nài ép, cho nên không chú ý thành ra đánh dở lắm, có lẽ vì vậy mà tôi không ghiền chẳng. Tôi sợ ghiền thuốc phiện hơn hết...

— *Còn một thứ nữa trong bốn thứ tứ đồ-tường, thưa anh ?*

Anh Năm Châu cười thật vui : Anh muốn nói đến đàn bà hả ? Tôi sợ phiền hà vì đàn bà đẹp thường hay gây rắc rối cho mình. Naur tôi đã nói lúc nãy, là yêu ai tôi tính chuyện sống chung chồng vợ, chứ không thích lăng nhăng, họ sẽ làm phiền mình. Còn gái giang hồ hả anh ? Tôi có thể nói danh dự với anh rằng cho đến tuổi này, tôi chưa hề đụng đến một ả làng chơi nào cả, cho dầu là hạng rất sang mà nhiều bạn bè muốn biết đái tôi. Vì tôi sợ bệnh phong-tình lắm.

— *Về giải trí anh thích những gì ?*

— Hồi trước tôi thích xi-nê, nhưng từ ngày tôi bước sang địa hát điện ảnh khi đã học tập nghiên cứu kỹ thuật quay phim, những kinh nghiệm của một đạo diễn. Tôi thấy điện ảnh giả tạo nhiều, có thể nói là quá nhiều so với sân khấu ca kịch. Do đó tôi ngấy cinéma lắm, cho nên mấy lúc sau này tôi chỉ nằm nhà đọc sách. Đây anh coi, tôi đang đọc loại khảo cứu về kinh Phật và các sách về Thông Thiên Học. Thú thật là tôi quý thần thánh, tôi quý các tôn giáo, tôi trọng đạo đức cổ truyền (rồi *anh cười thật buồn*) vậy mà tôi bị coi là có tư tưởng Cộng-sản. Thiệt chua chát quá !!! À các anh có được tin gì về anh Vũ-Hạnh không, (. . . .) xin anh cho tôi gởi lời thăm chị Vũ-Hạnh và các cháu...

Tôi nhìn mấy cái phin lược cà phê để đầy trên chiếc bàn nhỏ phía sau lưng anh tôi chưa kịp hỏi thì anh đã nói : Thú tiêu khiển của tôi lúc này đó anh ! bốn giờ rưỡi khuya là tôi thức dậy rồi. Từ trước tôi vẫn có tật dậy sớm như vậy đó.

Tôi nấu nước pha cà phê cho tôi, rồi tôi vừa uống vừa lần lượt pha thêm mười ly nữa cho tụi nhỏ thức dậy uống rồi đi học và đi làm. Vậy mà vui lắm anh ơi, Đó, anh thấy giống như một cái quán cà phê nho nhỏ không? Sao đề chỗ này hả anh? Vậy chớ nhà chật, không đề đây thì đề đâu?

— Anh có uống trà Tàu không?

— Có chớ, tôi thích uống thứ trà Trung-Huê Kỳ-Chường của tiệm Nghi-Bồi-Hương trong Chợ-lớn. Nhưng mà hồi trước cà. Bây giờ cũng Trung-Huê Kỳ-Chường dán ngoài hộp, mà mùi trà thì không được như trước, cho nên tôi đổi thứ trà khác. Trước tôi uống thứ đó quen cho đến nỗi chủ tiệm Nghi-Bồi-Hương quen mặt biết tên, khi tôi đi hát, họ gọi trà ra tới Hà-nội.

— Các món ăn hằng ngày, anh thích nhất là những món gì?

— Anh hỏi kỹ quá. (Anh nhìn cô Kim-Cúc rồi cười nói) ngoài món gọi do nhà tôi thỉnh thoảng làm cho tôi nhậu chơi, còn món thường trực mà tôi thích nhất là canh chua, cá tươi chiên giấm nước mắm tỏi với một đĩa rau và cần nhất là phải gạo ngon, cơm phải nóng. Đó là ăn ở nhà, còn những lúc tập tuồng ở rạp thì cơm nguội cá kho hay bánh mì thịt cũng xong.

Hồi còn lưu diễn hả? Có chớ, tới tỉnh nào hễ nghe đồn có món gì ngon đặc biệt là tôi tìm ăn thử. Và những lần sau, có dịp đi ngang qua là tôi ghé ăn, chẳng hạn như bún nước lèo của tỉnh Trà-vinh và Bạc-Liêu.

— Anh có thích đi xem đá banh đề nhớ lại hồi trai trẻ...

Tôi hỏi chưa hết câu, anh Năm Châu cười nói: Cái gì chớ thứ đó mê dữ lắm nghen anh. Có một hồi tôi mê ghê lắm, nhưng tôi thấy vì nó mà sanh chuyện đánh lộn hoài, mà lại nguy hiểm nữa. Hồi tôi đá trận ở Bến-tre, bị trặc chơn, phải nghỉ hát khá lâu. Sau đó tôi nghỉ đá banh, xoay qua chơi tennis và chơi billard. Tennis có lúc tôi đánh với anh Nửa, tôi «lấy» của anh được ba rơ (trois jeux), đâu phải là chuyện dễ hả anh. Nhưng có lẽ lúc đó tôi gặp ngày sung sức đánh khá quá. Còn bi-da thì tôi mê coi lắm. Đánh cũng được chớ không xuất sắc lắm. Hồi ông Hồ văn Kế ở bên Tây mới về, tụi này có tổ chức mời ông lên nhà Académie de billard ở Boulevard de la Somme (đại lộ Hàm Nghi bây giờ) để ông biểu diễn cho coi. Ông đánh một hơi bảy chục trái, làm tụi này mê mẩn tâm thần...

Thấy tôi nhìn đồng tay, anh Năm Châu cười: đó anh thấy không, tôi mới nói sơ sơ mà anh ghi cũng đã mệt rồi. Thôi đề dành dịp khác nghen anh.

Khi tiễn tôi ra cửa, anh cười dặn: coi vậy mà mình nói chuyện hơn ba tiếng đồng hồ, tôi chưa trả lời ai phỏng vấn mà nhiều như vậy. Anh về viết khéo khéo và liệu bỏ bớt đừng làm bà con ghét tôi tội nghiệp lắm nghen!

Tiếng mưa rơi lộp độp trên áo mưa suốt quãng đường về cơ hồ như còn quện theo dư âm những câu: nghèo hoài... khổ lắm... còn bị bàn tay phá hoại... làm tôi thấy nỗi chua xót len nhẹ vào hồn. Và chớp chờn trước mắt hình ảnh mái tóc trắng của một nghệ sĩ về chiều đang bao trùm trắng xóa tâm hồn tôi như mưa giăng trắng bầu trời đêm hôm ấy...

Sài Gòn tháng 7 (không phải mưa ngâu) năm 1968

LÊ PHƯƠNG CHI

Gửi quý bạn « Cha Mẹ độc-thân » Việt-nam...

Đề tiến tới thành-lập Chi-hội Phụ-mẫu Độc-thân (Parents without partners) ở Việt-nam — Trung-ương Hội ở Huế-kỳ — thành-khẩn yêu-cầu được liên-lạc với quý Ông Bà trong hoàn-cảnh, để trao đổi ý-kiến, bầu ban Vận-động.

Xin viết thư về :

NGUYỄN-HOÀN-KIỂM

Hộp thư Bưu-điện Q-2 SAIGON

Đón đọc :

Thơ PHẠM-THIÊN-THU

ngợi ca NGỰA, QUÊ HƯƠNG, HOA, MẶT TRỜI
TỊCH MẶC, CỔ XE và TÌNH YÊU

Bìa và Phụ bản : LỮ-HỒ

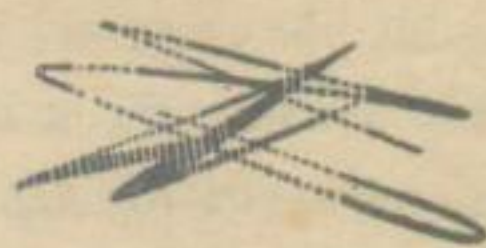
Rượu bổ
QUINQUINA

Quina '9'
CỔ ACIDE GLUTAMIQUE



*khải vị,
ăn thêm ngon.*

BỔ OC
bồi dưỡng
cơ thể



KN 2071. BYT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

ĐỌC SÁCH GIÚP BẠN

CHIẾN QUỐC SÁCH

GIẢN CHI và NGUYỄN HIỂN LÊ giới thiệu,
dịch và chú thích, LÁ BỐI xuất bản.

Quyển I, 342 trang, giá 150đ.

Quyển II, 416 trang, giá 180đ.

Người đọc lấy làm vui mà thấy rằng cái công của hai học-giả đã chọn 204 truyện hay nhất trong số gần 500 " cổ sự " trong tác phẩm bất hủ này của Trung-hoa mà dịch sát, xuôi, chú thích gọn, đủ (sau khi giới thiệu kỹ càng cái thời « đại loạn » nọ cùng nguồn gốc và giá trị bộ sách nói về mưu mô thời ấy) đã thật sự có giúp mình, dù mình là kẻ cầu học, hay một nhà tâm lý hay một chính-khách-gia.

Kẻ cầu học được biết nguyên nhân của « một thời loạn » ấy, hai chủ trương của các triết gia thời bấy giờ để đem lại trật tự, và sự thành công của nhà Tần trong việc thống nhất nước Tàu ; còn thêm giá trị về mặt lịch sử và văn học của *Chiến-quốc-sách*.

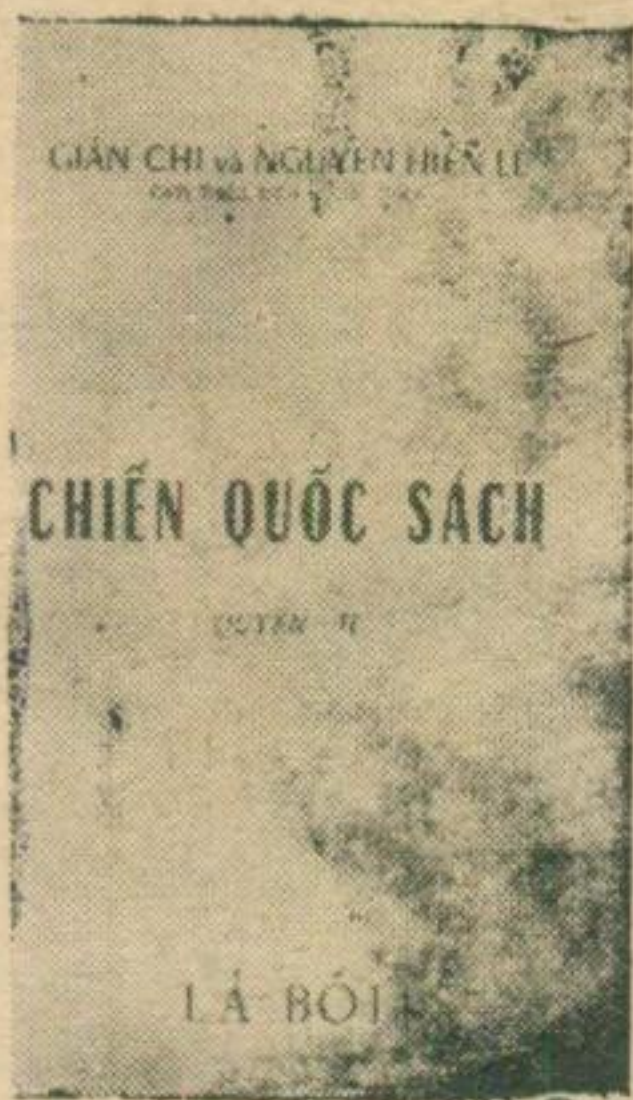
Nhà tâm lý thích thú với thái độ của bọn vua chúa, của kẻ sĩ, của hạng bình dân ở cái thời mà địa vị xã hội cùng giá trị tinh thần bị đảo lộn.

Còn nói gì chính-khách-gia ! Hạng thành tâm thì ngẫm nghĩ những lý của một Mặc-Tử, những lẽ của một Lỗ-trọng-Liên. Hạng xôi thịt thì học hỏi ở miệng lưỡi những Tô-Tần, những Trương-Nghi. Huống hồ trong nước Tàu loạn lạc xưa với ở nước Việt hỗn độn nay, găm lại, có lắm điều nghe thấy, nói làm, sao mà quá giống, dẫu rằng « xưa một thời, nay một thời. »

Riêng với những ai thuở thiếu thời đã từng đọc qua *Đông-Chu liệt quốc*, *Phong kiếm Xuân-thu*, *Cổ học tinh hoa*, nay đọc *Chiến-quốc sách*, thì vừa có cái vui như gặp lại cổ nhân, vừa có cái thú như được nếm vị toàn mâm trong đó có vài thức từng làm mình khoái khẩu (nhất là lại có hai « món chấm » rất cần : bản đồ và niên biểu đời *Chiến-quốc*).

Nhưng ngoài cái ích lợi của việc « luận cổ suy kim », ta còn có cái thích thú được thưởng thức nghệ thuật thuyết phục của người xưa.

Phải chăng vì hai điểm ấy — thêm vào yếu tố thời sự : xưa và nay cũng là



thời hỗn loạn — mà trong cái buổi người dân Việt sống cần gạo mằm hơn là chữ nghĩa này, lúc phát hành cuốn II thì cuốn I đã được bán hết (sau 2, 3 tháng phát hành)? Nếu quả là thế, thì ta cũng có thể đổi đi ba chữ trong câu về đối lịch sử, ra đời ở cái buổi mà « ai dễ biết ai ».

— « *Thế Chiến-quốc thế Mĩ-Hoa, gặp thời thế thế thời đọc... thế !* »



BÊN KIA ĐƯỜNG

Tập truyện của VÕ-HỒNG, do nhà xuất bản MẶT TRỜI ấn hành, 168 trang, giá 80đ.

Tác giả :

Xin xem tiểu sử trên B.K. số 247 ra ngày 15-4-67, trang 78)

Tác phẩm :

BÊN KIA ĐƯỜNG là tác phẩm thứ tám của nhà văn Võ-Hồng. Đó là một tập gồm 7 truyện ngắn.

Những nỗi khổ vụn vặt đưa ra một nhân vật, ông Chính, một giáo sư có nhiều kinh nghiệm và mưu-cơ đã chạy chọt vận động khắp nơi xin cho con mình thi đỗ. Nhưng sau khi đã chắc là con mình đỗ rồi thì ông lại tạo ra một *nỗi khổ* mới : đó là tiếc ngằn ngoáy sao các giám khảo không cho thêm 14 điểm nữa để con ông đủ đỗ... bình thứ.

Hãy an nghỉ, Abdul Rahim là câu chuyện của một người thanh niên Ấn-Độ khỏe mạnh, thông minh, sống một cuộc sống thánh thiện và bất ngờ bị chết tan xác trong một tai nạn phi cơ đâm xuống thành phố. Chuyện không dừng ở cái chết thảm khốc bi đát đó mà được nối thêm bằng một mối tình thoáng thoáng mơ hồ của một cô Liên mà lúc sống Abdul Rahim không dám tỏ tình *nhưng hôm nay anh không còn nữa và do đó Liên nó đang lặng lẽ yêu anh.*

Mẹ gà con vịt kể chuyện một gia đình bốn cha con tiêu khiển bằng cách mua trứng vịt cho gà ấp. Những lễ lối sinh hoạt của lũ vịt khi còn nhỏ, khi lớn lên, mối tình thâm thiết giữa mẹ gà con vịt đã được tác giả mô tả một cách sinh động. Người đọc có cái thú là mình đã đoán lầm, định ninh đây là một chuyện mẹ ghẻ con chồng kiểu Tấm Cám, không ngờ là chuyện của gà thật và vịt thật.

Lễ cúng trường mô tả một khung cảnh xã hội học đường của chừng ba mươi năm về trước với tục-lệ học trò đi tết thầy và thầy trò làm lễ cúng trường. *Sau khi thầy cúi đầu vái xong ba vái thì đến lượt lũ học sinh lên làm lễ. Thầy sắp cho cứ năm đứa lên lễ một lần, đứng thành hàng ngang trước bàn* (tr. 95).

Cái nhìn người mẹ lấy chủ-đề là sự hối hận của một người tự thấy mình còn ích kỷ không mau mắn giúp một người mẹ có con bị *trúng gió nặng*. Sự hối hận đó được xua tan khi bao nhiêu công phu và thiện chí của một đoàn người ngồi trên

chiếc Lăm-bết-ta hàng bị đánh lừa bởi mộ người mẹ chủ quan, ngây thơ và nhẹ dạ.

Bên kia đường là tâm sự của những người tuổi trẻ hôm nay bị người yêu phụ bạc đến phải than rằng : « *Lạ thật. Người đàn bà có một loại thuốc tẩy tình vì có thể xóa hết mọi dấu vết tình cảm trên tâm não của họ* » (tr 125) Nhân vật đến dự tiệc cưới của người yêu cũ và nơi đó một mối tình mới thoang thoảng tượng hình, thoang thoảng lung linh bởi ngày mai anh sẽ nhập ngũ, bởi một năm sau anh sẽ *đứng ở một bót gác giữa lưng đèo, trên chòm núi, ven bờ rừng để nhìn lên vòm trời như đêm nay với mảnh trăng úa héo* (tr. 134)

Trở về ghi những cảm nghĩ của một người trở về, về xứ hoa anh-đào. Từ những kỷ niệm ở cầu Tân-mỹ, ở Krong-pha, ở Cầu-đất Trạm-hành đến hàng cây bách quanh hồ Xuân Hương, đến con đường Rue de France vì vút thông reo, đến những người bạn đã khuất và những người còn lại. Kỷ niệm đi xa hơn, đến một phim gián điệp, đến chiến tranh, hận thù và tình yêu, đến lòng chung thủy của một người đàn ông *hàng năm trở về khung cảnh cũ để âm thầm nhớ lại những kỷ niệm đã cùng sống với một người* (tr. 164)

Bảy truyện trong *Bên Kia Đường* mang những chủ-đề khác nhau, từ những nếp sinh hoạt xa xưa của thời Quá-khứ tác giả gọi lên như để ta có dịp nhìn vào một trang album kỷ-niệm đến những diễn-biến tâm-lý của con người thời-đại hôm nay, tế-toái phức tạp.

Ta gặp lại nơi đây sắc thái đặc biệt của ngòi bút Võ Hồng : vừa thâm thúy dịu dàng vừa đôn hậu nghiêm cần.

MÁU ĐÀO NƯỚC LÃ



Tập truyện dài thiếu nhi, do nhà xuất bản ANH-HUY ấn-hành lần đầu tháng 5-68, nay vừa in lại lần thứ 2, trong tủ sách Tuổi-Hoa.

Tác giả :

Bà MINH QUÂN (tiểu sử xin xem B.K. số 256 trang 77)

Tác phẩm :

«Máu Đào Nước Lã» là tập truyện dài, tác giả dùng lối văn tự truyện kể chuyện một cậu bé mồ côi cha mẹ, phải ở nhờ ông cậu ruột Sinh, tên đứa bé bất hạnh, được *dạy dỗ cẩn thận*, dạy đây có nghĩa là «nhiếc **mắng**, nạt nộ, trừng mắt, quát liên hồi vào mông, vào lưng, chửi thẳng cha tôi hay mĩa mai bóng gió đến người» song «đặc biệt không bao giờ cậu mợ mạt sát mẹ tôi. Hoạ hoàn lắm thì dùng giọng thương hại» mà thôi.

Bị đày đọa, hành hạ, bị đánh đập, đứa trẻ hầu như chai lì vì đòn bộp, song một điều kỳ quái: những lần roi, chiếc tát tuy in hằn lên da thịt mà lại sớm phai đi, riêng những lời nhiec mắng, mĩa mai thì luôn luôn còn lại. Vì lẽ đó đứa trẻ

chỉ ao ước thoát khỏi cái địa ngục giam hãm nó sớm ngày nào hay ngày ấy. Nhưng bởi quá bé, nó không thể thoát được bằng cách nào ngoài có mỗi cách là đi học. Lên mười tuổi, Sinh sắp bị bắt thôi học thì may thay, thầy giáo của nó kỳ cục xin cho nó được cái học bổng lên tỉnh học.

Thằng bé tưởng mình được giải thoát từ đây, không ngờ cậu nó ốm nặng, nhà đánh điện bắt về.

Nó tuyệt vọng cho đến nỗi, vốn sợ nước, sợ sóng mà sau một đêm vượt biển, đến sáng hôm sau, đồ bộ lên bờ, thoát qua đêm sóng gió hãi hùng — đêm ghê gớm nhất trong đời nó, mà nó tưởng rằng được sống sót lần này thì nó đủ sức chịu đựng tất cả — thằng bé lại quay lưng về phía nhà, đi thẳng.

Sinh biết rằng nó sẽ phải đem tất cả sức lực của số tuổi mười một kiếm ăn, sẽ phải khổ cực, vất vả, bơ vơ, khó tìm nơi nương tựa, song không có gì lay chuyển ý định liều lĩnh, sắt đá của nó nữa:

“...Tôi đi đây! Đói ư? rách ư? lạnh ư? khổ ư? được! tôi chịu được tất! tôi chịu được tất. Sá gì những thứ đó? tôi đương đầu được tất. Ngay sự chết cũng không đủ sức bắt tôi đổi ý, chùn chân.”

«Máu Đào Nước Lã» là một trong những cuốn truyện rất hợp với tuổi thơ. Bằng giọng văn chừng mực, dịu dàng với nhiều chỗ thiết tha triu mến, tác-giả dẫn dắt người đọc thoải mái từ trang đầu đến trang cuối. Cho nên ta không ngạc nhiên thấy sách được tái bản mới sau hai tháng phát hành.

VÀI CẢM NGHĨ VỀ:

Hình ảnh Quê hương

LÊ-VĂN-SIÊU



Hai tác giả Nguyễn-Cao-Đàm và Trần-Cao-Linh mới gởi cho sách VIỆT-NAM, OUR BELOVED LAND, là ấn bản Anh ngữ của sách VIỆT-NAM QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU, xuất bản tại Nhật (do nhà Charles E. Tuttle Co. INC.).

Nhìn ngắm từng tác phẩm nhiếp ảnh trong toàn tập 85 bức, ta thấy trừ 8 bức trong đó Quê-Hương có nhem màu khói lửa, còn tất cả đều ghi lại những khía cạnh sống của Quê-Hương trong cảnh thanh bình.

Tuy tất cả chưa diễn tả hết được toàn bộ cuộc sống linh-động của người Việt, nhưng ít nhất mỗi người Việt cũng đã nhận thấy qua một trong 77 tác phẩm ấy, một kỷ-niệm êm đềm thân mật nào của riêng mình. Để cho nó cuốn hút mình vào

quá khứ. Để cho nó lay tỉnh mình khỏi giấc mơ của máy móc mà tìm về với truyền thống từ nghìn xưa.

Truyền thống từ nghìn xưa của mình vốn vẫn có sự quen phở vào cây, vào cảnh, vào vật những mảnh tâm hồn của chính mình mà thời gian, cả không gian xa cách cũng không sao làm cho phai nhạt được. Cho nên người đang ở xa Quê-Hương hàng vạn dặm, hay người đang sống trong khung cảnh tân tiến của Quê-Hương, chỉ một hình ảnh, không cần phải là danh lam thắng-cảnh, lâu đài dinh thự, hay di tích lịch sử huy hoàng, — Chỉ một hình ảnh những cảnh vật rất tầm thường nhưng thân mật trong đời sống, đã đủ gợi lên bao nỗi nhớ nhung luyến tiếc.

Một con diều « không ăn gió, lặn lẽ trao mình xuống vệ đề » một rặng cau gầy vươn sống giữa trời xanh, một bụi tre đầu làng trong ngày nắng hạ, một cầu ao để khỏa chân khi bước lên thềm... rồi một dây trầu không mơn mớn, gợi hứng cho thi nhân viết :

*Nhà em có một giàn trầu
Nhà anh có một vườn cau liên phòng
Thôn Đoài ngồi nhớ thôn Đông
Cau liên phòng nhớ trầu không thôn nào.*

Những hình ảnh như cò bay, trâu cày, cấy lúa, vò rơm, tát nước, quạt nồng.. hỏi người Việt nào đã chẳng thấy là quá quen thuộc với mình, nếu không muốn nói là mình đã từng tham quan tham dự.

Đến những người đàn bà thắt «lưng bó que, sẵn váy quai cồng, chân nam chân chiêu, lặn lội thân cò nơi bãi vắng»...hỏi ai đã không nhận ra đấy là hình bóng của mẹ mình xưa. Để tránh né không nói tới phần bố cục nghệ thuật đã có sự phân xét của các nhà chuyên môn về ngành nhiếp ảnh trong nước cũng như ngoại quốc (vì nhiều bức đã gửi đi tham dự những cuộc triển lãm quốc tế) chúng tôi chỉ đề cập đến phần đề tài ở nội dung, đề nghị rằng giá trị truyền cảm của những tác phẩm nhiếp ảnh này thật đã đủ vững với tiêu đề «VIỆT MAM QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU».

Nhưng cũng vì vậy, vì cái món mà mình yêu dấu ấy nó nghèo nàn, đơn giản, quê mùa, cả cồ hủ, thô lỗ nữa, mình có yêu nó đấy vì nó thân quá với mình, mà biết người lạ có mến nó như vậy chẳng, để dùng ấn bản Anh-văn này mà cho xuất ngoại.

Sợ người ngoại quốc hiểu lầm rằng mình chỉ cố bám víu lấy cuộc sống nhàn tản cũ để không gắng gỏi vươn lên trong đường tiến hóa văn minh vật chất cho bằng người.

Như nếu có điều trách móc ấy, thì hẳn là các tác giả phải chuẩn bị để trả lời vậy.

Cố nhiên đây là chỉ là phần chịu đựng tiêu cực, nó giải thích lý do tại sao người Việt chúng tôi không thể dời xa được Quê Hương này, dù trong bất cứ nghịch cảnh nào. Cũng như cha ông chúng tôi từng đã nhất định không dời bỏ nó, dù phải ở dưới quyền đô-hộ của Trung-Hoa đến trên mười thế-kỷ.

Cho nên chúng tôi tin chắc rằng gặp một nghịch cảnh mới, dù có một số người tản đi ngoại quốc để yên thân, thì sớm muộn gì những hình ảnh Quê Hương Yêu Dấu này cũng sẽ kêu gọi để số người ấy lại phải mò về, chớ sống cách biệt mãi với nó, thì nhớ lắm, không thể nào chịu nổi.

LÊ-VĂN-SIÊU

NHẠM DIỆN

Thơ VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Én biết ngậm bùn hay ngậm đá
Liều nào khoe tóc với khoe lưng
V. H. C.

Đã nhiều tháng nhiều năm
từng cơn gió độc
từ Bắc-phương từ Đông-hải gieo về
cát bụi giết người phủ đầy hàng hốc
đầy ruộng nương đầy cả phố phường
ngắm sâu vào mạch đất
vào mạch nước..
trái-tim nào đó hôn-mê?

o O o

Và đã mọc lên
mọc lên dần
không ngớt
mỗi phút giây tốc-độ càng tăng
đã mọc khắp tràn lan đi chẳng sức gì ngăn nổi
những loài cỏ-dại
với trăm muôn hình thái sắc màu
với trăm ngàn bề thế khác nhau

o O o

Chúng mọc lên cùng mặt-trời
cùng mặt-trăng và các vì-sao
nhưng mọc để chưa bao giờ chúng lặn...
cỏ Đoạn-trường hay cỏ Mỹ-nhân?
hay đó xanh xanh cỏ Thiên-lý?
không — em ơi — còn ghê gớm hơn nhiều
tên chúng ai mà dám đặt!
dẫu đặt rồi ai dám đích-danh kêu!

o O o

Giòng tâm-huyết lặng trôi qua như nước dưới cầu
nhưng còn chúng?
ngày lại ngày nối tiếp rẽ ắt sâu...
tất cả những con đường Sống
đều bế-tắc đều lung-lay đều một-ruồng
đứt lìa bao gốc Đẹp nguồn Vui

tọa-độ của Suy-tư trở thành những trục phiêu-lưu
mọi ý-chí hăng say mất dần điềm tựa
ai lường được cơ nguy khi lá bài lật ngửa
trên chiếu-bạc-tàn-canh rách mướp này ?

o O o

Ôi, Kinh-Thành khuya nay !
cỏ bám chặt vắn nghiêng nền móng
bụi ào lên gió dựng đứng càn-khôn
nổ tung trận bão ghê hồn...
những đại-lộ kiều xa, những công-thự, hí-trường
nói khác đi là cả-bộ-xương
của Thủ-Đô nằm phơi mình choáng ngợp
ai bẻ gãy long ra từng khớp ?

o O o

Thịt dẫu lả-tả rụng rời
trong vạc-lửa cháy lên khét lẹt ?
máu không còn để rơi...
chẳng riêng chi lũ hẻm nghèo kia mới là hẻm-cụt
như bà con vẫn gọi trước đây
mà cả bức tường-xây
vây kín những tư-dinh lập-lòe sắt thép
cũng bị cụt đầu,
và rất nhiều, rất nhiều, không đếm xiết,
trong dãy nhà ổ-chuột,
những giường những ghế
cụt chân tay.

oOo

Trắng đêm xuân tang-tóc đã gieo đầy
bất kỳ đâu... ngoài hiên, ngoài phố
vang rền tiếng nổ
xác đạn kề bên xác pháo Mồng-Hai,
từng cánh đồ-quyên trước gió
theo cánh đào, Xuân rỏ máu tươi...
nhưng rồi ra sao những Con-Người
— em gặng hỏi —

những con-người-thực-sự
có mẹ cha sinh, có quê-hương, lịch-sử
và ngôn-ngữ,
họ ra sao ? Trời ơi !

oOo

Anh đâu có đủ lời
để nói cùng em cho hết được,
lời-nói nào không đặt bước
trên cung bậc thời-gian ?
bốn-mươi-sáu năm còn lại của đời anh
trải ra hết vẫn là quá ngắn,
càng khó đem Thơ nhờ nước-mắt gieo vắn...
đành nín câm
cho đá nẩy lên mầm
giữa lương-tâm Thế-kỷ !

oOo

Đêm loạn hơi Thơ tràn tử-khí
nở nào ai cao ngâm ?
vắn gieo có mọc lành xương thịt
ở vệ đường chẳng, ở đáy hầm ?

VŨ-HOÀNG-CHƯƠNG

Sài-gòn Tết Mậu-Thân
(Tây-lịch 1968)

ÁO TRẮNG

Thơ TRẦN-TUẤN-KIỆT

Ngồi im đề phấn tàn rơi
Trông lên trắng cả một Trời áo bay
Môi hồng vết cũ còn đây
Xin đừng chân đề thảng ngày trôi qua
Cánh sầu vỡ mộng bao la
Sương mai hẹn với canh gà chiều hôm
Cho tôi ngắm dáng em buồn
Ngàn năm hiện giữa con đường nhân gian

CÚI MẶT

5 | Quang không thể nào tin là mình bị bệnh khi chỉ thấy đau đau ở vai bên phải, nhưng cũng không thể nào không nghĩ đến nó mỗi buổi sáng thức dậy thấy vai ê ẩm.

Thoạt đầu, Quang cho là tại mình vác cây nặng quá và hôm sau Quang vác nhẹ hơn, lựa chiều cho thân cây nằm chênh chếch qua phía lưng và cõ, như vậy sức nặng đè lên vai sẽ giảm bớt đi. Nhưng cái vai vẫn ê ẩm vào mỗi sáng. Chắc chắn là không phải đau ở làn da ngoài, vì chỗ da không bị sây sứt, Quang có thể lấy tay véo thiệt mạnh mà vẫn chỉ thấy vai tê-tê. Cái đau như từ một khớp xương nào đó phát ra, mà cũng không hẳn là đau, thật ra Quang chỉ thấy nhức mỏi, một thứ nhức mỏi thật khó chịu của những người mắc chứng phong thấp. Quang quyết định tập vác cây bằng vai bên trái. Quang tìm một cái quần rách xếp lên vai. Hôm đầu tiên cái vai trái đau như những ngày ở nhà mới tập vác cây và gánh phân ra ruộng. Quang ân hận trước kia đã không tập gánh bằng cả hai vai nhưng rồi Quang lại tự nhủ: « Rồi cũng quen đi, chỉ vài hôm thịt chai lại là hết đau, bây giờ cần nhất là để cho vai phải được nghỉ ».

Nhưng kết cục vẫn không thay đổi gì cả. Sau gần nửa tháng vác cây bằng vai bên trái, cơn nhức mỏi lại càng tăng lên, âm thầm bền bỉ. Quang tưởng tượng đến một con sâu nằm rúc trong ống xương gặm nhấm dần dần chất tủy. Con sâu ấy càng lớn lên, càng mập ra, cơn nhức mỏi càng mãnh liệt. Ngày trước cơn nhức mỏi chỉ làm Quang khó chịu, bây giờ làm Quang khổ sở thiệt sự. Bất cứ làm một việc gì nặng với tay bên phải là nó lại hiện đến ngao ngễ, bướng bỉnh. Quang xoa nắn, mơn trớn, lấy tay đập đập vào vai hy vọng nó dừng lại. Nhưng con sâu quái quỷ ấy thật

khôn ngoan, nó làm như hiểu được Quang chẳng làm gì được nó, nhờn nhờ gặm nhấm. Quang nghĩ tới việc trị nó và chạy lên cầu cứu ông đoàn phó. Quang đã dùng tất cả những lời lẽ khéo léo để năn nỉ nhưng ông đoàn phó chỉ nói:

— Tôi còn lạ gì cái bệnh ấy, cứ chịu khó vác nặng, lao động nhiều là khỏi. Bệnh ấy là bệnh tiểu-tư-sản của đế-quốc nó truyền cho.

Quang cố gắng hết sức để phân trần là mình chỉ muốn xin thuốc chứ không có ý tạ sự ra đề xin nghỉ nhưng ông đoàn

phó không nghe, khẳng khẳng tin ở sự xét đoán của mình. Tới một độ không chịu nổi những lời năn nỉ của Quang, ông gắt :

— Cách-mạng không có thuốc chữa đau vai. Không khắc phục được gian khổ tức là chưa thật lòng muốn cải tạo.

Quang sợ hãi bỏ đi lên trình bày với anh Bốn đoàn trưởng, xin làm bất cứ một công việc nào để khỏi phải vác cây. Anh Bốn chăm chú nghe, tin là Quang đau thật nhưng không giúp được gì, anh nói :

— Anh coi đó, tụi mình phải làm xong cái trại mới này trước ngày lễ sinh nhật bác Hồ, tôi không thể đòi anh sang toán tạp dịch. Còn các công việc khác đều nặng cả, anh làm sao có thể đốn cây, chặt lá hay lợp mái? Đi hằm than hay cải thiện, anh càng không làm được nữa.

Anh ngừng lại nhìn Quang như để đo lường cơn bệnh, nói tiếp :

— Thôi, tôi cho anh nghỉ hai ngày, sáng mai anh ở lại trại.

Quang nghĩ anh Bốn đã nói đúng, đốn cây hay chặt lá thì không thể làm bằng tay trái, Quang hy vọng ở hai ngày nghỉ, biết đâu với hai ngày tĩnh dưỡng cơn bệnh chẳng biến đi, nếu không ít ra cũng có lợi cho sức khỏe, Quang tự cho mình đã cố gắng làm việc quá nhiều từ ngày ra tự giác.

Và Quang nghĩ, Ban ngày, mọi người đi công tác, trại vắng hoe. Quang nằm dài trên tấm lá nghe ngóng chỗ đau. Chẳng có gì cả. Quang thấy người khỏe mạnh, mọi chuyện bình thường chẳng có gì đáng bận tâm. Quang dơ tay phải xoay xoay mấy vòng trong không khí và cẩn thận hơn khuynh tay ngồi dậy quay người từ bên phải sang bên trái và

ngược lại. Quang chú ý so sánh chuyển vận các khớp xương ở hai bên vai. Vẫn chẳng có một dấu hiệu nào chứng tỏ có sự lệch lạc ở các khớp xương bên vai phải. Không tin ở sự xét đoán của mình, Quang lập lại những cử động cũ, dồn hết tinh thần để nghe ngóng kỹ hơn. Vẫn không có gì lạ. Quang nghi bịnh tình mình có lẽ không nặng quá như mình vẫn tưởng. Quang nằm xuống, nắm tay vung thật mạnh trong không khí, sung sướng như dứt hẳn được niềm lo. Một lát sau thấy mỏi lưng, Quang nghĩ mình nằm mãi cũng không tốt, cần phải hoạt động một chút cho gân cốt dần ra và máu chảy điều hòa. Quang trở dậy định bụng ra suối giặt cái áo dơ. Lúc đi qua phòng kỷ luật, Quang nhìn vào thấy Thảo đang ngồi tần mẩn nghịch mấy sợi lạt. Quang muốn gọi Thảo nhưng không dám, lẳng lặng tìm một tảng đá ngồi bắt rận. Quần áo hết rận lớn chỉ còn toàn một thứ rận nhỏ trắng trắng mới nở, Quang bắt bỏ xuống một ô nước đọng, ngồi im ngắm chúng quẩn vào nhau bơi trên mặt nước. Quang thấy hả hê như trả được mối giận những ngày còn bị còng tay nằm trong kỷ luật, nhưng đồng thời Quang tự nhủ không nên hành hạ như vậy, chúng hút máu người vì chúng là loài rận và chúng cũng ham sống như Quang. Quang vớt chúng bằng một cây que nhỏ và để mặc đám rận bò trên mặt đá, bỏ xuống suối giặt áo.

Lúc trở về trại, Quang nằm ngủ tới xế trưa mới dậy. Toán đàn bà đang rửa mương dóc ngoài bờ suối. Quang nhìn mục Xuân ngạc nhiên không hiểu tại sao từ ngày ra tự giác không chú ý đến mục. Mục cầm một tàu lá mương dóc phất phất gọi thằng Điện con ông Sáu Côn đương đứng tựa vào một gốc cây.

— Con hư quá ! lại đây má biểu.

Thằng bé trợn mắt nhìn mẹ ngạc nhiên, lúc thấy mẹ ngoẹo đầu sang một bên nó bắt chước rụt cổ lại cười.

— Lại đây con ! lại đây má hát con nghe.

Giọng mẹ âu yếm, van nài. Thằng bé cười rộng miệng hơn. Mẹ Xuân vắt tàu lá, hai tay vỗ vỗ vào nhau lấy nhịp cất giọng hát.

Con cút cút đuôi

Ai nuôi mày lớn ?

— Dạ, thưa bà,

Con lớn mình con.

Câu hát chấm dứt đột ngột. Thằng bé cười ré lên xoay người chạy lên phía nhà cơ-quan. Mẹ Xuân hốt hoảng.

— Con ơi, con !, lại đây với má ! má thương con mà ?

Mẹ nhìn thằng nhỏ cho tới lúc nó khuất sau mô đá, đoạn cúi xuống buồn bã. Đột nhiên mẹ nghiêm mặt dơ một ngón tay lên miệng :

— Con hư quá, con không biết nghe má. Má sẽ không mua quà cho con, chiều nay má ra ngoài vằm bắt cá má cũng không cho con ăn nữa. Tối má cũng không cho con ngủ với má, má để con ngủ một mình cho chuột nó bắt con đi.

— Chị Xuân này ! một người đàn bà ngừng tay gọi mẹ, mắt lộ vẻ ái ngại — con chị chết cháy rồi mà, chị nhớ lại coi. Chị cứ thế này hoài làm sao cơ quan cho chị về được. Chị tỉnh lại đi, con chị nó cháy đen thui mà.

Mẹ Xuân lắng tai nghe, rồi bất thành linh vén cao hai ống quần vỗ bành-bạch vào đùi :

— Kệ tôi ! mấy người biết cái gì, Trời Phật đâu có làm cái chuyện ác nhân

ác đức đó. Con tôi nó còn sống, nó cháy đen thui.

Quang bỏ xa bờ suối bước tới khoảng đất dùng làm nơi đi cầu. Tiếng cười mẹ Xuân đuổi theo lạnh lạnh, Quang nghĩ tới khuôn mặt bầu bĩnh của thằng Điện, những sợi tóc mềm và thưa, đôi mắt sáng, cái miệng tươi. Chẳng cứ gì mẹ Xuân, chính Quang lúc đó cũng muốn ôm hôn lên má nó. Quang cố nhớ lại khuôn mặt thằng Hồ. Chắc bây giờ nó lớn rồi, nó đã biết đi, biết nói. Quang tự hứa bao giờ về sẽ cho nó đi học, sẽ may cho nó một bộ quần áo tây ngắn và dẫn nó đến trường mỗi sáng.

Buổi tối, ăn xong, Quang dềnh dàng ra đứng tựa vào cây cột nhà. Không khí mát mẻ. Quang ngược lên cao, ước gì những lá rụng hết xuống để Quang có thể nhìn được cả một khoảng trời rộng với những ngôi sao. Quang cúi xuống nhặt một cọng lá xỉa răng. Bất thần cơn đau ở vai trở lại, lại vẫn cái nhức nhối ấy, âm ỉ, quen thuộc. Quang lặng người đi. Cái mối đó, nó đang ở trong người Quang, nó không buông tha Quang. Chỉ có Quang mới biết được nó, chẳng ai ngờ được nó đang dẫn dắt Quang thế nào ? Họ chỉ ngỡ là Quang lười biếng tạ sự ra để nghỉ việc. Quang dơ tay lên cao, cánh tay như nặng hằn đi. Quang nghiêng rặng xoay tít cánh tay. Cơn giận bùng lên, Quang thấy mình không nên chiều cơn đau quá, không việc gì phải mơn trớn nó. Quang đã nhân nhượng nó nhiều rồi.

Anh Bốn Đoàn đứng giữa sân hô lớn : « Học tập, học tập ». Quang mệt nhọc theo mọi người vào trong. Ngọn đèn thấp sáng ở giữa, mọi người chia từng toán ngồi chung quanh. Quang ngồi khuất sau lưng một ông già. Anh

Bốn cất tiếng hát một bản nhạc quen thuộc :

— Du-kích quân một lòng ra đi.
Nào — anh dơ cao tay đánh nhịp — du-kích-quân hai, ba !

Tiếng hát hòa lên âm ảm khắp gian phòng. Quang bóp nhẹ nhẹ lên vai. Con sâu đó, phải rồi, chính nó, nó đương gặm nhấm ống xương như một con sâu dâu ăn mòn ruột cây dâu nó sống. Quang phải giết nó bằng bất cứ cách nào. Nó chết đi thì cơn bệnh mới qua khỏi được. Nó đã xâm phạm vào đời sống Quang một cách vô lý, không thể để nó sống nhờ trên thân thể Quang. Bài hát dứt, bây giờ đến lượt các toán kiểm thảo công tác đạt được trong ngày. Tiếng phát biểu ồn lên. Một ông già ngồi phía sau Quang dơ tay bình nghị về năng suất của toán mười tám. Gần ngọn đèn, ông Ba nhỏ đang loay hoay ghi chép trên một cuốn sổ tay. Quang không nghe thấy gì cả, những tiếng nói vượt qua tai. Quang phải tìm cách giết con sâu. Thuốc men không có, không một phương tiện nào cả, con sâu cũng không bò ngoài da để có thể ném xuống đất di nát dưới chân. « Giá ở nhà... » Ý tưởng đó chợt đến làm Quang nhớ những món thuốc bắc có ở nhà. Mọi sự sẽ dễ dàng, em thẩm biết bao nếu có những món thuốc đó. Đặt một giả-dụ nữa là nếu những món thuốc đó không hiệu nghiệm, Quang có thể bỏ một ít tiền lên thị-xã đi bác sĩ. Với tiền chẳng có bệnh gì là không khỏi. Lúc đó tất cả sẽ trở nên giản dị. Một điều sung sướng nhất là Quang có quyền nghỉ. Quang chỉ cần bảo Nhi : « Hôm nay tôi bệnh, tôi đau vai, nấu cho tôi nồi cháo » rồi nằm khẽnh trên giường. Nhi sẽ lo cuống lên Nhi mua dầu xoa bóp cái vai đau. Nếu có ở đồn, Quang sẽ bảo kẻ mầy đưa

bạn, chúng nó sẽ gác giùm Quang nằm nghỉ, vắn ra-dô nghe.

Những tưởng tượng về cuộc sống cũ tự do trôi đi miên man cho tới lúc tiếng hô « muôn năm » của mọi người cất cao, Quang mới biết buổi học tập chấm dứt và phân vân không hiểu có ai bình nghị gì mình không ? Lúc mọi người giải tán, Quang trở về chỗ nằm nghiền ngẫm lại sự sung sướng của cuộc đời cũ tự do. Cái vai đã hết đau, Quang tự hỏi tại sao cách-mạng không tha cho Quang về ? giữ lại có ích gì đâu, mỗi ngày chỉ mất thêm ít gạo ? Quang phải được về. Quang tin như vậy và còn tiên đoán sẽ về vào ngày 19 tháng 5. Quang ốm yếu quá rồi chẳng làm lợi gì cho trại, cơ-quan chắc cũng biết điều đó và chắc không nỡ để Quang phải chết ở nơi rừng thiên nước độc này. Nhưng Quang chợt khựng lại khi nghĩ đến những tội lỗi của mình, những tội lỗi tày trời mà Quang không ngờ có ngày phải nhận. Thật khủng khiếp như cơn ác mộng. Quang nhớ tới lần đi cung thứ hai.

Bộ mặt lạnh lẽo như tạc bằng đá với đôi mắt lim dim như không có chút ánh sáng của ông Ba lớn làm Quang mất tinh thần ngay từ lúc đầu. Trong một giây ngắn ngủi Quang hiểu con đường đi trước mặt đã khép kín và chính trong phút đó Quang quyết định thật mau số phận mình. Ông Ba Lớn hỏi Quang trả lời. Quang nhận tất cả tội lỗi không suy nghĩ, đắn đo. Mỗi lần như vậy ông Ba Lớn lại nói : « Tốt ! Tốt lắm » rồi cúi xuống ghi thật nhanh những câu đối thoại trên một tờ giấy trắng. Cuối cùng ông đưa cho Quang xem và nói :

— Anh đọc lại đi, nếu anh công nhận thì ký vào.

Quang cầm tờ giấy có những giòng chữ nhầy mứa. Quang hiểu mình đang đứng trước một giờ phút nghiêm trọng. Quang muốn đưa trả lại tờ giấy và nói : « Không tôi không nhận, không bao giờ phạm những tội này ». Nhưng sau đó, Quang nghĩ mình không thể nằm hoài trong kỷ luật để mỗi sáng ngồi ngóng lên cơ-quan. Nước mắt trào ra dàn dụa. Quang cầm bút ký nhiều lần vào từng mặt giấy theo tay chỉ của ông Ba. Lúc tờ giấy được xếp vào tập hồ-sơ có bìa dầy, Quang biết là mình không còn quyết định gì về mình nữa. Quang đã đánh liều với số-mệnh và không thể cưỡng lại. Quang chỉ còn trông cậy vào may rủi, Ông Ba Lớn đưa mời Quang điều thuốc:

— Tôi rất mừng thấy anh không ngoan cố. Từ giờ anh được ra tự giác. Anh được tự do hơn không còn phải cùm xích như trong kỷ-luật. Anh sẽ đi lao động với anh em. Anh thể hiện tinh thần hối-cải bằng những công tác anh làm. Bao giờ xét thấy anh thực tâm giác ngộ, cách-mạng sẽ khoan hồng cho anh về với gia đình.

Ông Chiêu một ngụm nước, nói tiếp với giọng đều đều :

— Lúc đó anh cũng như chúng tôi. Anh trở thành một công-dân tốt. Chúng ta cùng nhau đánh đuổi giặc Mỹ để xây dựng lại quê hương chúng ta thành một nước phú cường, hùng mạnh...

Quang nhắm mắt lại, cảm giác đau đớn của hôm nào sống lại. Quang lại muốn nói với Quang, với bất cứ ai là Quang không hề phạm vào những tội lỗi ghê tởm ấy, Quang đã hiếp dâm một người con gái ? đã tra tấn, đã cướp của của những người dân lành ? Làm sao hôm đó Quang đã có thể can đảm nhận những tội nặng nề như thế ? Quang tự

nhủ : « Mình không làm những tội ấy lương tâm mình không cắn rứt mình, như vậy được rồi ».

Đêm hôm đó Quang trằn trọc rất khuya ? Câu hỏi : « Liệu mình có được về không ? » luẩn quẩn mãi trong óc. Quang tìm những lý lẽ để quyết đoán mình sẽ về rồi lại tìm những lý lẽ đả phá nó. Lý lẽ này để ra mỗi nghi ngờ khác càng lúc càng làm Quang hoang mang. Sau cùng, Quang cầu cứu đến Chúa. Chúa chắc hiểu được và không nỡ bỏ Quang. Hiện tại, Quang chỉ cần cố gắng làm việc để cơ quan tin tưởng và sau này nếu có được về sẽ làm việc nghĩa, tích đức nhân. Ngày mai, ngày kia và những ngày sau nữa, con nhưc mới sẽ trở lại mỗi ngày, nó sẽ dầy vò hành hạ Quang, nhưng điều đó không quan hệ, Quang sẽ không cần để ý đến nó, coi thường nó. Nó, con đau đớn đê tiện, hèn hạ, Quang thừa can đảm để khinh bỉ, vượt qua nó. Nó chỉ là một cái gai trên đường đi và Quang thì cần về được đến nhà. Cha mẹ, vợ con mong ngóng, Quang phải về để nuôi nấng, chăm mom họ.

Sau hai ngày nghỉ, Quang mang theo tất cả sự can đảm đó đi làm. Quang đã ôm được bốn bó cây và đi đi lại lại tám lần một con đường dốc lởm chởm. Lần thứ năm, lúc đặt bó cây lên vai thì cơn mới lại xuất hiện. Quang nhún vai, phác một cử chỉ khinh mạn, tiếp tục bước đi. Quang can tỏ cho nó biết mình còn mạnh lắm, lại nhiều nghị lực nữa, cơn đau do nó gây ra chẳng thấm thía gì nếu so với sức mạnh Quang đang có. Quang cười khan thành tiếng. Nhưng này, cứ mỗi lần bước đi một bước. Quang mỗi cảm thấy tay mình nặng thêm, mỏi thêm. Quang đứng lại thở. Trong lúc vô ý, bó

cây tuột xuống, lăn trên mặt đất, bung cả những sợi dây cột. Quang ngồi tựa vào một gốc cây, tay phải mất hết hơi sức buông thõng xuống và như chỉ được nối với mình bằng một lớp da. Quang có cảm tưởng như phải đeo thêm vào mình một cánh tay vô tri. Con đau dai dẳng, bí hiểm làm cả một bên vai tê liệt. Quang đặt bàn tay trái lên vai sờ sờ vào các khớp xương. Con sâu ấy đương tác quái, nó đã đục ruỗng một ống xương. Quang tưởng tượng nó đương gặm từng chút tử. Nó nhàn nhã, kiêu kỳ. Nó bắt Quang nghĩ đến nó, không được khinh thường nó. Nó ở trong người Quang và Quang chẳng làm gì được nó. Chính nó mới đủ uy quyền làm Quang sung sướng hay khổ sở. Nó sẽ dày vò Quang đến chết, chết trước khi trở về nhà. Thấy mình thật yếu đuối, bất lực, tuyệt vọng, Quang bật khóc vào nói lớn.

— Tao lạy mày đấy ! tao lạy mày đấy !

Và Quang càng tủi thân hơn. Tất cả đã tàn nhẫn xô Quang xuống một cái vực tối đen, sâu hun hút. Quang ở đó sợ hãi, kêu gào một mình, chẳng một ai nghe thấy. Quang thấy tai lưng búng, mặt đất chao đi, Quang chống tay nắm ngửa người trên đám rễ cây. Quang thấy thân cây sao to lớn, sừng sững trước mặt đang chao đi bên phải bên trái và như sắp đổ ập xuống đè lên người. Quang rú lên, không biết gì nữa.

Sau lần ngắt đi giữa rừng Quang được xếp vào toán tạp-dịch. An làm toán trưởng. Toán gồm từ những người yếu đuối, trong 9 người đã có 5 ông già. Công việc nhẹ nhàng hơn trước, cả ngày Quang chỉ phải dọn dẹp ít rác rưởi và chiều chiều đi ven ven quanh trại nhặt ít củi khô. An hiền, dễ tính nên công việc càng dễ chịu hơn. Tuy

nhiên không lúc nào Quang quên mình bị liệt vào thành phần yếu đuối và sợ. đi được chuyển qua toán này vì tình trạng sức khỏe của mình. Con đau đớn do bệnh tật gây nên thực ra Quang tự-lượng mình có thể chịu đựng được. Cái vai không nhức nhối lắm. Nếu tỉnh táo mà xét thì nó chỉ là một cơn mỗi mỗi, buồn buồn trong xương. Quang có cảm tưởng nếu không nghĩ đến nó hay nếu ở một hoàn cảnh tốt đẹp nào đó có thể khinh thường nó thì chắc Quang đã có thể quên nó không khó khăn lắm. Mỗi lần nó xuất hiện thì lập tức Quang nghĩ : « nó đó ! nó đó ! » và sợ hãi. Chính sự sợ hãi làm Quang đau đớn hơn. Sự thường xuyên của nó khiến Quang tự cho mình là người bệnh tật. Quang không sợ sự đau đớn nhưng sợ mình không đủ sức chống chọi đến ngày về. Nó tiêu hao lần sức khỏe của Quang. Những bữa cháo không chất bổ dưỡng, khí hậu độc của miền rừng núi đã gần như một thứ bệnh, Quang không thể nào chống cự nổi với cơn bệnh thứ ba.

Càng sống trong lo âu, lòng hy vọng càng tăng lên mạnh mẽ và Quang tin mình sẽ được khoan hồng vào ngày lễ sinh nhật bác Hồ. Điều quan trọng là phải chứng tỏ được cho cơ-quan biết lòng thật tâm giác ngộ. Quang tự hứa sẽ cố gắng lao động. Vốn dĩ Quang ưa hoạt động, những lúc rảnh việc Quang thường ra suối rửa gương mặt phụ với mấy người đàn bà. Quang nhặt sạch từng chút rác dưới sạp cơ quan. Quang ôm từng bó củi lớn đến độ An phải kêu lên nhắc Quang nhớ đến sức khỏe. Một vài lần, Quang tự nhủ khi cơn đau trở lại: « Phải khắc phục, phải tỏ cho cơ quan biết lòng ăn

năn, xám hối của mình». Mỗi chiều nhặt củi về, thay vì đi phía dưới, Quang đi chếch lên gần nhà cơ quan, Quang cong lưng, nhẩn mặt đề tỏ ra mình đương vác một bó củi lớn hơn những người khác. Quang lén nhìn xem có ai đề ý đến mình không, khi bắt gặp ánh mắt ông Ba Lớn hay ông Sáu Côn nhìn lại, Quang luống cuống quay đi đề sau đó vui vẻ, hớn hờ đến cả nửa ngày trời.

Một buổi tối học tập do toán-trưởng đề-nghị và sau đó được sự đồng ý của các toán viên, Quang được bầu làm một trong năm cá nhân xuất sắc trong trại. Ông Ba nhỏ ghi tên và phê điểm vào cuốn sổ tay. Đêm đó, Quang thao thức mãi không ngủ, đầu óc tràn ngập những ý nghĩ sung sướng. Quang nhớ là lúc hát bài đoàn ca, Quang đã hát thật to, lần đầu tiên cảm động vì lời hát. An nằm bên cạnh, Quang muốn đánh thức An dậy đề cảm ơn lòng tốt của An đã hăng hái đề nghị mình. Sau đó Quang bắt đầu nhớ đến gia đình, thấy mình có quyền tô điểm cho trí tưởng tượng những điều tốt đẹp về vợ con, về một vài dự tính làm ăn sau này.

Nhưng giữa những ngày tươi sáng ấy, 1 việc xảy đến làm Quang mất hết phấn khởi,

Những toán cải thiện, trong ba hôm liền không kiếm được một chút gì đề độn vào phần ăn cho trại. Không còn một cây đác nào sót lại trong khoảng rừng này, các bờ suối lớn suối nhỏ cũng không còn bóng một cụm mương dóc. Trại ăn cháo trắng trở lại. Với ba chén cháo lỏng bỏng nước một ngày, cơn đói lại lập tức lân la mò đến. Mọi người nhốn nháo lên, công việc trì chễ hẳn lại. Người ta ngồi thở trước những bó cây, những đống lá, những khung nhà đóng dở .. Buổi sáng, sau khi ăn cháo, họ trở về nằm lì trong

trại. Nhân viên cảnh vệ phải phụ lực với anh Bốn đoàn trưởng vào lôi từng người đi công tác. Ông đoàn phó luôn miệng la hét những người đến khai bệnh nghị. Cơn đói làm mọi người lì lợm, họ kêu rữ căng không đủ sức lê một đoạn đường dài cả bầy, tám cây số tới trại mới, đứng nói tới việc cất trại. Hôm thứ tư ông Sáu côn phải triệu tập một buổi họp toàn trại, đọc bài diễn văn khích lệ tinh thần. Ông nói cơ quan tương xét hồ sơ ân xá cho ngày 19 tháng 5, nếu trại mới không làm xong, việc ân xá bắt buộc phải đình lại. Ông tả lại một vài trường hợp đói khổ của quân dân cách mạng đề kết luận cái đói mà toàn trại phải chịu ngày hôm nay không thấm thía gì nếu so với những tội lỗi mà mọi người đã phạm. Đề chuộc những tội lỗi ấy, mọi người phải biết khắc phục gian khổ, tiếp tục hăng say với công tác. Cuối cùng ông vừa khuyến khích vừa ngầm có ý đe-dọa.

— “Còn ít ngày nữa bà con được ân xá, bà con lại được trở về với gia đình, làng xóm. Con đường cải tạo có dài và có gian nan nhưng bà con đã bước đến đoạn cuối cùng, vậy không nên vì một chút trở ngại cuối cùng mà phải quay đầu đi lộn lại”.

Sau bài diễn văn, mọi người đều tỏ vẻ cố gắng. Nhưng cơn đói ác nghiệt theo đuổi từng giờ từng phút làm họ thối chí. Anh Bốn đoàn khuyên nhủ, la hét rồi đánh đập nhưng họ vẫn lì-lợm. Họ bắt cần và hết biết sợ uy quyền. Đúng lúc ấy bệnh kiết kỵ lan rộng. Suốt ngày tiếng rên la vang từ đầu này sang đầu khác. Khoảng đất đi cầu bừa-bãi phân người, mặt cỏ lá cây vương vãi một thứ phân lỏng lầy nhầy như mũi có lẫn những vẩn máu đỏ. Cơ-quan ra lệnh cấm mọi người ăn bậy bạ, uống

nước suối. Ông đoàn phó tối mắt với hộp kim chích. Một thùng nước đun sôi được đặt giữa trại, cấp dưỡng có bồn phân phải làm đầy suốt ngày từ khi mặt trời mọc cho tới lúc tối mịt. Nhưng tình trạng không khả quan bao nhiêu, tai họa như một cái nón chụp xuống, người ta chỉ có thể vùng-vẫy ở bên trong. Số người chết mỗi ngày một nhiều.

Cũng vì vậy, toán Quang càng bận rộn với việc chôn cất. Quang đau vai nên không phải khiêng. An giao việc đào đất. Thật lòng Quang muốn đào một cái hố thật sâu, lòng trắc ẩn như bảo « Hãy chôn cất người ta tử tế vì người ta chết rồi » nhưng cơn đói làm tay chùng lại và những chiếc hố nông dần. Sau ba ngày ăn cháo trắng, Quang không còn muốn làm gì nữa. Ngày thứ tư vào lúc ngủ dậy, Quang thấy mặt mũi hoa lên, tim đập mạnh, tai lùng bùng, Quang đã té vào đống mền khi đứng dậy. Những ngày kế tiếp thỉnh thoảng ruột lại cồn lên như có ai đem xoắn lại nhiều vòng, Quang nôn ra một thứ nước mật vàng vàng lẫn với dãi dớt. Cơn đói như một khúc nước xoáy, Quang bị cuốn vào đó, bị nhận chìm xuống, chơi với mắt hết tự chủ. Cả ngày Quang quanh quẩn nghĩ tới mấy món ăn : món gà quay vạng ngấy chấm với muối tiêu, món vịt tiềm nấu với nhân táo tàu, mộc nhĩ, nấm hương.., món chả ram ngoài chợ ăn ghém với các loại rau thơm... Rồi những ngày giỗ kỵ ở nhà với những tô canh miến, những khoanh giò lụa, những đĩa chả quế vàng xếp theo hình ngôi sao... Món nào cũng ngon, món nào cũng làm Quang thèm đến đại người đi. Vậy mà có ngày Quang đã không biết hưởng. Cả đầu con gà trống chỉ ghé răng gặm chút da ngoài, một đĩa xôi lớn chỉ ăn được vài

miếng nhỏ, nhiều nữa, quả chuối hơi nũn ném ra vườn, trái mận chín ăn một nửa, múi bưởi để lây lất trên bàn thờ đến khô đi... Quang tự trách mình phí của một cách ngu xuẩn và cho rằng cơn đói bây giờ chỉ là một hình phạt Chúa dành cho những sự ngu xuẩn đã phạm trước kia. Nhưng đến lúc tột độ thì cơn đói lại đòi qua một bộ mặt khác, dầy quen với lối ăn mới. Quang chỉ còn thấy hơi xót ruột mỗi bận ăn xong. Tuy nhiên người mỗi lúc một mệt mỏi, rời rã, chân tay bại hoại, mất hết hơi sức. Mỗi bước đi, người một nặng thêm, Quang run rẩy muốn té về đằng trước, Quang hiểu là mình đang kiệt sức. Mỗi lần đứng trước một xác chết, Quang đều động tâm. Đắp điểm kỷ lưỡng cho người quá cố bao giờ cũng là việc nên làm, nhưng Quang không còn sức để bầy những tảng đá ngăm, dơ cao ngọn xà beng. Người chết để hở cả chân tay, An phải sai người nhặt đá, vun lá khô lấp lên. Chôn xong một xác chết, Quang thường nấn ná đứng lại cầu nguyện một vài lời. Câu cuối cùng bao giờ cũng có ý phân bua về việc làm của mình. Nhưng rồi từ khi chôn Thảo, Quang hiểu những lời phân bua trước kia là ngớ ngẩn dư thừa. Trước khi đi chôn, Quang đã nhìn Thảo rất lâu nói thầm trong miệng hứa đào một cái hố sâu khả dĩ lấp kín được xác bạn. Quang nghiêng rằng, dồn hết sức lực bỏ mạnh từng nhát cuốc, lưỡi cuốc dội lên thành những âm thanh khô, sắc khí chạm phải những hòn đá phía dưới. Người Quang rung lên, mồ hôi đổ thành từng dòng trên cổ. Quang ngừng lại khi hơi thở muốn tắc và mặt hoa lên. An đỡ lấy cây cuốc, Quang ra ngồi cạnh xác Thảo thở hồn hèn. Quang luồn tay qua khe hở của lớp cây bó, xạ

xoa trên người bạn. Sự tiếp xúc của hai lớp da làm Quang xúc cảm. Quang nói nhỏ: " Thảo ơi ! tao phải đào cho mày một cái hố thật sâu, tao phải đào cho mày. " rồi đứng vững lên. An đang đu cả người nhỏ bé của mình trên đầu xà beng để nẩy một hòn đá. Quang bước lại nắm lấy thanh sắt cong người vút xuống.

Trời tối dần, màu lá cây mỗi lúc một xậm. Một vài người lên tiếng giục dã. Quang chán nản nhìn xác Thảo được đặt xuống một cái hố nông choèn choèn, đau đớn vì sự bất lực của mình. Những

viên đá, những vun lá, những xẻng đất lấp dần nửa mảnh mền màu nâu xậm của Quang chia cho Thảo hôm nào. Quang xúc nốt xẻng đất cuối cùng rải lên lớp lá khô. Mọi người bắt đầu bỏ về, Quang muốn đứng nán lại cầu nguyện cho Thảo vài câu, nhưng nước mắt ngăn lại, Quang khóc, đứt đoạn vì sự mệt mỏi còn lại An choàng tay qua vai, Quang không kìm hãm được lời nói : «Anh biết là nó tốt bụng, tôi thương nó... đáng lẽ... tôi phải đào...sâu hơn».

(Còn tiếp)
BÙI-ĐĂNG

CA DAO đã phát hành :

TUỔI TRẺ VÀ CÔ ĐƠN

Peter Camenzind Hermann
Hasse. Vũ-đình-Lưu dịch

sắp phát hành :

NIETZSCHE cuộc đời và triết lý
của Fèlicien Challaye. Mạnh-Tường
dịch

LỤC BÁT, thơ Hoài-Khanh

đã phát hành :

*** NỬA ĐƯỜNG ĐI XUỐNG**

* truyện THẾ-PHONG * Sách dày trên 500 trang giá 200 đ.

sẽ phát hành :

*** CHIẾC ROI NGỰA**

truyện GHEORGHIU. bản Việt-Ngữ của Đường Bá Bồn

* Sách dày 300 trang, giá 120 đ.

ĐỐI MỐI Tổng phát hành

TRUYỆN của

BUI-KIM-DINH

(Xin xem BK. TĐ. từ số 276)

NGƯỜI CHIỀU

5 | Người tài xế đạp thắng rồi thò đầu ra ngoài cửa xe cầu nhàu với một cô gái. Giọng ông ta tuy khàn nhưng cố nói to và lời nói mang ý nghĩ hài hước về dung nhan và dáng đi của cô gái làm Trọng bật cười. Phi ngồi trên tấm gỗ bắc ngang qua hai bên nệm xe phía trước. Anh ta nhìn theo cô gái rồi nhìn người tài xế mỉm cười. Khuôn mặt Phi như một mặt nước đang yên lặng bị một viên đá ném xuống làm xao động bởi những làn sóng. Phi nói, nước miếng toé ra khỏi miệng :

— Chú tài này tuy già nhưng còn chịu chơi lắm. Lên dốc một cây. Có lần tớ cho hấn trèo lên đỉnh vu sơn. Trông hấn bật cười như con nhái bén. Phi quay sang người tài xế có phải không chú ? Dân mình đâu có quản đèo cao. Người tài xế cười có vẻ khoái chí. Thầy Trọng mới biết phái qua đây chắc chưa biết tiếng thầy Phi một cây đào hoa. Tôi khoái đi với thầy Phi nhất. Giờ làm việc buồn buồn là thầy lại kéo tôi đi đóng một cái.

Trọng liếc nhìn người tài xế ! Thầy trò tên này có vẻ hợp nhau lắm. Hình như hấn cố tạo cho mình một vẻ nham nhở để che dấu cái bản cố nông. Trọng định lên tiếng góp vui thì nỗi băn khoăn lại trở về trong tâm hồn Trọng như khi anh bắt đầu ngồi lên xe này. Bây giờ Nghĩa có đang ngồi trong lớp học hay lại đi bát phở ? Anh đang đi chạy tiền cho Nghĩa đây ! Mình đi một vòng Cholon. Không biết chiều nay mình sẽ gặp những khuôn mặt nào trên thành cửa sổ hồi sáng ?

Bàn tay của Phi dơ lên làm ý nghĩ của Trọng ngừng lại. Chiếc xe rà rà nép sát vào một bên đường Phi dặn người tài xế vài câu rồi kéo Trọng bước đi.

Trọng bước theo Phi như một cái máy Anh lên tiếng :

— Bây giờ mình đi đâu ? Chắc vô nhà Quách Xuân ?

— Tớ hỏi thật cậu là cậu muốn Tivi hay tiền để tớ còn tính.

Trọng lừng khừng đáp, gì cũng được nhưng có lẽ tiền thì tiện hơn. Phi nhếch mép nhưng môi chưa tạo thành một nụ cười thì anh ta đã lập nghiêm. Quách Xuân là chỗ làm ăn lớn, có tính cách lâu dài mình phải đề dảnh. Bây giờ cậu cần gấp nên tớ phải đi lối hạ sách. Trọng hỏi thế nào là hạ sách ? Phi không trả lời mà kéo Trọng lên xe.

Không biết Phi nói câu gì làm người tài xế có vẻ hứng thú. Anh ta nhấn mạnh ga xăng, chiếc xe lồm lên nhưng đôi lúc khựng lại bất thần làm tay Trọng phải nắm thật chặt vào thành ghế. Mặt trời như nằm ở ngay trên tầm kính chắn gió. Trọng ngả đầu vào thành nệm xe lim dim mắt. Không biết thằng cha Phi nói gì mà cặp mắt hần có vẻ khả nghi quá?

Phi ra hiệu cho xe ngừng lại trước một dãy nhà hai tầng cùng kiểu. Tiếng lách crách vang lên đều đặn làm Trọng đoán chừng đây là khu dệt vải. Phi nói, tớ làm gì mặc kệ tớ nhé. Cậu chỉ biết đi theo. Trọng thắc mắc hỏi, cậu có cần giới thiệu tớ về thế thằng Hào? Phi nói dĩ nhiên, dĩ nhiên là phải giới thiệu rồi. Vẻ nghiêm trang và lạnh lùng của Phi làm Trọng khó chịu. Mình chọc cho nó mở miệng thì khuôn mặt nó sẽ bớt vẻ lạnh lùng. Trọng nói bây giờ mình vô nhà ai đây? Phi tỏ vẻ khó chịu nhưng anh ta vẫn lên tiếng giải thích. Vào nhà một thằng Tàu lai quen thân với thằng Hào. Tên hần là Lâm Ký. Trọng liên tưởng ra ngay khuôn mặt Lâm Ký? Khuôn mặt hần thế nào thì hần vẫn có nụ cười giống Tài Sui?

Có lẽ vẻ lạnh lùng của Phi làm tiếng lách crách đều đặn của máy dệt ngừng bật như tiếng đàn bị đứt dây. Một người đàn bà chạy ra đón Phi bằng nụ cười vừa hoan hỉ vừa sợ sệt. Mái tóc và hàm răng đen của bà ta làm Trọng ngạc nhiên. Thế mà mình cứ hình dung ra vợ Lâm Ký là người đàn bà Tàu có mái tóc bện ở hai bên vai. Phi vẫn giữ thái độ lạnh lùng trước nụ cười của người đàn bà. Anh ta lặng lẽ xách cặp đi sâu vào nhà trong, giữa những chiếc máy dệt đang tắt thở, giữa những cặp mắt

ngơ ngác của những cô gái Tàu đang đứng tựa lưng vào thành máy. Phi có dáng nghiêm trang và oai vệ của một người đi duyệt binh. Phi đưa mắt nhìn quanh một vòng rồi mới lên tiếng:

— Ông Lâm Ký đâu? Bây giờ coi bộ bà khá quá heng? Thêm tới năm máy.

Người đàn bà cúi nhìn xuống đất để tránh tia nhìn của Phi? Có lẽ Phi đoán được lời sắp nói của người đàn bà nên anh ta vội khoác tay và chỉ Trọng.

— Đây là thầy Trọng làm cùng sở với tôi, thầy này về thế thầy Hào. Bà biết thầy Hào chứ?

— Dạ biết, Trước khi thầy Hào thôi làm, thầy có tới thăm chúng tôi,

Phi nhếch mép cười nhìn Trọng. Khi người đàn bà dục người nhà đi mua nước ngọt thì Phi ghé sát vào tai Trọng. Cậu thấy không? Thằng Hào một cây mùa thu. Trước khi đi lính hần cũng đi một vòng giao hữu. Trọng không chú ý đến lời Phi. Anh nhìn những khuôn mặt ngơ ngác của thợ dệt và nhìn theo người đàn bà. Sao bà ta có vẻ buồn thế kia?

Ánh sáng không vào tới giữa nhà. Những ngọn điện đỏ mắc ở mỗi máy dệt, tạo ánh sáng vàng quanh làm khuôn mặt của người đàn bà thêm yếu đuối. Hình như mắt bà ta không thể mở lớn hơn được trước tia nhìn của Phi. Phi có vẻ không bằng lòng vì vẻ buồn của người đàn bà. Anh ta lên tiếng và sau mỗi câu nói là có một tiếng há kéo dài. Có lúc Phi nói tới ba tiếng há dồn dập làm người đàn bà mất bình tĩnh. Khuôn mặt bà ta như một bức tượng trạm trổ những làn sóng tinh vi ở trán và hai bên mép. Mỗi lúc Trọng thấy những khuôn mặt

trong căn nhà này đều thêm xa lạ. Anh nhìn và mỉm cười với một đứa bé đứng bên người đàn bà. Đứa bé sợ sệt nhìn đi nơi khác làm Trọng cut hứng. Khuôn mặt mình khó thương lắm hay sao mà không cười được với một đứa trẻ?

Phi tỏ ý tiếc là không gặp Lâm Ký ở nhà. Anh ta tỏ vẻ bức bối bằng cách búng tàn thuốc ra ngoài đường. Thằng cha Lâm Ký biết điều và dễ chịu, mình chỉ cần giới thiệu thằng Trọng về thay thằng Hào là xong. Phi dùng ngón tay trỏ đếm máy. Sau đó anh ta nhìn người đàn bà và hỏi về số công nhân. Người đàn bà bỗng nhiên khóc nức nở. Bà ta kể ra nỗi khổ vì bà ta có hai người con trai cùng bị bắt lính vào đêm hôm qua. Bà ta nghẹn ngào nói tiếp:

— Nhà tôi thì lo giao dịch bên ngoài. Xưởng tôi chắc phải đóng cửa vì hai thằng con tôi bị bắt, nhà tôi không còn ai. Hiện chồng tôi đang lo kiếm hai thằng nhỏ, nhưng chắc gì thấy nó.

Phi không muốn bà ta tỏ lòng thương con trước mặt mình, anh ta yêu cầu bà trả lời gấp những câu hỏi. Môi dưới Phi hơi xệ xuống. Cặp mắt anh ta nhìn thẳng, nghiêm khắc. Trọng bẻ tay vào nhau. Không ngờ thằng Phi có vẻ tàn nhẫn như thế.

Người đàn bà vẫn nức nở khóc. Nhưng khi bắt gặp cặp mắt của Phi thì bà ta vội vàng lau nước mắt và gượng cười. Những giọt nước mắt nhớ thương con và thương thân phận mình của người mẹ đã bị chặn lại ngay bởi giọng nói nghiêm khắc, lạnh lùng của Phi. Những giọt nước mắt không gây được cảm tình của người đối diện đã biến thể, chảy dài thành một xấp bạc trong mười ngón tay của người đàn bà. Bàn tay của bà ta thật

nhiều gân máu làm tự nhiên lòng Trọng như mềm đi.

Trọng bắt được tia nhìn ra hiệu của Phi khi người đàn bà dơ tay về phía trước. Trọng bối rối muốn lùi về phía sau. Sao ngón tay của bà ta gầy và run thế kia? Bà có bao nhiêu người con? Bàn tay này suốt đời đã săn sóc, vun quén cho đời sống bao nhiêu đứa trẻ? Rồi Trọng bỗng rưng rưng nhớ tới mẹ. Bàn tay của mẹ cũng gầy và xanh như thế này. Bây giờ mẹ làm gì hả mẹ? Mẹ còn dệt vải không?

Tiếng ho của Phi làm Trọng thấy bàn tay của người đàn bà đang chơi với dơ ngang. Trọng lùi lại phía sau và muốn lên tiếng phản đối Phi, nhưng tia nhìn và dáng hăng hái của Phi làm Trọng ngập ngừng. Phi đón lấy xấp tiền trong tay người đàn bà. Anh ta vẫn cố tạo cho mình một vẻ nghiêm trang nhưng vẫn không dấu được sự hài lòng. Vẻ hài lòng của Phi làm Trọng tự nhiên bừng lên một sức phấn đấu mãnh liệt. Trọng cầm xấp tiền và muốn đuổi khuôn mặt Phi ra khỏi tầm mắt. Rồi trọng mỉm cười nhìn người đàn bà:

Bác cất tiền đi, cháu tới là để thăm ông Lâm Ký chứ không phải vì tiền.

Cách xưng hô và thái độ của Trọng làm Phi và người đàn bà ngơ ngác. Mặt Phi sầm xuống rồi đỏ bừng lên. Thằng chó đẻ này ngu như con bò. Mình chịu hết nổi. Đói như con chó ghẻ còn làm ồ. Người đàn bà hình như vẫn còn nghi ngờ Trọng nên bà ta đưa xấp tiền ra nài nỉ làm Trọng bức mình. Anh cười gượng cúi chào người đàn bà rồi bước ra đường. Phi nén sự tức giận bằng những bước chân nện mạnh trên nền đất. Mình thật ngu, nó mà nói với ông

Đồng lý thì đúng là đời mình tàn. Nghĩ thế, nên Phi mỉm cười lên tiếng. Cậu tính thế cũng phải. Tớ hết sức đồng ý với quyết định của cậu Trọng quay mặt về hướng mặt trời để tránh tầm mắt và nụ cười của Phi. Mình cứ tưởng là ra ngoài đường nó sẽ gây với mình.

Người tài xế nhìn Phi thăm hỏi về hướng đi. Phi đang do dự thì Trọng nói, đi về. Người tài xế nheo mắt khi thoáng bắt gặp khuôn mặt buồn của Trọng trong gương. Anh ta chắc lười. Có lẽ mấy cha lại chi achác không đều chó gì. Vì người tài xế mất vẻ hăng hái của lúc đầu, nên chiếc xe chuyển bánh một cách chậm chạp. Hình như Phi không muốn Trọng mang khuôn mặt buồn về tận sở nên anh ta cười nói luôn miệng. Sau một tràng cười lớn Phi kể một câu chuyện tiểu lâm khá tục tĩu. Trọng chỉ ừ hử góp vui nên Phi bực mình. Sư anh chứ, con Nguyệt mà nó biết anh xưng cháu với vợ thằng Lâm Ký thì nó cười đến phình eo luôn.

Trọng lim dim mắt, ngồi tựa hẳn vào thành ghế. Tầm mắt của anh đang chấp chờn dăng trong đường phố nhưng tâm hồn anh thì quay cuồng trong những khuôn mặt trong bữa cơm hồi trưa. Vẻ hân hoan của Nghĩa và cặp mắt tin tưởng ngời sáng của Thùy làm Trọng nghe lòng xót xa. Thế là mình không hy vọng gì có tiền đâu Thùy ạ. Anh không thể xoay được số tiền ấy như anh đã nói lúc trưa.

Và trong ánh nắng chiều nhạt dần, tâm hồn Trọng chùng xuống mênh mang. Khuôn mặt người mẹ, mười ngón tay run gầy của người đàn bà dệt vải chấp chờn trong ánh nắng làm Trọng xao xuyến. Và trong nỗi xao xuyến ấy, hình ảnh Nguyệt như hiện ra trong sương

mù. Trời Đalat mưa buồn lắm hả em? Đã bao nhiêu lần anh nói với Nguyệt là anh nghèo, anh chưa thể tạo nổi một đám cưới linh đình mà lá thư nào em cũng dục anh tính chuyện hôn nhân. Chúng mình yêu nhau đã bao nhiêu năm? Tại sao? Tại sao em cứ đem anh so sánh với những người cùng sở anh hả Nguyệt? Tại sao em cứ thúc bách anh phải làm những điều như họ.

Trọng nhắm nghiền mắt lại. Đột nhiên cái ý nghĩ mỗi ngày một thêm xa cách Nguyệt, như một điểm sáng, ở một góc nào đó trong tiềm thức anh vụt sáng chói trong khoảng tối trước mặt, như bao nhiêu sôi nổi từ bao nhiêu ngày tháng bị chìm trong một sự im vắng sau một tiếng động vừa vang lên thật lớn và khô khan.

Tiếng Phi kể chuyện tiểu lâm vẫn đều đều như tiếng gió. Hình như hồi kết cuộc của câu chuyện có một sự bất ngờ thích thú nên người tài xế cười lên hăng hắc. Tiếng cười của anh ta quá to làm Trọng mở bừng mắt. Phi có vẻ hài lòng về cách kể chuyện của mình. Anh ta vỗ vai Trọng thật mạnh. Có phải không cậu, con mẹ ấy thật là tuyệt kỹ giang hồ. Mình phải tôn hẳn vào hạng Tồ Sư.

Trọng chẳng hiểu đầu đuôi câu chuyện thế nào nhưng anh vẫn mỉm cười gật đầu. Xe càng về tới gần sở thì Phi càng bớt vẻ hài lòng về câu chuyện mình vừa kể. Có lẽ bây giờ anh ta mới khám phá được câu chuyện của mình không tầy được nét suy tư trên mặt Trọng. Đến khi xe bắt đầu vào cổng sở thì Phi lại mang vẻ thận trọng lắm lì như khi anh ta phải trả lời một câu hỏi về công vụ,

Lá cờ đã kéo xuống phía dưới, bị gió

thời thụng lại quẩn vào sợi giây. Cột cờ cao vút đứng chênh vênh và cô đơn trong nắng vẽ bóng ngoằn ngoèo như một con rắn đen đang trườn mình trên mái tôn. Chiếc kim dài của chiếc đồng hồ ở bức tường trên cao đang đề lên mình chiếc kim ngắn ở con số bốn. Phi nhìn Trọng dò xét. Còn sớm quá cậu nhỉ. Minh không ngờ là về sớm thế. Trọng nói theo ý mình đang nghĩ :

— Cậu có thấy lạnh không ? Sao tớ thấy lạnh và sợ gió ghê.

Rồi Trọng bước chậm lại trong nắng. Giá mình đem theo được ánh nắng vô phòng làm việc thì đỡ quá. Tâm hồn Trọng muốn được gần mặt trời nhưng bước chân vẫn đưa anh vào bóng mát. Những khuôn mặt ở hai bên hành lang, những nụ cười và những tiếng sầm sùi bàn tán của họ làm Trọng ngọt ngào. Không biết họ có nói gì mình không mà có người cứ đắm đắm nhìn mình thế này ? Còn cô thư ký sao cứ nhìn mình như cảnh sát nhìn kẻ gian ? Hay cô ta nghi ngờ mình vừa đi một vòng với Phi ? Hay là tại mặt mình. Thùy vẫn thường nói khi mình suy nghĩ điều gì thì trông như người thất tình. Nghĩ thế, Trọng mỉm cười và tạo cho mình một vẻ tự nhiên. Và để dấu sự lúng túng. Trọng mở ngăn kéo lấy thư Nguyệt ra đọc. Anh không thể làm gì khác hơn để lo việc hôn nhân của chúng mình sao ? Em không khác thường, em bình thường như những người chung quanh. Em nghĩ là tổ chức một đám cưới như chúng bạn là một việc bình thường, không phải là một đòi hỏi quá đáng. Cho nên có lúc em thắc mắc là, nếu còn yêu em, tại sao anh không thể làm những việc mà em biết anh có thể làm được.

Trọng nhắm mắt để lá thư vào chỗ

cũ. Em bình thường như những người chung quanh? Có phải ý em muốn nói anh bất bình thường không Nguyệt ?

Rồi khuôn mặt Nguyệt cùng với nhiều ý nghĩ về nàng vừa chợt hình thành trong đầu óc Trọng thì Phi đến.

— Vừa có một công vầu thượng khẩn yêu cầu tất cả nhân viên phải họp vào chiều nay 5 giờ để bầu đại-diện và phó đại-diện của Nha này vào Ủy-ban bài-trừ tham-những của Bộ. Cậu ảnh-hưởng ở đây lớn lắm. Nếu có bầu là cậu dính đó.

Phi đột nhiên hạ thấp giọng như nói thầm:

— Việc xảy ra hồi nãy thật đáng tiếc. Tớ tưởng gặp thẳng Lâm-Ký nên mới dẫn cậu vào. Chỉ có cậu với tớ biết chuyện này. Nếu tới tai Ngài Đồng-lý thì nỗi cơn của gia đình tớ bị đe dọa lắm. Mong cậu hiểu cho là tớ chơi tốt với bạn. Tớ đặt quyền lợi của bạn lên trên. Nghe cậu nói là cần tiền nên tớ phải tìm cách xoay cho cậu. Tớ biết cậu cũng tốt với bạn nên tớ mới dốc hết bầu tâm sự. À hình như chuyện thuyền chuyền nhân viên ở sở này sắp xúc-tiến đấy cậu ạ. Minh chẳng có lỗi gì nhưng cũng nhờ cậu nói dùm hộ vài lời với Ngài Đồng-lý.

Trọng không nén nổi sự bức bối. Anh lật ngửa bàn tay dơ về phía trước và vừa tỉnh lên tiếng công-kích Phi thì bỗng có tiếng thầy thầy em em làm Trọng và Phi phải nhìn ra. Một khuôn mặt người đàn ông nhô ra khỏi thành cửa sổ với nụ cười đầy răng vàng.

— Thầy làm ơn cho hồ sơ em đi lệ một chút. À thầy có dùng được Lucky không thầy ?

Phi lừng lững quay đi. Trọng liếc nhìn sau gáy Phi và đoán chừng là hắn đang cười.

Khuôn mặt của người đàn ông càng nhô ra phía trước với những đường nhăn hai bên mắt.

— Nếu thầy dùng được Lucky em xin gửi thêm. Em xin thầy cho hồ sơ em đi le một chút.

Trọng đỏ mặt, đỏ sự tức giận vào người đàn ông :

— Không lẹ gì hết ! Không có Lucky gì hết !

Người đàn ông đẩy về nhẵn nhụi vẫn mỉm cười :

— Em là Lê Hà đây thầy. Thầy quên em rồi sao ?

Trọng quát lên thật lớn xua đuổi làm hàm răng vàng của Lê Hà chạy trốn vào hai vành môi. Mặt ông ta ngo ngác rồi xanh lét. Ông ta vội vàng tháo lui và núp vào bờ tường hành lang. Khuôn mặt sợ sệt của Lê Hà làm Trọng bùi ngùi. Chỉ được cái xạo, mình có quen thằng chó nào là Lê Hà đâu.

(Còn tiếp 1 kỳ)
BUI-KIM-ĐÌNH

SINH-HOẠT

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Yêu và phê bình

Claude Roy hỏi : « Bằng cách nào người ta có thể thành phê-bình-gia ? » Và Claude Roy trả lời : « Người ta không thể nào thành phê-bình-gia được. Cũng như người ta không thể nào ngủ nhiều lần trong một ngày được. »

Lý luận lắm cầm chằng ? Có lẽ. Nhưng mà cuốn sách của Claude Roy — cuốn *Défense de la littérature* — được giới phê-bình cho là viết rất duyên dáng. Văn chương vì sao mà phải bệnh vực nó ? Theo tác giả, người ta hay chê nhà văn là phù phiếm, văn chương là vô dụng. Bởi vậy phải che chở nó. Và tác giả đã hỏi lại những kẻ chê văn sĩ cùng văn chương : thế thì con người chẳng phải là một cái gì phù phiếm trên quả đất này sao ?

Cuộc Cách-mạng không tìm thấy.

Raymond Aron chê báỉ biến cố tháng 5-1968 của sinh viên Pháp hết lời. Phái cấp-tiến giận ông, ông giận họ. Con người trầm lặng ấy thỉnh thoảng nổi một cơn giận âm ỉm. Ông viết một loạt bài trên báo *Figaro*. Rồi ông lại viết luôn một cuốn sách, do nhà Fayard xuất bản, nhan đề là *La Révolution introuvable*.

Nguyên cái chữ « Cách mạng » đã bị bắt bẻ. Cách mạng ? Hay là một cuộc « phi cách mạng » ? Bởi vì nó cách-mạng cái gì ? ở chỗ nào đâu ? Rốt cuộc, tạm gọi nó là những biến-cổ.

Ông nói : « Không ai biết được bọn Cách-mạng nhằm mục đích gì. » Ông lại nói. Phong-trào tháng 5 rốt cuộc mơ hồ cả trong mục tiêu, cả trong ý-thức, cả trong tham vọng của nó, khiến cho nhiều

người Pháp phải chịu rằng lần này cái « ngục Bastille » cần phá đổ không phải là một cá-nhân nào, cũng không phải chế-độ nào, mà chỉ là một bản-thể siêu-hình mệnh danh là xã hội tiêu-thụ ! Chống xã-hội tiêu thụ ! Thế thì có ai là tội nhân đâu ! Có ai đáng bị chống, bị lật đổ đâu ? Chánh-phủ vô tội. André Malraux có lý khi bảo rằng cuộc nổi loạn này thuộc phạm vi Thế-giới-sử. Nó chống vu vơ một hình-thức văn-minh phổ biến khắp thế-giới. Raymond Aron nghiêm hơn Malraux, không cho nó thuộc Thế-giới-sử, mà liệt nó vào lịch sử những trò cười, vào Hải-hước sử.

Tại sao dân chúng Pháp lúc đầu ào ào hưởng ứng phong trào nổi dậy của sinh-viên, rồi chẳng bao lâu lại bỏ phiếu ủng hộ De Gaulle ? — Đó là vì trong thâm tâm dân chúng có những ần ước, những bất mãn tích tụ lâu ngày, chỉ có dịp là tung ra một phen cho hả hê ; tung ra hả hê là một nhu-cầu. Nhưng hả hê xong rồi thì dân chúng lại cảm thấy ngay một nhu cầu khác, là trật-tự, cho nên họ lại ngoan ngoãn quay về với thực tại, giã từ cách-mạng.

Raymond Aron phát cáu với mấy ông bạn trí thức cấp tiến. Hồi trước, ông viết cuốn *L'Optim des intelletuelles* chê bai chế-độ xô-viết. Trí-thức tả phái cô lập ông. Sau đó chính Kruschev chứng minh rằng ông nói đúng, bằng bài diễn văn tố cáo Staline vào năm 1956. Lần này, biến cố tháng 5 phát khởi ; Ông chống lại ; ông lại bị tả phái cô lập. Sau đó, quần chúng Pháp lại bỏ phiếu tán thành thái độ của ông, chống lại những kẻ làm loạn.

May quá ! Chúa vẫn còn

Tạp chí *Express* nhờ tổ chức IFOP mở

một cuộc thăm dò tại Pháp, được biết : 74% tin rằng có thể có một đức Chúa quyền năng, 90% hoàn toàn bác bỏ ý kiến có Chúa, 100% cho rằng không chắc có Chúa.

Thế là khá ảm, khá một cách bất ngờ : cứ bốn người Pháp ở thời đại này đã có ba người tin có Chúa. Vậy mà lâu nay người ta cứ kêu Thượng-đế chết rồi.

Nhân dịp này, nhiều học giả, văn gia, bày tỏ ý kiến. Có kẻ cho rằng quả Chúa vẫn còn, nhiều người tin là Chúa còn đó, nhưng xã hội ngày nay sinh sống ít cần tới Chúa. Thiếu ăn, thiếu thuốc, người ta trông cậy ở bảo-hiêm xã-hội hơn là ở Chúa André Malraux bảo : « Có nhiều kẻ tin ngưỡng trên quả đất này. nhưng nền văn minh hiện đại không phải là một nền văn-minh tôn-giáo... »

Jean Guéhenno lo Người chết hơn là lo Chúa chết : « Nếu tôi được hay tin Chúa chết, tin ấy không làm tôi băn khoăn chút nào. Trừ phi cái chết của Chúa có nghĩa là cái chết của Con người. Ngày nay người ta có thể tự hỏi phải chăng con người đang chết dần, con người trong tư cách cá nhân, trong tư cách là tinh thần, trong tư cách là ý chí danh dự, tự tôn, hạnh phúc. Về chỗ này, tôi tự thấy là kẻ mộ đạo hơn ai hết. Và tự thấy quyết tâm chiến đấu bằng tất cả sức lực của mình để chống lại cái chết ấy. Bởi vì tôi chỉ tin tưởng nơi ý chí của con người ».

Daniel Cohn - Bendit, nhân dịp này cũng phát biểu dăm ba ý kiến, nhưng có lẽ những ý kiến ấy chỉ được ghi lại vì là của Daniel Cohn-Bendit.

Màu da trong văn-học

Khi biết có phải do những xáo trộn trong đời sống Mỹ do cuộc xung đột

trắng đen gây nên? Tự dưng sách Pháp, những sách bán chạy nhất, liên-hệ đến chữ ĐEN hơi nhiều?

Trong tháng 8 này cuốn chạy bậc nhì tên là *L'œuvre au noir*, cuốn chạy thứ ba tên là *Le livre noir des journées de Mai*. Những cuốn đó tuy có chữ ĐEN nhưng lại không đề cập tới vấn đề da màu ở Mỹ; còn cuốn sách ăn khách bậc

thứ 9 tên là *Jubilée* không có chữ ĐEN thì lại do chính một nữ văn sĩ da đen, Margaret Walker viết về một đề tài da đen. Chủ đề nhắc lại chủ đề cuốn *Cuốn theo chiều gió* của Margaret Mitchell. Vì vậy có kẻ đã gọi đùa *Jubilée* là *Cuốn theo chiều da trắng*.

TRANG-THIÊN

VIII — 68

THỜI-SỰ KHOA-HỌC

Sau 25 vụ ghép tim

Cho tới nay trên thế giới đã có 25 vụ ghép tim. Số người được ghép tim hiện còn sống là 7 người. Vừa rồi, 11 trong số 16 vị bác sĩ đã thực hiện các vụ ghép tim nhóm họp tại Cape Town để tìm ra những phương-pháp hoàn hảo hơn, dựa trên các kinh-nghiệm đã qua. Về mặt kỹ-thuật, phương-pháp của bác-sĩ Normand E. Shumway Jr của Viện Đại-học Stanford được coi là đầy đủ và hữu-hiệu nhất. Trong phương-pháp này, một phần của quả tim cũ vẫn được giữ lại để tránh bớt các sự nổi mạch máu và bảo vệ được phần nào hệ-thống điện của quả tim. Về tỉ-lệ số bệnh nhân được cứu sống, bác-sĩ Denton Cooley của viện Houston dẫn đầu với ba người hiện còn sống, trong số có một người đã trở lại đời sống bình thường.

Sự thành công của bác sĩ Cooley một phần nhờ vào việc khám phá kịp thời một dược phẩm mới, chất A.L.G. (anti-lymphocyte globulin). A.L.G có tác-dụng chống lại bạch-huyết-cầu là nguồn gốc tạo nên các kháng-thể cho cơ-thể, như thế bệnh nhân sẽ tránh khỏi phản-ứng thải-trừ (rejection) gây nên bởi các kháng-thể khi có vật-lạ vào cơ-thể.

Coi chừng thuốc lá !

Thuốc lá từ lâu nay vẫn bị coi là kẻ thù nguy hiểm của sức khỏe, giới khoa học coi nó là thủ-phạm của phần lớn các vụ ung-thư phổi. Mặc cho các lời cảnh-cáo, thiên hạ càng ngày càng đua nhau hút. Mới đây, theo kết-quả của các cuộc nghiên-cứu sau cùng thì thuốc lá cũng đồng loã trong vụ gây ra các chứng đau tim.

Một người từ 25-35 tuổi, hút một ngày hai bao thuốc sẽ giảm thọ mất 8 năm, hết nửa bao giảm mất 4 năm. Bất cứ là hút theo kiểu nào ; hút tẩu tử ngậm khói trong miệng rồi nhả ra vẫn bị hại, vì khói thuốc sẽ thấm qua lớp niêm-mạc miệng để vào máu. Chất nicotine của khói thuốc một khi vào máu sẽ làm giảm khả-năng vận-chuyển dưỡng-khí của nó và do đó không đủ cung cấp cho nhu-cầu của tim : các bệnh về tim sẽ dễ xảy ra hơn.

Trên đây chỉ là ý kiến các y sĩ. Còn ý kiến của triết gia mới quan trọng. Theo Lâm Ngữ Đường, thế giới chia làm 2 phe : phe hút thuốc và phe không hút

thuốc ; và riêng ông thì ông tán thành phe ngậm ống điếu. « Người nào ngậm ống điếu là người hợp ý tôi. »

Con nít kỵ vấn đề Việt-nam

« Vấn-đề Việt-nam là một vấn đề không nên cho con nít biết đến chút nào, vì sẽ gây những ảnh-hưởng không tốt trên đầu óc đứa bé. »

Đó là đại ý, lời khuyên của bác-sĩ Bruno Bettelheim, hiện là một nhà tâm-lý-học nổi tiếng ở Hoa-kỳ, nhả nhủ các bậc cha mẹ. Bettelheim chuyên-môn về các bệnh tâm-lý trẻ em, hiện đang điều khiển trường Sonia Shankman nơi ông cho thí nghiệm những phương-pháp trị-liệu mới mẻ. Đây đúng là thiên-đường của trẻ em : không có một hình thức cấm đoán hay trừng phạt nào. Kẹo bánh và nước ngọt không bao giờ thiếu. Mấy cô mấy cậu tha hồ bừa bãi, ăn uống, đánh lộn, chưởi nhau... tất cả đều được tự do. Trong sân trường có đắp một bức tượng khoả-thân tượng trưng cho người mẹ, có kích-thước gấp hai người thường được đặt nằm ngửa giữa bãi cỏ. Mấy chú ôn con sẽ leo lên tượng bà siêu-mẫu (supermother) ấy để sờ mó, vuốt ve và đôi lúc đá vào bức tượng.

Bettelheim nói : « Chúng sẽ biết rằng cái đá sẽ làm đau chúng hơn là làm đau bức tượng. »

Trong lúc chữa bệnh đối với mọi câu hỏi, của bệnh nhân ông đều trả lời : « yes ». Ông cho chữ « yes » là chữ quan trọng bậc nhất trong ngôn-ngữ Anh.

Phương-pháp của Bettelheim tỏ ra rất có hiệu-quả. Các đứa trẻ mắc bệnh tâm-lý do ông chữa khỏi theo phương pháp này, có đứa lớn lên trở thành giáo-sư ở Đại-học đường Havard.

Trẻ thơ Việt-Nam sẽ ra sao khi chính

chúng sống trong một thực-tại mà một nhà tâm-lý như Bruno Bettelheim khuyên răn người Mỹ không nên cho con cái biết đến ?

Cán cân tạo-hóa

Các nhà xã-hội-học đang bận tâm về ảnh hưởng của đời sống thành thị trên tính tình của con người. Các bản thống-kê cho thấy tỉ-lệ các vụ tự tử, ám sát, giết người tập thể, hiếp dâm, trộm cướp, càng ngày càng gia tăng ở các thành phố lớn.

Đời sống thành-thị tỏ ra phản thiên nhiên, nó đem con người vào một khuôn khổ mới càng ngày càng cách biệt với những an bài từ trước. Giữa con người với thiên nhiên như có một cái vòng lẩn quẩn rất khó dứt bỏ. Xứ Bornéo có nhiều muỗi sinh ra bệnh sốt rét rừng ; chính phủ nước này mới cho xịt thuốc DDT để diệt muỗi. Thạch-sùng ăn muỗi bị nhiễm độc chết. Mèo ăn phải thạch sùng bị ngộ độc chết. Lúc bấy giờ chuột sinh sôi nảy nở và mang tới bệnh dịch hạch đe dọa toàn vùng. Bệnh dịch-hạch lại còn nguy hại hơn cả bệnh sốt rét !

Một môn học mới do đó mà ra đời môn *ecology*, chuyên nghiên-cứu về cái vòng lẩn quẩn giữa con người và thiên nhiên đó. Gần đây, các thí-nghiệm trên loài chuột khi nhốt chúng thật nhiều con với nhau trong một cái lồng nhỏ, chuột sinh ra bệnh hoạn về tâm lý, hiếu chiến, rối loạn về đời sống tình dục v.v...

Các nhà xã-hội-học đang tính đem thí-nghiệm đó trên loài chuột rút ra vài suy diễn liên quan đến loài người.

Lại những toan tính làm nhớ đến một tác phẩm của John Steinbeck.

TỬ-DIỆP

Kinh-tế chí-di hay là chuyện đi thường về kinh tế

Chiều 22-8-68, phái-đoàn nhân-viên cao cấp Bộ Giao-thông Công-chánh đã ra trước Ủy-ban Giao-thông Công-chánh Thượng-viện đề trình-bày về vấn-đề sản-xuất điện-nước và điều-hành giá-cả.

Nhân-dân đã lãnh được những bài-học gì qua cuộc đối-thoại trên đây ?

oOo

Vấn-đề điện cho tới nay vẫn là vấn-đề nan giải. Những người giỏi thì quyết-đoán : « Cai-trị tức là tiên-liệu ». Nghĩa là, trước khi đi tới chỗ cúp điện liên-miên, nhà cai-trị đã phải tiên-đoán trước vì chiến-tranh, vì dân quê chạy ra tỉnh, vì quân đội Đồng-minh kéo tới các đô-thị Việt-nam, nhu-cầu điện-lực sẽ gia-tăng và trong 3 tháng, 6 tháng phải nhập-cảng thêm máy, xây-dựng thêm nhà đèn để cung cấp thêm điện.

Dân-ngu thời cho rằng nước mình không có người giỏi về tiên-liệu. Hay người giỏi không được tham-dự chính-quyền cũng rứa. Cho nên tình-trạng thiếu điện đã xảy ra. Và đã có cúp điện lung tung. Nhưng dốt cách mấy thời thiếu điện rồi cũng phải, mua thêm máy phát điện mới. Không-lẽ tình trạng cúp-điện đã kéo dài tới ba năm trường mà vẫn không thay đổi ?

Không lẽ nhà hữu-trách dốt đến cái mức đó ? Thực ra cũng nhiều lý-do có thể bào-chữa cho « ông ta nhà đèn » được.

— *Lý-do thứ nhất*, là dân chậm-tiến mà gan cùng mình, mua toàn loại máy điện tối-tân, khó điều khiển, khó sửa-chữa. Tức là, đưa mồi ma chòi mâm son. Vậy cái lỗi thứ nhất là lỗi tại viện-trợ Mỹ, không đếm xỉa tới khả-năng và nhu-cầu của dân đen Việt-Nam mà chỉ lo bán mấy cái máy thặng-dư của kỹ-nghệ quốc-tế.

Lý-do thứ hai là tính-chất bay-bướm của các nhà sản-xuất ngoại quốc. Máy chỉ sản-xuất có từ 4 ngàn tới 6 ngàn kí-lô-oát mà cao-hứng đề ngay 10 ngàn lẽ 500 kí-lô. Thành thử « ông ta nhà đèn », vốn-dĩ thành-thật chân-chỉ hạt-bột, cứ giấy trắng mực-đen mà tính-toán, mua từng đó máy là đủ phục-vụ nhu-cầu dân-đen rồi. Nào ngờ khi máy chạy, công-xuất lại sụt, nên phải thiếu hụt, đến đổi máy chạy quá sức bị hư-hỏng và nhà đèn phải gạt nước mắt mà cúp điện.

Lý-do thứ ba là thiếu đồ phụ-tùng. Cái này, các nhà kỹ-nghệ Việt-Nam đã đau-đớn thấm-thía từ lâu rồi. Cả cái máy to tổ-bố nằm chình-ình không chạy được, nhiều khi chỉ vì thiếu một bánh xe, một bộ-phận nhỏ. Nhưng không thể nhập-cảng được vì thủ-tục ngoại-thương rườm-rà phức-tạp. Có khi xin cả hai năm cũng chẳng ai thèm trả lời.

Tư nhân thấp cổ bé miệng, chịu bị ăn hiếp đã đành. Đến cả « ông ta nhà đèn », quyền-uy lắm liệt mà cũng chịu bó tay lại hàng trước Bộ Kinh-tế, không phục-vụ được nhu cầu thiết-yếu nhất của dân đen, không phải vì thiếu máy đèn, mà chỉ vì

thiếu đồ phụ-tùng, thiếu «jeu de barres», thiếu «turbo-chargeur», và chưa biết đến bao giờ các đồ phụ tùng đó mới sang tới Việt-Nam. Vậy mới là chuyện thê-thảm. hoang-đường quái-đi.

Còn chuyện tham-những chung quanh việc cấp phát và mắc « công-tơ » thì là chuyện xưa như trái đất rồi. Có đe-dọa « ông ta nhà đèn », có đặt ra biện-pháp mới cũng chẳng thể nào tiêu diệt được tệ-đoan này. Còn độc-quyền thời còn tham nhũng. Chỉ khi nào cho tự-do cạnh tranh mới hy vọng có cảnh tàu thủy Bạch-Thái-Bưởi chạy đường Hanoi - Nam-Định, không lấy tiền hành khách, còn biếu thêm một chén-trà, một bánh ngọt, để tranh khách của các hãng tàu « các chú ».

Đề nghị đáng chú-ý nhất là thống-nhất việc quản-trị các nhà máy điện tại thủ đô về phương diện điều-hành cũng như về quy chế lương bổng.

Ông Đại Tổng-Giám-đốc lãnh có 47.000đ. mà ông Tổng-Giám-đốc, ở cấp bậc thấp hơn, lại lãnh những 125.000đ. thời còn gì là tôn ti trật tự, luân thường đạo nghĩa nữa.

oOo

Sang tới vấn-đề « nước », Saigon Thủy-cục lại tả oán về chuyện không được leo thang từ 6đ lên 18 đồng theo đà của gạo-sữa-thịt.

Riêng về phần Ủy-ban Thượng-viện tuy rằng đại-diện cho dân, và theo nguyên-tắc phải bênh-vực quyền-lợi cho dân-đen, cũng đồng ý phải tăng giá nước gần gấp đôi, từ 6 đồng lên 10 đồng một thước khối.

Đó là bài học cay cú nhất cho dân-đen. Ở nước này, các nhà chức-trách, luôn cả các vị dân-cử, đều quan-niệm rằng các « công-vụ » liên-quan tới nhu-cầu khẩn-thiết nhất của đại-đa-số dân đen cũng phải hoạt-động có lời như kiểu tất cả các hàng quán, xí-nghiệp tư-nhân. Trái lại, ở các nước văn-minh, người ta lại lý-luận hết sức lâm-cầm cho rằng dân-đen đã đóng khá nhiều thuế và chịu khá nhiều bất-công xã-hội, cho nên các nhu cầu hạ-tầng như đường xá, vận-tải, điện-nước, phải được cung-cấp cho họ, hoặc không mất tiền như nước phong-tên, hoặc có lấy tiền thì cũng chỉ lấy phần nào, dưới giá chính-thức. Tính-chất xã-hội của giá cả điện nước đã quá rõ-ràng, tại sao còn phân-bì đắt rẻ. Nếu không đủ ngân-khoản cung-cấp cho các công-vụ này, hãy bắt các người giàu đóng thêm chút thuế nữa đi. Đừng có làm xơ xác thêm dân-nghèo, tội nghiệp.

Đề nghị lý thú nhất là của ông Tổng-trưởng Kinh-tế. Dân đen nên tự túc về máy điện. Nếu nghèo quá thời dăm ba nhà hợp lại để nhập cảng một máy điện nhỏ. Bộ Kinh-tế sẽ khoan hồng miễn cho nhiều sắc thuế nhập-cảng.

Phải, kinh-tế tự-túc là sướng nhất. Thiếu đường xá dân đen hãy tự làm đường lấy. Thiếu phương tiện vận tải, hãy nhập cảng Honda để đi gần và máy bay để đi xa. Mai mốt có thiếu gạo ăn, mỗi nhà hãy cấy lấy ít lúa trên mảnh ruộng nhỏ xeo xéo, là khỏi làm phiền đến chánh-phủ.

Rồi đây máy điện Honda, xưa nay vẫn bị cấm nhập-cảng vì lợi ích quân sự, có được tràn ngập từ Nhật-bản qua Việt-Nam thời bà con mình phải biết ơn Bộ-Kinh-tế đã giải quyết cho nạn cúp điện một cách « có lợi cho tất cả mọi người ».

DUY

Thời-sự thế-giới

TỪ-TRÍ

Tình-hình quốc-tế trong những ngày vừa qua đột nhiên trở nên căng thẳng. Tại Việt Nam trong khi người ta đang đợi một dấu hiệu mới của sự xuống thang chiến tranh thì Cộng quân lại pháo kích trở lại, khiến kết quả của hòa hội Ba-lê hết sức bấp bênh. Quân đội Nga chiếm đóng Tiệp-khắc khiến cho dư luận quốc tế kinh ngạc và náo động có ảnh hưởng không nhỏ tới Đại-hội toàn quốc của Đảng Dân-chủ họp vào ngày 26-8 này.

Á-Châu : chiến cuộc Việt-Nam trở lại gay go.

Sau hai tháng trời lắng dịu khiến các quan-sát-viên đã đi tới kết luận là chiến cuộc Việt-Nam đang nghiêng về một giải pháp nào đó, thì Cộng quân lại đột ngột tấn công trở lại. Lần lượt Tây-ninh và Đà-nẵng bị tấn công, thủ-đô Saigon bị pháo kích.

Nhiều người e rằng những hành động leo thang chiến tranh mới của Bắc-Việt sẽ đưa hòa hội Ba-lê tới tan rã.

Tuy nhiên nếu nhìn vào diễn tiến của hòa hội Ba-lê, tình-hình không đến nỗi quá bi quan. Thật vậy, tuy bên ngoài hai phái đoàn Mỹ và Bắc-Việt đều giữ nguyên luận điệu hộ cũ, vẫn lớn tiếng tố cáo và lên án lẫn nhau, nhưng người ta vẫn có cảm tưởng rằng, những cuộc thương thuyết thầm kín vẫn tiến triển một cách khả quan. Cuộc hội đàm chính thức ở khách-sạn Majestic chỉ là một bối cảnh có tính cách trình-diễn và nhằm mục-dích duy trì sự tiếp xúc giữa hai bên mà thôi. Phần chính của sự thương

thuyết này ở tại các Thủ-đô : Hoa-thịnh Đốn, Mạc-tư-khoa, Bắc-Kinh và Hà-Nội. Cuộc hòa đàm chính không phải là một cuộc gặp gỡ tay đôi giữa Mỹ và Bắc Việt. Đây có lẽ là một cuộc thương-thuyết tay tư giữa các quốc gia liên-hệ tới chiến tranh Việt-Nam. Lê-đức-Thọ, nhân viên Trung-ương Đảng bộ Bắc-Việt đã về Hà-nội để tham-khảo ý-kiến với các lãnh tụ Bắc-Việt. Sau đó Lê-Đức-Thọ đã trở lại Ba-lê sau khi ghé tại Bắc Kinh và Mạc-tư-khoa. Về phía Mỹ, Thượng-nghị-sĩ Mansfeld cũng đã qua Mạc-tư-khoa và Ba-lê và đồng thời Tổng thống Johnson cũng đang chuẩn bị sang Nga. Trước những cuộc công-du của các chính-khách, các quan-sát-viên cho rằng có lẽ Bắc-Việt đã n hượng bộ để được hưởng viện-trợ Mỹ. Nhưng trước khi thỏa-hiệp được công bố, Bắc Việt phải có sự thỏa hiệp của Trung-Cộng và của Nga-sô. Nga tỏ ra hết sức mềm dẻo đối với Mỹ và đã ngầm làm áp-lực với Bắc-Việt để Bắc-Việt phải đi tới hòa-bình nhưng Bắc-Việt cũng không thể đi theo Nga tới mức làm trái hẳn ý Trung-cộng. Nhất là chính quyền Hà-nội luôn luôn bị chia rẽ giữa một khuynh-hướng thân Nga và một khuynh hướng thân Trung-cộng, Bắc-Việt có đồng ý hòa-bình cũng chỉ là có một kế hoãn binh. Nhưng đối với Bắc-Việt, giờ đây hòa-bình không còn là vấn đề quan trọng mà vấn đề chính - yếu là làm thế nào để hòa bình không làm gián đoạn quân bình Nga - Trung cộng vì chính-sách

của Bắc-Việt luôn luôn dựa trên thể quân bình này.

Âu-châu : Nga sô đột nhiên chiếm đóng Tiệp-khắc

Sau hai hội-nghị liên tiếp Cierna và Bratislava, mà bản Thông-cáo chung của 6 đảng Cộng-sản thuộc Minh-ước Varsovie đã nhấn mạnh là « không can thiệp vào công việc nội bộ của các đảng Cộng-sản anh em », thì đột nhiên đêm 21-8, vào hồi 22 giờ, quân đội Nga cùng một số tượng trưng quân đội đồng-minh : Bảo, Hung, Ba-lan, Đông Đức vượt biên giới Tiệp, tràn vào ồ ạt chiếm đóng một số thành phố và thủ-đô Prague, bắt giữ một số lãnh-tụ Tiệp trong đó có Tổng-bí-thư Dubcek và Thủ tướng Cernik.

Về việc quân đội Nga xâm nhập Tiệp, hãng thông-tấn Tass có tuyên bố là, do lời yêu cầu của « các đảng-viên và các nhà hoạt động chính trị Tiệp » nhằm đối phó với « các lực lượng phản cách mạng » và quân đội chiếm đóng sẽ rút ra khỏi Tiệp khắc khi nào chính quyền « hợp pháp » xét không cần tới nữa.

Chủ-tịch đoàn của Quốc-hội Tiệp đã lên tiếng tố cáo hành động vi phạm chủ-quyền Tiệp của 5 nước Cộng-sản anh em, phủ nhận lý do xâm nhập mà hãng Tass đã nêu lên và yêu cầu quân đội các nước anh em hãy rút khỏi đất Tiệp.

Biến-cố trên làm kinh ngạc các nước Tây-phương mà dư luận đều sôi động và hết sức công phẫn. Tại thế-giới Cộng-sản, Nam Tư và Lỗ phản kháng quyết liệt nhất. Các đảng Cộng sản Pháp, Ý đều lên án hành động của Liên-xô. An-ba-ni nhục-mạ cả Tiệp lẫn Nga và cho Nga là có hành động « đế quốc ». Trung-Cộng im hơi lặng tiếng luôn mấy hôm rồi bỗng nhiên lên án Liên-xô dữ dội là « phát

xít », đã có hành động can thiệp trắng trợn bằng võ lực để đàn áp nhân dân Tiệp. Trong khoảng 90 đảng Cộng-sản trên thế giới được Cộng-đảng Nga thừa nhận chỉ có các Cộng đảng Colombie, Chí Lợi, Mông Cổ, Bắc Việt, Bắc Cao là tán thành sự can thiệp của Liên-xô và 4 nước Đông-Âu.

Trước sự bất bình của toàn thế-giới, trước sự nhất trí và quyết tâm kháng cự của Cộng đảng và nhân-dân Tiệp (mà nhiều nơi đã có xung đột đẫm máu với quân đội chiếm đóng làm hàng chục người thiệt mạng) nhất là vì không tạo dựng kịp thời được một thứ chính phủ Tiệp « hợp pháp », như hãng thông-tấn Tass tuyên bố, nên các nhà cầm quyền Liên-xô đành phải điều đình trở lại với cái chính quyền « hợp pháp » cũ, mà các yếu-nhân đã họ bị bắt giữ. Tổng-thống Svoboda đã cầm đầu một phái đoàn Tiệp sang hội-đàm ở Mạc-tư-khoa và tại nơi đây các ông Dubcek, Cernik cũng được trả tự do để tham dự. Sau mấy ngày cãi vã, giằng co một cách vất vả cực nhọc với các lãnh tụ Liên-xô và 4 nước anh em, sáng 27-8 phái đoàn Tiệp đã trở về Prague cùng với đầy đủ các lãnh-tụ đã bị bắt giữ trước đây.

Một bản thỏa-hiệp Nga-Tiệp đã được ký kết tại Mạc-tư-khoa. Nội dung vẫn nhắc lại những điều-khoản đã được thỏa thuận tại các hội nghị Cierna và Bratislava nhưng có thêm các điểm :

— Các lãnh tụ bị bắt giữ trở về với chức vụ cũ và những quyết-định cải tiến phương thức lãnh đạo xã hội, phát triển dân chủ xã hội, của các lãnh tụ Tiệp vẫn được duy trì.

— Mặt khác, Tiệp-khắc phải hủy bỏ

việc đưa vấn đề Tiệp ra Hội-đồng Bảo-an L.H Q., chấp nhận sự đóng quân của Nga và đồng minh trên đất Tiệp, cho tới khi tình hình Tiệp trở lại bình thường...

Những điểm sau này đã làm dân chúng và Quốc-hội Tiệp bất bình, và chống đối quyết liệt, Svoboda và Dubcek đã phải thay nhau lên tiếng thuyết phục dân Tiệp chấp nhận thỏa-hiệp để tránh khỏi đổ máu thêm và, theo tin UPI, trong dịp này Dubcek đã rơi lệ nghẹn ngào.

Sự trở mặt bất thường của Nga làm cho người ta khó có thể đoán được những ngày sắp tới của Tiệp-khắc sẽ ra sao, nhưng ai cũng thấy rõ nhờ đường lối kiên trì và nhẫn nhục của nhóm lãnh đạo, Tiệp có nhiều hy vọng tránh né được những tan vỡ tai hại và điều chắc chắn là khối Cộng sản, do biến cố trên đây sẽ lại rạn nứt nhiều hơn và sâu hơn không cách nào hàn gắn được.

Mỹ-châu : Đại-hội toàn-quốc đảng Dân-chủ Hoa-kỳ nhóm họp.

Ba tuần sau khi Đại-hội Đảng Cộng-hòa cử ông Nixon làm ứng-cử-viên Tổng-thống, giờ lại đến lượt Đại-hội toàn quốc đảng Dân-chủ nhóm họp tại Chicago để chuẩn-bị đề cử ứng-cử-viên chính thức của mình.

Nếu tại Miami Beach đảng Cộng-hòa đã bỏ ra rất nhiều phương-tiện kỹ-thuật và tài-chánh để Đại-hội đảng được thành công thì đảng Dân-chủ cũng bỏ tiền và phương-tiện không kém để bảo-đảm an-ninh cho các đại-diện đảng.

Nguyên do, Đại-hội đã được diễn ra trong một tình-trạng vô cùng hỗn loạn. Khoảng 50.000 người Mỹ khuynh-tả, phản chiến đã kéo tới Chicago dự tính biểu-tình phản đối nếu ông Humphrey được cử làm ứng-cử-viên Dân-Chủ. Những người gọi là « Hippies » cũng không kém hoạt động. Họ cũng họp « đại-hội » để sẽ bầu một con

heo (!) làm ứng-cử-viên Tổng-Thống. Ngoài ra nghiệp-đoàn taxi và điện-thoại cũng đe dọa đình công. Để đối phó với tình-hình này, chính-quyền đã huy động cảnh-sát và quân-đội Liên-bang hùng-hậu tới Chicago. Một kế-hoạch bảo-vệ trật tự đã được áp dụng để dẹp các cuộc biểu tình. Máy bay do thám đã chụp nhiều không-ảnh của Chicago. Các không-ảnh này đã được treo tại đài chỉ-huy ở lầu hai Ngũ-giác-đài để các giới hữu-trách có thể tổ chức ngay các cuộc hành quân chống biểu tình. Lần đầu tiên trong lịch sử chính trị Hoa Kỳ, người ta ra lệnh cấm các đảng viên biểu-tình trong phòng hội đề ủng-hộ các ứng-cử-viên. Với một bầu không khí khó thở như vậy, Đại-hội sẽ mất nhiều phần hào hứng, vui nhộn.

Tình trạng căng thẳng quốc-tế thêm vào đó khiến đảng Dân-chủ phải tìm một ứng-cử-viên thuộc khuynh hướng cứng rắn. Vì vậy mà ngay từ đầu, ông Humphrey đã có nhiều hy vọng đặc cử.

Đại-hội toàn quốc đảng Dân-chủ năm nay đã phơi bày trước dư-luận sự chia rẽ nội bộ nghiêm trọng. Ngay từ khi bắt đầu bàn cãi về chương-trình hoạt-động của Đảng, nhóm thiểu-số « bồ-câu » đã đề-nghị chấm dứt chiến-tranh ở Việt-Nam và tổ chức nhiều cuộc biểu-tình sôi nổi, gây xô xát, đụng độ với phe « điều hâu ». Một số lớn đại-biểu của tiểu-bang Nữu-ước, trung thành với Robert Kennedy, đã phủ vải đen lên bảng tên của phái đoàn họ và khiêng đi như một đám ma. Nhưng chính-sách Việt-Nam của Tổng thống Johnson cũng vẫn được đa số trong Đại-hội xác nhận ủng hộ.

Sau đó Phó Tổng-thống Humphrey đã được bầu làm ứng-cử-viên chính-

thức của đảng ngay trong vòng đầu với 1762 phiếu tức là hơn 400 phiếu trên đa số thái bán. Ô. Humphrey đã yêu cầu Đại-hội chấp-thuận ông Edmund Muskie Thống đốc tiểu-bang Maine làm ứng viên Phó Tổng-thống trong liên-danh Dân-Chủ.

Thế là sau 11 năm hoạt động, giờ đây ông Humphrey đã thành công được một phần. Tất nhiên ông chỉ được thoả mãn hoàn toàn nếu đắc cử Tổng-thống vào

đầu tháng 11 sắp tới, điều mà các quan-sát-viên tỏ vẻ hoài-nghi, vì tình hình quốc-tế đột ngột căng thẳng đã làm uy-tín ông Nixon tăng lên rất nhiều. Cuộc tranh cử giữa hai ông Nixon và Humphrey hứa hẹn sẽ gay cấn. Nếu từ nay đến tháng 11 Tổng-thống Johnson vẫn chưa giải quyết xong được chiến tranh Việt-Nam thì ông Humphrey rất khó hy vọng thắng phiếu.

TỪ TRÌ

Hội Ái-hữu Cựu sinh-viên Đại-học sư-phạm đã bầu Ban chấp hành mới cho nhiệm khóa 68-70

Sáng Chủ nhật 18-8-68, tại Giảng đường trường Đại-học Sư-phạm Sài-gòn, Hội Ái-hữu Cựu sinh-viên ĐHSP đã tổ chức Đại-hội để bầu Ban chấp-hành mới cho nhiệm-khoá 68-70.

Trong phần trình bày hoạt động của Ban-chấp-hành cũ, nhiệm-khoá 66-68, ông Huỳnh-phú-Hạnh cho biết Hội đã làm việc trong những điều kiện khó khăn và thiếu thốn tuy nhiên với những cố gắng và thiện chí, Hội đã có những đóng góp đáng kể như việc tranh đấu đòi chuyển ngữ ở Đại-học và đóng cửa các trường ngoại-quốc tại Việt-nam, việc can thiệp với Bộ Giáo-dục và Quốc-phòng để tìm một giải pháp hợp lý trong việc động viên giáo-chức. Mặt khác, trong phạm vi thăng tiến nghề nghiệp, ông Huỳnh-phú-Hạnh cho biết đã tiếp xúc với giới hữu-quyền và ông Khoa-trưởng Đại học Sư-phạm để tiến tới việc thành lập bậc Cao-học Sư-phạm.

Sau phần thuyết trình của Ban chấp hành cũ, những câu đã chất vấn và những cuộc tranh luận đã diễn ra sôi nổi tới tận trưa và sau khi các hội-viên đã cùng nhau thông cảm, Đại-hội đã bầu Ban chấp-hành mới cho nhiệm-khoá 68-70.

Ban chấp hành mới gồm có Chủ-tịch : Ô. Hồ-ngọc-Hữu, 2 phó Chủ-tịch là Ô. Ô. Trần-bá-Phạm, Nguyễn-trọng-Văn, Tổng thư ký : Ô. Trần-thanh-Quang, Thủ-quỹ : Cô Dương-thủy-Ngân v.v...

Ngoài ra còn các ủy-viên chuyên môn trong các tiểu-ban như : Ban Báo chí, Nghị-luận, Tu thư dịch thuật, Nghiên-cứu Sư-phạm và xã-hội.

Hội Ái-Hữu Cựu Sinh-Viên ĐHSP được ra đời từ năm 1963 Hội chưa có trụ sở chính thức, chưa có một cơ quan ngôn luận hay một đặc san để liên lạc, tương trợ lẫn nhau như mục đích mà hội nêu ra. Người ta hy vọng rằng Ban chấp hành mới có thể vượt qua những khó khăn trên để đem lại những gì mới mẻ và thiết thực cho giáo-dục và giáo chức Việt-Nam.

Trong Gia-đình êm-ấm
Hay trên đường xa
khát mệt

Chỉ có

NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"

Chai "HỎA TIỀN"!



Trong Gia đình em em
Hay trên đường xa
Khát một

CAPSTAN

MEDIUM

